

LÊ MINH QUỐC



HOÀNG HOA THÁM



TƯỚNG QUÂN HOÀNG HOA THÁM

Tác giả: **Lê Minh Quốc**

Thể loại: **Nhân vật - Sự kiện, Nhân vật**

Nhà xuất bản: **NXB Phương Nam books**

Đóng ebook: **Cuibap**

Nguồn text: **Waka**

Mục lục

LỜI NÓI ĐẦU
CHƯƠNG MỘT
CHƯƠNG HAI
CHƯƠNG BA
CHƯƠNG BỐN
CHƯƠNG NĂM
CHƯƠNG SÁU
CHƯƠNG BẢY
CHƯƠNG TÁM
CHƯƠNG CHÍN
CHƯƠNG MƯỜI
CHƯƠNG MƯỜI MỘT
CHƯƠNG MƯỜI HAI
CHƯƠNG MƯỜI BA
CHƯƠNG MƯỜI BỐN
CHƯƠNG KẾT THÚC

LỜI NÓI ĐẦU

Mỗi chúng ta, hôm qua và hôm nay, trong những trăn trở buồn lo, trong những lúc mẫn nguyện cũng như khi thất bại, đều nuôi trong tâm tưởng mình một điều gì đấy cao đẹp, thiêng liêng về một hình ảnh hữu hình hay vô hình nào đó, đôi khi như một huyền thoại lại đôi khi rất cụ thể sống động để mà vươn tới. Có thể đấy là hình ảnh một Trần Hưng Đạo trí dũng song toàn, một Tư Mã Thiên nhẫn nhục và trác việt, một Nguyễn Trãi tài năng và hiền đức, một Nguyễn Du, một Victor Hugo làm rạng rỡ nền văn học nhân loại, một Lý Thường Kiệt và một Quang Trung đầy chất hào khí phương Đông.

Mỗi người có một cuộc sống riêng. Nhưng cái lớn lao, cái cao cả của họ đều để lại dấu ấn trong lịch sử của mỗi dân tộc.

Sự gặp nhau giữa Nhà xuất bản Văn học và Công ty Phát hành sách Thành phố Hồ Chí Minh về việc phác họa lại nhiều chân dung các danh nhân trong và ngoài nước làm cơ sở cho vốn hiểu biết lẫn nhau trước cái cao cả giữa các dân tộc, hy vọng sẽ được độc giả đón nhận.

Về mặt thể hiện, mỗi tác giả, trên cơ sở tư liệu trực tiếp và gián tiếp, những tư liệu văn bản và những tư liệu mang tính dân gian, dựng lại hình ảnh những danh nhân của một thời để lại cho muôn đời.

Có thể ở một góc nhìn nào đấy tác giả chưa đạt được điều mong ước, chúng tôi cũng như tác giả xin được rút kinh nghiệm qua góp ý của độc giả.

Công ty Phát hành sách TP.HCM

Nhà xuất bản Văn học

CHƯƠNG MỘT

*Vì nghĩa lớn sá gì mạng sống,
Tìm đường lên Yên Thế để nương thân.*

Năm giờ sáng ngày 1.9.1858 thực dân Pháp ngang ngược nổ súng tấn công thành phố Đà Nẵng - mở đầu cho công cuộc xâm lược Việt Nam. Kể từ đó, trong lịch sử nước Pháp tồn tại một vết nhơ ô nhục không thể nào tẩy xóa được.

Như một ngẫu nhiên của lịch sử, cũng vào ngày giờ đó tại làng Dị Chế, xã Minh Khai, huyện Tiên Lữ (Hưng Yên) một đứa trẻ mới chào đời. Tiếng khóc oa oa gào lên như cọp rống. Người đàn bà nằm trên giường cứ mỉm cười mãn nguyện. Bà mụ nói vọng ra:

- Ông ơi! Ổn trời đất phù hộ nên bà nhà ta mới sinh được con trai. Ông đặt tên nó là gì?

Người chồng đang ngồi trên chõng tre ngoài nhà, khi nghe tiếng khóc của đứa trẻ, ông mừng lắm, bỏ sách xuống và bước vào bồng đứa bé từ tay bà mụ:

- Hứ! Thằng cu to như ông ba mươi. Tôi đặt nó tên Nghĩa bà ạ!

Nghe vậy, người vợ tuy mệt nhọc cũng hỏi lại:

- BỐ nó đặt thằng cu tên Nghĩa à!

- Ủ! Tên Nghĩa nghe hay lắm! Lúc nó khóc oe oe thì tôi cũng vừa đọc đến chương 24 trong Luận Ngữ. Trong đó có câu: “Tử viết: Phi kỳ quý nhi tế chi, siểm dã kiến nghĩa bất vi vô dũng dã”. Nếu tế những quỷ thần không

đáng tể tức là siểm nịnh quỷ thần để cầu phúc. Thấy việc hợp lẽ mà không làm là người không có dũng khí. Vậy đặt nó tên Nghĩa nhé?

Người vợ đáp:

- Tùy ông! Vậy là mình khỏi nhờ ông giáo đặt hộ.

Thấy vợ đồng tình với tên mình đã đặt cho con, người chồng cất tiếng cười sáng khoái:

- Hay lắm! Nó lớn lên phải có dũng khí để mà làm việc nghĩa. Thầy Mạnh Tử đã nói rằng: “Sinh, ngã sở dục dã. Nghĩa, diệt ngã sở dục dã. Nhị giả bất đắc kiêm, xả sinh nhi thủ nghĩa giả dã”. Hay lắm! Hà hà!

Người vợ ngạc nhiên:

- Ông cười lớn là tại sao vậy?

- Bà nó ơi! Sự sống là điều ta muốn. Việc nghĩa là điều ta cũng muốn. Nếu hai điều ấy không thể đủ được thì ta bỏ sự sống mà làm việc nghĩa. Thầy Mạnh Tử nói chí lý quá phải không bà?

Nói xong, ông bước ra ngoài chõng tre vớ lấy điều cày. Đóm lửa lóe lên. Ông rít mạnh một hơi. Nước điều kêu lên sòng sọc như cũng muốn chia vui với ông. Khói tỏa lên trời xanh. Lùm tre vượn mình trong nắng sớm. Đâu đó có tiếng gà gáy te te. Một ngày mới bắt đầu.

Người đàn ông đang hạnh phúc đó tên là Trương Văn Thận, vợ của ông tên Lương Thị Minh. Gia đình ông gồm có năm người: Trương Văn Kính, Trương Văn Thận, Trương Văn Thân, Trương Thị Hồi và Trương Thị Hương. Bố của ông tên Trương Văn Tính, làm nghề dạy học, chết năm 1842 và mẹ của ông tên Vũ Thị Miên, làm nghề thuê, chết năm 1849. Cuộc đời của ông khá lận đận, học giỏi nhưng thi mãi không đậu. Bây giờ, qua tuổi tam thập nhi lập mới có đứa con trai đầu lòng.

Ngày tháng vùn vụt trôi qua. Thằng bé Nghĩa lớn như thổi. Vợ chồng ông sung sướng lắm. Ông chỉ muốn nó sau này lớn lên, học cho giỏi để trả thù cho những ngày bấp bênh lều chõng của ông mà làm rạng danh họ Trương. Ừ! Gương mặt thằng Nghĩa cũng đĩnh ngộ lắm. Chắc nó sẽ học giỏi lắm đây! Chiều nay sau khi ngủ dậy, nô đùa với con một lúc, ông đưa

con cho chú nó bế đi chơi. Ngồi một mình, ông bùi ngùi nhớ lại những năm tháng đã đi qua cuộc đời mình.

Mặc dầu ông họ Trương, nhưng mọi người trong làng vẫn tưởng ông họ Đoàn. Nguyên do như thế này, trong một buổi chiều nọ, sau khi thắng ván cờ tướng với người bạn cùng xã, ông hứng chí cặp nón sang chơi làng bên. Tại làng Hà Cát, huyện Phù Cừ ông có một người bạn nối khố chí thân. Khi mới bước chân vào đầu làng thì một cảnh tượng hãi hùng đập vào mắt ông. Bạn của ông đang bị quan huyện sai lính gông cõ lại đánh đập tàn nhẫn vì tội vận tải lương thực chậm trễ. Thấy vậy, ông sôi máu lên, muốn nhảy vào cứu bạn. Nhưng ông nén giận quay về nhà. Khi trời vừa sụp tối, ông lại rời khỏi nhà. Lần này, ông len đến cây đa đầu làng và đứng nấp ở đó. Lúc bọn quan huyện và lính lệ vừa ra đến nơi, ông xông ra hữu xung tả đột. Vốn là tay giỏi võ nghệ nên bọn chúng bị ông nện một trận đòn đau nhớ đời.

Sau vụ này, dù không tìm ra thủ phạm nhưng quan huyện trả thù bằng cách đưa bạn ông đi “tiền quân hậu lực” để đánh nhau với quân Lý Thừa đang nổi dậy ở Làng Từa. Một lần nữa vì thương bạn, ông lại dũng cảm bắt Lý Thừa giao nộp quan trên để chuộc tội cho bạn mình. Lúc bấy giờ, khắp nơi đã nổ ra những cuộc khởi nghĩa của dân đen chống lại triều đình thối nát. Một phần sợ quan huyện trả thù, một phần không chịu được sự bóc lột thậm tệ của bọn cường hào, ông đã bỏ làng đưa vợ lên Sơn Tây. Đến đây, để giấu tông tích của mình nên đổi thành họ Đoàn và gia nhập vào dư đảng của Nùng Văn Vân - lúc bấy giờ ông Nguyễn Văn Nhàn đang lãnh đạo nghĩa binh này. Đến lúc ông Nhàn bị quân triều đình bắt và giết chết, hai vợ chồng ông chạy thoát được và trở về quê nhà chí thú cày sâu cuốc bẫm. Đứa con mới chào đời, ông không muốn nó theo nghiệp binh đao mà ông đã trải qua. Ông muốn quên đi những ngày bầm dập ấy. Nghĩ như thế, ông khê thờ dài. Cuộc đời ông đang lật qua một trang khác.

Tiếng chim kêu lạnh lốt trên lùm cây trước nhà đã cắt đứt suy tư của ông, đưa ông trở về hiện tại. Ông Thận rướn người nhìn ra đầu ngõ. Tiếng chó sủa âm ỉ. Tiếng lính lệ quát tháo:

- Có thằng Thận ở nhà không? Quân phản nghịch. Có lệnh bắt mày giao nộp cho quan huyện!

Ông Thận hoảng hốt bước ra ngõ. Hai tên lính lệ xông vào nện ngang lưng ông một gậy. Ông ngã sấp xuống đất. Bọn lính lệ hét vang:

- Có tin cấp báo trước đây mày từng theo dư đảng của Nùng Văn Vân để làm loạn! Có lệnh bắt mày đây!

Ngay lúc đó, vợ ông cũng từ ngoài ruộng về. Thấy chồng mình như thế, bà giận dữ:

- Cớ sự gì vậy? Sao chúng mày đánh chồng tao?

Dường như chỉ đợi thế, bọn lính lệ ủa vào tóm lấy bà. Một tên đã tóm được búi tóc dài của bà. Hấn siết chặt. Đập đầu bà vào thân cây. Máu tung tóe. Bà vỡ sọ chết tươi. Còn ông Thận vừa lồm cồm bò dậy thì bọn chúng đã trói gô lại tống vào cũi. Ông găm lên. Mặc kệ. Bọn chúng giải ông về huyện. Vừa đến huyện đường. Ông Thận cắn lưỡi tự vận.

Biết chuyện không may đã xảy ra, trong lúc bồng thằng Nghĩa đi chơi, ông Thân em trai ông đã nhanh chân bế cháu chạy trốn. Họ chạy lên làng Trũng, phủ Yên Thế. Hoảng sợ trước sự truy nã khủng khiếp này, ông Thân giả làm người ăn xin, đổi qua họ Hoàng, tự đặt tên mình là Quát và thằng Nghĩa được đổi tên thành Thám. Từ sau biến cố này, đứa bé đĩnh ngộ có tên là Hoàng Hoa Thám. Hai chú cháu ông Quát lập nghiệp nơi này. Nghèo quá, ông đành cho Thám làm con nuôi ông Lý Tích. Để đời sau không lẫn lộn gốc tích của mình, ông Quát đã đặt ra bài vè mà dạy cho Thám. Bài vè như thế này:

Danh tiếng ngàn thu miền sơn cước

Anh hùng truyền thống ở họ Trương

Sơn Tây khởi nghĩa tung hoành

Ba đời vì nước tan tành biệt ly

Sa chân gặp lúc lâm nguy

Họ hàng tan nát còn gì nữa đâu!

Dấu nhà còn chút về sau

*Họ Trương biến mất bảo nhau họ Đoàn
Có người lại cãi họ Hoàng
Họ Trương ai biết họ Đoàn nào hay!
Nước non vẫn nước non này
Trăm năm tạc dạ đợi ngày vinh quang
Bao giờ lên đến Bắc Giang
Họ Hoàng cùng với họ Đoàn là đây!
Dấu nhà truyền thống còn dài
Long vân gặp hội thi tài kém ai!*

Trong những lần đi chăn trâu nhà ông Lý Tích, đôi lúc cao hứng, Thám cũng ngâm nga bài về này. Ngay từ nhỏ trong đám bạn chăn trâu, Thám đã nổi tiếng là người khỏe mạnh và có mưu lược. Lúc chia phe ra đánh nhau, nhờ tài trí hơn người nên lúc nào phe Thám cũng thắng. Có một lần cả bọn chăn trâu rủ nhau đi vào trong rừng, chẳng may bị lợn lòi tấn công. Cả bọn chạy tán loạn. Riêng Thám bình tĩnh đứng lại. Dõng dạc như một ông tướng xông pha nơi trận mạc, Thám hét lớn lên rồi lựa thế phang gậy vào đầu lợn lòi. Hăng tiết, con lợn lòi húc mạnh vào Thám. Nhờ có võ, Thám né sang một bên rồi vung thẳng tay phang liên tiếp mấy gậy nữa. Con lợn lòi ngã lăn ra. Bọn chăn trâu thấy vậy chạy đến. Chúng reo hò lên âm ỉ và công kênh đưa Thám về nhà. Nhờ đó, tiếng tăm của Thám được thiên hạ đồn vang.

Dù làm con nuôi ông Lý Tích, nhưng thật ra Đều Thám chỉ là người đi ở đợ. Cơm không đủ ăn. Áo không đủ mặc. Tại sân nhà ông Lý Tích, đêm nào cũng có thầy dạy võ để truyền nghề cho con cháu của ông, nhưng Thám lại không được theo học. Vốn khỏe mạnh và mê nghề võ nên trong những lúc đó, Thám thường lén đứng nhìn và tập theo. Nhờ vậy, dần dần trải qua năm tháng Thám cũng trở nên tinh thông võ nghệ.

Năm hai mươi tuổi, Thám vẫn chưa lấy được vợ, vì không phải là dân làng Trũng mà chỉ là dân ngụ cư nên Thám bị xem thường và chẳng có quyền lợi gì trong làng cả. Thám uất lắm. Thời bấy giờ, ở phủ Yên Thế cộp

dữ, lợn lòi vẫn còn lộng hành. Đêm đêm ông ba mươi vẫn còn lên về làng bắt heo cú, gà quế. Chính vì vậy, trong làng mới chia ra những tốp thanh niên khỏe mạnh luân phiên nhau canh gác. Thám xung phong lãnh trách nhiệm đó.

Đêm nay, bóng trăng treo lơ lửng trên đầu ngọn tre. Làng xóm tĩnh mịch. Vọng từ xa xa tiếng chó sủa vu vơ. Đang chớp mắt thiu thiu ngủ trong điểm canh, bỗng có tiếng động làm Thám bừng tỉnh. Một mùi thối hoặc xộc vào mũi. Thám chồm dậy thì bủn rủn chân tay. Hai mắt con cọp sáng quắt rọi thẳng vào anh. Thám liền hét lớn:

- Cọp! Cọp!

Những người cùng đi canh với anh cũng hét lên:

- Trời ơi! Cọp!

Thế là họ ù té chạy. Con cọp vẫn điềm tĩnh khoan thai từng bước một. Thám nghiêng răng cầm lấy đòn tre dài đã vót nhọn. Trước điểm canh là một khoảng sân rộng, Thám quyết một phen sống mái với con cọp này. Ngay lúc đó, từ phía trong làng mọi người đã cầm đuốc, đánh phèn la ầm ĩ như tiếp sức cho Thám. Anh nhanh nhẹn nhảy ra khoảng sân rộng thủ thế. Con cọp vẫn thản nhiên liếc mắt nhìn anh. Đột nhiên, nó mọp xuống rồi nhanh như cắt phóng lên chụp lấy anh. Chỉ trong tích tắc, anh nhanh nhẹn né người qua bên tránh miếng đòn đầu tiên của con thú dữ. Lạ thay! Dù phóng lên dũng mãnh như thế, nhưng con cọp lại hạ xuống rất nhẹ nhàng. Bốn chân nó vừa chạm đất thì Thám liền chia ngọn tre nhọn hoắt ngang hông nó. Con cọp rú lên. Tiếng gầm rú trong cơn tức giận của nó, người ta có cảm tưởng như rung chuyển cả đại ngàn. Nó lập tức phóng lên. Bụi bay mịt mù. Thám bình tĩnh tung ngọn tre chống đỡ. Con cọp nhảy tới, nhảy lui tìm thế xông vào đối phương và miệng luôn gầm thét. Hai bên quần nhau bất phân thắng bại.

Đến lúc Thám gần kiệt sức, con cọp bỗng hộc lên một tiếng, nó lăn ra sân nằm đưa chân lên trời. Tiếng phèn la vẫn inh ỏi. Đuốc cháy sáng bập bùng. Mặc dù con cọp nằm tênh hênh như thế, nhưng không ai dám nhảy vào tiếp sức với Thám. Trong ngón nghề đánh cọp, người ta gọi đây là

miếng trâu vàng. Con cọp khi đã thành tinh rồi thì mới học được miếng này. Nó khôn ngoan giả vờ nằm như thế là để đánh lừa đối thủ. Những tay non nghề tưởng bở, nhảy vào trong lúc này thì con cọp bắt ngay vũ khí rồi móc luôn họng địch thủ. Thám đã được nghe nhiều thầy dạy võ nói như thế nên anh chỉ đứng yên. Một lát sau, không thấy động tĩnh gì, con cọp chồm dậy. Hai bên lại tung nhau vào trận đấu. Tiếng cọp gầm lồng lộn, tiếng đòn tre quay vút trong gió đã tạo nên âm thanh rùng rợn.

Khi con cọp nhảy xồm vào người Thám, anh quyết định tung ra đòn cuối cùng. Thám ngồi thụp xuống. Đòn tre nhọn chia thẳng lên trời đen. Lấy hết sức bình sinh, anh thọc đòn tre nhọn vào bụng thú dữ. Bị bất ngờ, nó rú lên khùng khiếp rồi dùng hai chân trước quào xuống đầu Thám. Anh né người tránh, nhưng móng vuốt cũng lướt qua vai. Máu tung tóe. Nhưng con cọp càng giãy giụa thì anh càng đâm ngọn tre vào sâu hơn nữa. Mùi máu cọp tanh tưởi chảy xối xả xuống mặt anh. Thám kiệt sức. Anh buông tay ra. Con cọp hộc lên tiếng kêu thảm thiết. Nó nhảy vọt ra khỏi vòng chiến đấu để toan chạy về rừng. Lúc này, thấy con cọp đã ngất ngư, mọi người liền xông vào tung roi quyết chiến. Cuối cùng, con cọp nằm yên chịu chết dưới làn mưa roi của dân làng Trũng.

Sau trận đánh cọp này, danh tiếng Thám nổi lên như cồn. Ông Lý Tích cũng sung sướng tự hào với đứa con nuôi của mình. Nhờ vậy, ông mới chịu cùng ông Quát đứng ra hỏi vợ cho Thám. Đó là một cô gái quê chăm làm, đẹp nết tên là Tảo. Hai năm sau, vợ chồng Thám sinh đứa con đầu lòng. Anh đặt tên là Trọng với ngụ ý “trọng nghĩa khinh tài”.

Nhưng Hoàng Hoa Thám là người có chí lớn. Vợ đẹp con ngoan không là mục đích của đời anh. Khi lớn lên, anh đã ý thức được cái chết vì nghĩa lớn của bố mẹ anh. Và bây giờ, binh đao đang nổi lên khắp nơi. Nhà Nguyễn lần lượt để đất đai mất vào tay bọn xâm lược nhà nghề. Đời sống của dân đen ngày càng cùng khổ. Linh mục Retort đã ghi nhận trong Nhật Ký Truyền Đạo Xứ Bắc Kỳ: “Dân nghèo bán cả những mảnh ruộng của mình cho nhà giàu với giá rất hời, hoặc vay vãi đấu gạo và hứa sẽ trả gấp bốn lần trong mùa gặt tới. Thành thử số thóc sắp thu hoạch chỉ đủ để trả các

món nợ, và họ phải rơi ngay vào một vụ đói mới. Thật tội nghiệp phải trông thấy những kẻ đói khát, họ ăn tất cả mọi thứ để khỏi chết đói. Họ nhai ngẫu nhiên lá cây, cỏ, rễ cây hoặc các loại côn trùng. Thậm chí có người phải chôn con mình để khỏi phải nhìn thấy con trong cơn đói khát”. Trong dân gian thời này xuất hiện một bài về mô tả cảnh bi đát của người nông dân:

*Cơm thì chẳng có
Rau cháo cũng không
Đất trắng xóa ngoài đồng
Nhà giàu niêm kín cổng
Còn một bộ xương sống
Vợ vất đi ăn mày
Ngồi xó chợ lùm cây
Quạ kêu vang bốn phía
Xác đầy nghĩa địa
Thây thối bên cầu
Trời âm ảm u sầu
Cảnh hoang tàn đói rét
Dân nghèo cùng kiệt
Kẻ lưu lạc tha hương
Người chết chợ chết đường
Trừ bụng lòng lang dạ thú không thương
Ai nấy chẳng đau lòng xót dạ?*

Hoàn cảnh của Thám cũng như thế. Hai vợ chồng anh làm quần quật suốt ngày vẫn thiếu đói. Anh thường nói với vợ:

Chồng người đi ngược đi xuôi.

Chồng em ngồi bếp cho buổi dính tro!

Lẽ nào cuộc đời anh phải chết mục xác ở cái làng Trùng này à?

Vợ Thám đáp:

- Ngày trước, tôi bằng lòng lấy ông vì biết ông có sức hơn người, có chí hơn người. Tôi biết ông mưu việc lớn. Nhưng ông ạ! Con còn nhỏ dại. Ông đi thì tôi biết làm sao? Hay là đợi nhà ta...

Vợ Thám chưa nói hết câu, Thám quát:

- Nước mất thì nhà cũng tan. Đợi là đợi đến lúc nào nữa? Bà nó ạ! Tôi muốn dẫn thân vào chốn binh đao. Làm trai mà được chết ngoài chiến địa há không phải là một vinh dự sao?

- Tôi van ông! Ông nói khề thôi.

Thám thương vợ quá. Người phụ nữ ốm yếu này lúc nào cũng lo sợ. Tảo im lặng. Đã nghe chồng nói thế thì Tảo đáp cụt lủn:

- Thôi, tùy ông!

Thám không nói nữa. Anh bước ra sân đi những đường quyền đẹp mắt. Sau đó, anh leo lên mái nhà lợp tranh lại. Từ mùa mưa này, anh bỏ nhà ra đi thì vợ dại con thơ còn biết trông cậy vào ai? Đêm hôm đó, vợ chồng mặn nồng ân ái với nhau. Vào canh tư khi gà gáy te te ngoài ngõ, để cho chồng ngủ ngon giấc, vợ Thám rón rén thức dậy đi thổi cơm cho chồng. Gà gáy sang canh năm, Thám thức dậy. Anh từ biệt vợ:

- Bà nuôi thằng Trọng cho đến ngày khôn lớn. Nếu chẳng may tôi bỏ xác thì bà lấy ngày hôm nay làm giỗ ma chay. Còn nếu nhờ ơn trời mà lập nên sự nghiệp lớn thì tôi sẽ đón bà với thằng Trọng lên đại bản doanh của tôi.

Vợ Thám khóc nức nở. An ủi vợ xong, Thám lên đường đi Bắc Ninh.

Đến vùng chiến sự, anh xin vào đội nghĩa quân của lãnh binh Trần Xuân Soạn. Nhờ có sức khỏe và tài trí mưu lược nên thời gian sau, Thám được giao chỉ huy một toán quân vài chục người. Nhưng gươm cùn, mác ngắn không thể chống chọi được với tàu chiến đạn đồng của giặc Pháp, đội quân Trần Xuân Soạn bị chìm trong máu. Thám bơ vơ đi tìm minh chủ mới.

Tình hình đất nước đang cực kỳ rối ren.

Từ sau năm 1880, chủ nghĩa tư bản Pháp đang chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa nên yêu cầu đẩy mạnh xâm chiếm thuộc địa, hoàn thành đánh chiếm Việt Nam càng thêm cấp thiết. Ngày 15-5-1883, nghị viện Pháp

hợp thông qua ngân sách chiến phí và quyết định gởi thêm quân, chiến hạm sang tham chiến ở Việt Nam. Bên cạnh đó, nhằm thương lượng với Pháp về việc “mua bán” nước ta nên quân nhà Thanh từ Trung Hoa cũng tràn sang. Đời sống dân đen cực khổ không kể xiết.

Đối với một người có chí vùng vẫy biển trời như Thám thì không thể về quê vui thú cày cuốc. Nghe đồn ở Yên Thế có một hào phú, thạo nghề binh, đang chiêu hiền đãi sĩ để mộ quân chống Pháp, Thám liền phóng ngựa đi tìm. Tay hào phú đứng đầu hàng nước ở đó là Ba Phúc. Sau khi được yết kiến, Thám cùng Ba Phúc bàn bạc việc quân thì lấy làm tâm đắc lắm. Thám nhận Ba Phúc làm cha nuôi và trở thành cánh tay phải của ông, bất cứ việc lớn nhỏ nào cũng đều hỏi qua ý kiến của Thám. Ngày 12-3-1884, được nghe tin Pháp sẽ đánh lấy Bắc Ninh, Ba Phúc hạ lệnh tế cờ khao quân rồi đem quân xuống đó tung hoành một phen. Đánh được vài trận, nhưng trớ làm sao chọi được với đá? Quân của Ba Phúc tan vỡ, Ba Phúc và Thám kéo tàn quân đi tìm Hoàng Đình Kinh, tục gọi Cai Kinh – một lãnh tụ của phong trào Cần Vương đang dấy binh ở núi Đồng Nãi.

Kinh là dư đảng của Cai Vàng. Sau khi thủ lĩnh chết, Kinh chiếm lấy một vùng rộng lớn ở Phủ Lạng Thương tung quân đi đánh phá khắp nơi. Cách tổ chức của ông rất có quy củ nên gây được thanh thế lớn. Ông thường đem chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi ra mà giáo dục nghĩa quân: “Nếu ai sợ hết, cam chịu yên vui lo cho gia đình hơn là việc xã tắc thì hãy từ chối. Ai tránh việc quân mà rời đội ngũ, bỏ chỗ sáng lao vào chỗ tối, sống lén lút vui thú với đàn bà, như vậy là trọng tội với triều đình, pháp luật sẽ trừng trị, hối về sau thì đã muộn”. Sau khi Thám và Ba Phúc tìm đến nơi, tham gia vài trận lớn, Cai Kinh nhận thấy Thám là người tâm phúc và mưu trí hơn người nên cử anh là Đề Đốc. Từ đó, mọi người quen gọi anh là Đề Thám.

Vào thời điểm này, cuộc “mua bán” Việt Nam giữa thực dân Pháp và triều đình phong kiến Mãn Thanh cũng vừa kết thúc. Ngày 11-5-1884 họ cùng ký vào Hòa ước Thiên Tân. Theo đó, quân nhà Thanh sẽ rút hết khỏi Bắc Kỳ để Pháp rảnh tay đàn áp phong trào kháng chiến của nhân dân ta đang đồng loạt nổi dậy, ngược lại, Pháp phải cắt nhiều vùng đất ở biên giới

phía Bắc nhường hẳn cho Trung Hoa. Trên đà thắng thế này, thực dân Pháp lại gây áp lực mới buộc triều đình Huế ký hiệp ước ngày 6-6-1884 đặt cơ sở lâu dài và chủ yếu về quyền đô hộ của nước Pháp tại Việt Nam. Đối với nghĩa quân của Cai Kinh, khi có thêm Đề Thám và Ba Phức thì như mọc thêm vây cánh. Ngày 31-5-1886, Cai Kinh đã dẫn 400 quân đi vây đánh đồn Thanh Muội. Giặc Pháp kéo quân từ Lạng Sơn xuống tiếp viện. Hai bên giao chiến ác liệt. Đại tá Dugenne bị phục kích chết trong chiến dịch này. Cầm cự với giặc được hai tháng, nghĩa quân của Cai Kinh nao núng. Trên đường rút quân về bên kia biên giới, chẳng may Cai Kinh bị giặc bắt sống. Cũng trong thời gian này, ngọn cờ Cần Vương – mà linh hồn là vua Hàm Nghi – cũng bị Pháp bẻ gãy. Sau khi rời Ấu Sơn chạy lên Quảng Bình, vua Hàm Nghi đã bị tên Trương Quang Ngọc làm phản. Nó dẫn bọn thuộc hạ vác nỏ, cầm giáo, đeo gươm đi bắt vua theo lệnh của đại úy Boulanger. Lợi dụng lúc trời tối bọn chó săn kéo đến bờ khe Tá Bào – nơi nghỉ chân của vua Hàm Nghi. Thấy động, Tôn Thất Thiệp vừa vác gươm xông ra thì Cao Viết Lượng đã phóng một ngọn đao xuyên qua ngực. Vua Hàm Nghi sức tỉnh dậy, từ trong lều bước ra, biết mình bị phản, ông chĩa gươm bảo Ngọc: “Thằng Ngọc! Mày giết ta đi! Còn hơn mày đem ta nộp cho giặc Tây!”. Đó là lúc 10 giờ đêm ngày 26-6-1888. Còn Cai Kinh sau khi bị bắt, viên công sứ Lạng Sơn đã hạ lệnh chém đầu ông vào ngày 6-7-1888. Từ đó, nhân dân thương tiếc đã lấy tên ông đặt cho dãy núi Đồng Nãi mà ông từng đóng quân là núi Cai Kinh.

Tình hình quá đổi bi đát, Ba Phức và Đề Thám kéo một số tàn quân lên Yên Thế. Trong người Thám vẫn còn giữ được tờ sắc của vua Hàm Nghi đã phong “Chánh Đề Đốc Hoàng Hoa Thám” với ấn son rực rỡ.

Ngày 1-10-1888, bắt đầu có Chỉ Dụ của triều đình Huế dâng Hà Nội cho Pháp. Tòa Công sứ đã đặt ở 80 phố Hàng Gai bây giờ. Đền Ngọc Sơn dành cho đội quân Thông tấn báo chí. Đội quân tình báo, quân nhu đóng ngay tại chùa Quan Thượng.^[1] Trong khi đó, Tổng Đốc Hà Nội phải dời trụ sở về làng Tiên Thị.^[2] Mía mai hơn, Nha Kinh lược đại diện tối cao cho triều đình

ở ngoài Bắc phải đóng trụ sở tại phố Hàng Gia bên cạnh công sứ Pháp để thuận tiện cho việc xin chỉ thị!

Thế nhưng, nhân dân không hèn nhát như vua quan nhà Nguyễn mà họ:

Rập rình súng bắn cờ xiêu

Phen này quyết đánh cả triều lẫn Tây

Đánh cả triều đình bán nước lẫn thẳng Tây cướp nước. Sau thất bại của Cai Kinh, Thám tìm đường lên Yên Thế vì nhiều lẽ. Lúc bấy giờ, Yên Thế đang vang dội tên tuổi của Lương Văn Năm, tức Đề Năm. Những trận đánh của ông đã gây cho giặc Pháp khiếp vía. Thời gian lẫn lộn ở chiến trường đã dạy cho Thám nhận thức được chỉ có Đề Năm, cũng như Lãnh binh Soạn, Cai Kinh mới là minh chủ của mình. Hơn nữa, thời thế đã giúp cho Thám có sự chọn lựa đúng đắn. Khi anh cùng Ba Phúc lên Yên Thế thì giặc Pháp cũng vừa càn quét vùng này. Đội Văn – thủ lĩnh của lính khố xanh tham gia kháng chiến – mới bị bắt. Trước đây, Đội Văn từng đứng trong hàng ngũ của nghĩa quân Bãi Sậy, sau ra hàng Pháp và trở thành cánh tay đắc lực của Hoàng Cao Khải. Không rõ vì lý do gì, sau đó Đội Văn đưa 500 lính khố xanh lên Yên Thế chống Pháp. Sau khi tác chiến, chẳng may Đội Văn bị sốt rét nên không chạy thoát được. Mấy cha cố Bắc Ninh được tin và biết chỗ trú ẩn của ông nên dẫn Pháp đến bắt. Ông bị chém đầu vào ngày 7-11-1889 tại vườn tượng Paul Bert. ^[3]Hào hùng thay! Dòng máu yêu nước của Đội Văn đã bắn thẳng vào mặt tượng tên quan văn – người đầu tiên đứng đầu hệ thống cai trị lúc bấy giờ. Tượng này làm bằng đồng hun, dựng năm 1886. Mặt hấn quay ra phía hồ Hoàn Kiếm, tay phải cầm chiếc cờ Tam Tài, tay trái chĩa về phía sau với năm ngón xòe ra. Dưới chân hấn đang đứng là tượng nhỏ một người An Nam mặc áo cộc, đầu chít khăn, chân dẫm đất, ngồi xổm, ngừng mặt lên như van lơn, cầu khẩn. Mía mai hơn là phía bên Cửa Nam có tượng mục đầm xòe và trên bờ hồ phía tây có đền và tượng vua Lê. Sau cái chết oanh liệt của Đội Văn và những người yêu nước khác thì Đề Thám được nghe những câu về thú vị:

Nực cười cho lão Paul Bert

Chực chim con mẹ đầm xòe Cửa Nam

Vua Lê đứng giữa nghìn hàng

Trò gương, quắc mắt: - Mà làm gì kia

Paul rằng: - Trăm lạy vua Lê

Con be để đỡ máu dê trong người!

Và đây cũng là thời gian mà giặc Pháp mua chuộc được Lương Tam Kỳ đang dấy binh ở Chợ Chu. Ba Kỳ khởi binh ở Chợ Mới cũng noi gương trên mà ra đầu hàng. Còn chiến khu Bãi Sậy, cuộc kháng chiến của cụ Tán Thuật cũng không đủ sức cầm cự lâu dài với giặc. Cuối năm 1889, cụ phải trốn sang Tàu. Đền Thám đã nhìn thấy giữa sự tàn lụi đó một ngôi sao sáng còn sót lại: Đền Năm. Và hơn ai hết, chính Đền Thám đã có một tầm nhìn chiến lược với địa thế Yên Thế. Từ đó, có Yên Thế mà Đền Thám trở nên lừng lẫy, ngược lại chính Đền Thám đã làm rạng danh Yên Thế.

Thời Lý, Yên Thế nằm trong đất Lạng Châu. Thời Trần mang tên là Yên Viễn thuộc lộ Như Nguyệt Giang. Khi nhà Minh đô hộ nước ta, Yên Thế mang tên Thanh Viễn. Đến thời Lê đổi lại Yên Thế. Thời Nguyễn gọi là đạo Yên Thế (1874). Ngày 24-12-1895, chính phủ Pháp lập đạo quan binh Yên Thế, giải tán tổng Yên Thế, nhập hai tổng Hương Vĩ, Hữu Thượng của Hữu Lũng và Ngọc Cục của Yên Dũng sang. Năm 1899, thay thế đạo quan binh là đại lý Nhã Nam. Đầu thế kỷ XX đổi gọi là phủ Yên Thế. Từ ngàn xưa trong dân gian có câu:

Tiểu loạn cư Thăng Long

Đại loạn cư Yên Thế

Có thể hiểu rằng: Làm loạn nhỏ thì cư ngụ ở đất Thăng Long cũng được, nhưng muốn làm loạn lớn thì phải lên đất Yên Thế thì mới an toàn.

Vùng đất này, quyển 19 *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn đã ghi nhận: “Rừng núi ngăn cách, hang khe hiểm trở, bọn bất đắc chí thường lên lút ra vào, việc cầm phòng rất là cần thiết”. Đây là phủ thuộc tỉnh Bắc Giang ở phía Tây Bắc cách Hà Nội trên 50 cây số. Một mặt dựa vào dãy núi Cai Kinh và mặt khác lọt vào giữa thượng lưu sông Cầu và sông Thương – tạo nên thuận lợi cho việc cầm binh đánh giặc. Phần phía Bắc gọi là Yên Thế Thượng, có nhiều đồi, gò hiểm trở, cheo leo,

hiểm lóc, có nơi cao đến một trăm năm mươi thước. Phần phía Nam gọi là Yên Thế Hạ có nhiều ruộng đất làng mạc. Từ Yên Thế có đường giao thông đi đến nhiều tỉnh khác, thuận tiện cho việc đánh chiếm các tỉnh trung châu Bắc Kỳ mà khi thất thế có thể rút sang biên giới. Từ ngàn xưa Yên Thế đã là vùng đất dụng võ của những tay giang hồ hảo hớn.

Sự có mặt của Đề Thám tại Yên Thế sẽ là mục tiêu tấn công liên tục của giặc Pháp. Những trận đánh kéo dài trên 20 năm đã lưu lại một vết son rực rỡ trong lịch sử cận đại Việt Nam. Và muôn đời sau khi nói đến Yên Thế buộc chúng ta phải nhớ đến một thời oanh liệt của một Con Người được mệnh danh là Hùm Thiêng Yên Thế: Hoàng Hoa Thám, tức Đề Thám.

[1] Khu nhà Bưu điện trên hồ Gươm hiện nay.

[2] Phố Lý Quốc Sư ngày nay.

[3] Nay là vườn hoa Chí Linh.

CHƯƠNG HAI

Chém Đền Sặt – danh tiếng lẫy lừng

Mưu đầu độc của Lê Hoan thất bại

Năm 1890, Lanessan - Toàn quyền Đông Dương và Thống tướng Duchemin - Tổng chỉ huy quân đội viễn xâm đã cử tướng Godil và đại tá Godard đem quân lên Yên Thế. Những trận đánh oanh liệt dưới quyền chỉ huy của Đền Thám bắt đầu.

Pháp không thể để yên cho Đền Năm cùng những tướng lĩnh của ông như Đền Thám, Thống Sặt, Đền Cúc, Đền Truật, Đền Sặt... tiếp tục khuếch trương thanh thế. Nghĩa quân của ông thường xuyên đánh phá các đường giao thông tiếp tế của Pháp từ đồng bằng lên miền thượng du. Dòng sông Thương dẫn lên Bắc Giang hoặc con đường từ Phủ Lạng Thương lên Lạng Sơn và nhất là dọc theo đường số 4 từ suối Ghènh, làng Nác ở phía đông, phía tây dãy núi Cai Kinh liên tục bị nghĩa quân phục kích. Trước tình thế đó, chính phủ Pháp quyết định khởi công làm con đường xe lửa nối liền Hà Nội – Lạng Sơn vào năm 1888. con đường này là mạch máu giao thông chiến lược nối liền đồng bằng với miền Thượng du. Năm bắt được ý đồ đó, nghĩa quân đã dồn lực lượng về Lạng Sơn quấy rối. Quân Pháp bị tổn thất nặng nề, không thể thực hiện được con đường chiến lược này, toàn quyền Lanessan tức giận hạ lệnh tiêu diệt tận gốc nghĩa quân kháng chiến.

Ngày 6-11-1890, giặc Pháp tung ra 800 binh sĩ, 5 khẩu đại bác, 2 chiến thuyền tham dự trận đánh này. Chúng chia quân thành ba mũi từ Thái

Nguyên, Bắc Ninh, Bồ Hạ tiến lên Cao Thượng. Khi đến cách Cao Thượng một ngàn mét, chúng đã cho nã đại bác liên tục. Rừng núi rung chuyển dữ dội.

Phía nghĩa quân vẫn án binh bất động. Không một phát súng bắn trả lại. Tưởng rằng họ đã hoảng sợ rút lui nên giặc Pháp ồ ạt xông lên. Bất ngờ, từ trong chiến hào một làn mưa đạn, cung tên bắn ra. Pháp bị mắc mưu nên thiệt hại nặng nề, tạm thời phải rút quân.

Ngày 11-12, thiếu tá Tanneur đem 250 binh sĩ, một đại bác bí mật hành quân dọc theo sông Thương để tiến lên đánh phía Đông Bắc, nhưng chúng đã bị phục kích ở Hữu Thượng. Điên tiết trước trận đòn bất ngờ này, ngày 22-12 đại tá Winckel và thiếu tá Mayer đem 600 binh sĩ, 4 đại bác lên tăng cường cho Tanneur. Nghĩa quân và binh sĩ Pháp chạm trán nhau. Hai bên đánh nhau liên tục trong ba tiếng đồng hồ. Hỏa lực của giặc ào ào như bão nổi, lốc xoáy. Nhưng chúng hết sức kinh ngạc khi thấy nghĩa quân không rời bỏ vị trí chiến đấu. Pháp cho xung phong ba đợt nhưng không chiếm được mục tiêu. Từ trong công sự vững chắc những loạt đạn của nghĩa quân đã kết liễu cuộc đời của trung úy Blaize và 40 binh sĩ khác. Cuối cùng, do nghĩa quân hết đạn nên Pháp cũng chiếm được Cao Thượng, khi chúng làm chủ trận địa thì nghĩa quân đã rút hết. Bọn chúng ôm mối hận cút về Nhã Nam, sau khi tưới dầu đốt cháy hết doanh trại nơi đây.

Đề Thám cùng bộ chỉ huy hạ lệnh cho nghĩa quân rút sâu vào rừng Yên Thế. Tại Hồ Chuối, họ đã xây dựng những đồn kiên cố mà theo sử sách của thực dân thì phải có trên 2.000 nhân công mới làm nổi. Ngày 9-1-1891, đại tá Frey đem 1.300 binh sĩ với nhiều súng cối, đại bác tấn công Hồ Chuối. Chúng tung hỏa lực suốt mấy tiếng đồng hồ để dọn đường cho những đợt xung phong lên. Lúc này, nghĩa quân lại rút lui. Họ đã tính toán đúng con đường mà giặc sẽ quay về khi chiếm được Hồ Chuối. Quả nhiên, khi chiếm được mục tiêu, giặc chỉ thấy đồn trống và hạ lệnh quay lui. Trên đường về, bất ngờ chúng đã bị nghĩa quân phục kích và đánh một trận dữ dội. Xác người đổ xuống như cây mùa thu trút lá. Đại úy Guigne, trung úy Brezzi chết tại chỗ. Thất thế Pháp buộc phải kéo về Nhã Nam.

Nghĩa quân vẫn hùng cứ ở Yên Thế. Họ đã xây dựng lại bảy đồn mới với những hướng lĩnh tài ba chỉ huy như: Đền Năm, Đền Lâm, Đền Truật, Đền Trung, Đền Thám, Tổng Tài, Ba Phúc. Sau hai đợt tấn công thất bại, Pháp quyết định mở đợt hành quân càn quét thứ ba. Còn Đền Thám sau khi củng cố đội hình chiến đấu mới, ông cưới thêm bà vợ thứ hai.

Tháng 1-1892, một chiến dịch lớn do tướng Voyron và tám thiếu tá chỉ huy. Quân số lên đến 2.300 người. Tổng hành dinh của chúng đóng ở Bồ Hạ. Đường vận chuyển lương thực, vũ khí là dòng sông Thương và đường Bắc Giang-Kép. Ngoài ra, chúng còn đắp đường bộ từ Kép đến Bồ Hạ để vận chuyển đại bác 95 ly. Trọng pháo của giặc bắn ròn rã trong vòng 26 ngày để yểm trợ cuộc tấn công. Hỏa lực của giặc quá mạnh, nên một số nghĩa quân phải rời bỏ đồn rút về hướng Đông Bắc – dù địch chưa dám xung phong chiếm đồn. Sự rút lui của nghĩa quân chớp nhoáng, có quy củ và tuyệt đối bí mật nên giặc không hay biết. Ngày 28-2-1892 chúng đã bắn tới 200 quả đại bác về hướng Tây Nam. Nhưng tất cả đều vô ích. Khi chúng chiếm được vị trí thì chỉ tịch thu được 15.000 cân ngô, gạo và 20 xác nghĩa quân vừa mới chôn xong. Ngày 23-3 chúng cho đại bác bắn như điên cuồng vào đồn của Đền Thám chỉ huy, bà vợ hai của ông đã chết trong trận này. Ngày 30-3, trung tá Geil tấn công vào đồn Ba Phúc và những đồn khác. Một số tướng lĩnh và nghĩa quân đã hoang mang xuống tinh thần. Ngày 12-4, Đền Sắt đã lập mưu chặt đầu thủ lĩnh Đền Năm – hẳn đã lấy đầu người anh hùng để làm lễ vật ra hàng Pháp. Đền Tiên cũng ra hàng, nhưng bị Pháp giết vì còn giấu 9 khẩu súng và 250 viên đạn.

Đứng trước tình hình nguy ngập này, quân không tướng như rắn mất đầu. Đền Thám quyết định đứng ra tổ chức lại đội ngũ chiến đấu mà chính ông sẽ là thủ lĩnh của họ. Một mặt tổ chức lại nghĩa quân chống trả những đợt tấn công ồ ạt của giặc, một mặt ông sai thủ hạ thân tín đi tìm bắt Đền Sắt. Sắt đã bị trói quặt tay ra sau lưng. Trước mặt ba quân, Đền Thám quát mắt:

- Phản tướng để ra hàng giặc thì bị ghép vào tội gì?

Sắt há hốc mồm chưa kịp trả lời thì ông đã rút thanh gươm “Hoàng thị thiên sử” chém đứt đầu kẻ phản bội. Chiếu đầu lâu bết máu bị bêu trên

chiến lũy để làm gương cho kẻ khác. Sau vụ trừng phạt này, thanh thế của Đề Thám lan rộng ra mười tổng Nhã Nam. Những người đã ra đầu thú hoặc thất lạc khi giao chiến đã lần lượt trở về tập hợp dưới quyền chỉ huy của Đề Thám.

Tính đến tháng 8-1892 theo báo cáo của Pháp thì chúng đã thu được của nghĩa quân 287 khẩu súng trường và 43 súng ngắn. Và cũng trong thời gian này, giặc sửa chữa được 40 cây số đường lộ nối liền với những khu trọng yếu để thuận lợi cho việc chuyển binh. Cuộc tổng tấn công do tướng Voyron chỉ huy kéo dài gần một năm đã khiến cho hai bên đều mệt mỏi và tổn thất nhiều. Đầu năm 1893, Ba Phúc – cha nuôi của Đề Thám ra hàng Pháp, y đem nộp 76 khẩu súng trong đó có 54 súng bắn nhanh. Tin này đã làm Đề Thám rất đau lòng. Tương kế tựu kế, Đề Thám bắn tin cho Ba Phúc biết là ông cũng sẽ ra hàng. Ngày 3-4, Pháp mừng rỡ khi biết Đề Thám cùng Thống Luận, Tổng Trụ và 45 nghĩa quân sẽ ra hàng. Việc ra hàng mới đầu định ngày 19-4 sau đó Đề Thám đổi lại ngày 29. Đêm 29 rạng ngày 30, thiếu tá Barri hí hửng dẫn 370 binh sĩ đến điểm hẹn thì bị nghĩa quân đánh một trận trời bời. Chúng thiệt hại nặng nề trước lúc rút lui. Đầu tháng 6-1893, Đề Thám lại đánh đồn Nhã Nam, ngày 19-6 đánh phủ Từ Sơn (Bắc Ninh), ngày 27-6 đánh vào đồn lính khố xanh ở Đáp Cầu... và đến cuối năm 1893 những nơi thuộc Nhã Nam, Mỏ Trạng, Bồ Hạ liên tục bị nghĩa quân đột kích. Các đồn Pháp phải hiệp lực với nhau để bảo vệ cũng như tấn công lại. Những trận đánh trên đây thật là gay go cho Pháp. Nghĩa quân của Đề Thám hiện nay còn bao nhiêu quân? Đại bản doanh đóng ở đâu? Kéo dài cuộc chiến này càng ngày càng bất lợi cho Pháp. Một số binh sĩ Pháp không thông thuộc địa hình, không chịu được khí hậu khắc nghiệt nên đã phản chiến. Họ bắt chước binh sĩ Henri de Claussade và Martin trước đây chạy sang hàng ngũ của Đốc Tít – sau đó người lính này bị thực dân chém đầu ở Cột Cờ. Để đối phó lại, giặc Pháp sai Tổng Đốc Bắc Ninh là Lê Hoan đứng ra thương lượng với Đề Thám.

Lê Hoan là một tay quý quyết, tráo trở đã từng cộng tác đặc lực với Hoàng Cao Khải và cùng cầm quân phối hợp với Pháp tấn công vào chiến

khu Bãi Sậy. Bây giờ, y biết rằng để ngồi yên trên ghế Tổng Đốc Bắc Ninh là phải tìm mọi cách thực hiện được ý đồ của giặc Pháp: chiêu dụ hoặc giết cho bằng được Đề Thám.

Y đã sai cha nuôi của Đề Thám đem thư của y lặn lội vào chiến khu của nghĩa quân. Lá thư của Yên Thế được Đề Cỗn đọc lớn trước ba quân. Vì thật ra Đề Thám giỏi cầm quân đánh giặc, nhưng ông lại không biết chữ. Bù lại, ông có một trí nhớ tuyệt vời. Nghe xong lá thư ông cười ruồi:

- Tốt lắm! Chú Cỗn ạ, chú viết thư trả lời là ta đồng ý với ngày giờ hẹn của Lê Hoan.

Lúc đó Thống Luận nói khề:

- Thưa quan lớn, tại sao chúng ta lại làm thế? Lúc này giết luôn Ba Phúc thì có phải hay hơn không?

Đề Thám đáp:

- Ta là tướng. Đã là tướng thì không thực hiện những việc hạ sách.

Đúng ngày giờ đã hẹn, Đề Thám theo Ba Phúc đem 200 quân đến dinh Tổng đốc. Ông truyền lệnh cho đóng quân bên ngoài, còn mình và mấy thủ hạ lực lưỡng tiến thẳng vào yết kiến Lê Hoan.

Trong lúc trò chuyện, Lê Hoan đã khéo léo sắp xếp Đề Thám ngồi đối diện với Ba Phúc. Lính hầu đã đem trà cau, bàn đèn thuốc phiện, trà nóng đến. Lê Hoan đơn đả:

- Xin mời ông Đề Thám làm một hơi a phiến cho khỏe người ạ! Hút xong mà hãm với trà Lục Nam thì tuyệt nhất!

- Cám ơn quan Tổng, tôi không dùng a phiến bao giờ cả.

Y ngạc nhiên:

- Thật vậy à? Những tướng lĩnh của ông về với Chính phủ bảo hộ đều nghiện nặng cả, như ông Ba Phúc đây.

- Vâng, chính vì nghiện nặng, không chịu đựng được gian khổ nên mới ra đầu thú đấy chứ!

Ba Phúc giận tím mặt. Thế nhưng lão vẫn thản nhiên đáp:

- Thưa quan Tổng! Quả thật Đền Thám không biết dùng thứ của quý này ạ!

Lê Hoan đáp:

- Vậy mời ông!

Ba Phúc nâng dĩa lên miệng. Tiếng kêu rò rò êm ái. Khói thuốc bay lững lờ. Một mùi thơm tỏa trong phòng. Lê Hoan phe phẩy chiếc quạt trong tay:

- Ông Đền ạ! Nhà nước bảo hộ rất khâm phục ý chí chiến đấu của ông. Ông là một tướng tài ba, tên tuổi vang dội khắp phủ Yên Thế. Nhưng tôi xin thưa với ông, Pháp là một nước văn minh. Họ có tàu bay, súng lớn không dễ gì mà họ chịu thua gươm cùn của các ông đâu!

Đền Thám vẫn ung dung:

- Xin mời quan Tổng cứ nói tiếp!

Lê Hoan nhấp hớp trà nóng:

- Vâng, nói là vậy thôi chứ đến lúc ông nên nghỉ ngơi. Đã là người thức thời thì ông Đền ạ, phải biết lúc nghỉ ngơi mà tận hưởng danh tiếng của mình tạo ra.

Đền Thám gật gù:

- Xin mời quan Tổng cứ nói tiếp!

Lê Hoan cảm thấy chột dạ:

- Nhà nước bảo hộ hứa sẽ dành cho ông bất cứ chức tước nào mà ông muốn.

Không để y nói hết câu, Đền Thám cười lớn:

- Thưa ông, tôi chiến đấu không phải vì danh. Mà thôi, chuyện đó khoan nói đến. Lần hội ngộ đầu tiên với ông, biết ông là người có chữ nghĩa nên tôi xin ông cùng đàm luận thi phú. Đây mới là thú vui của người quân tử.

Mục đích của câu chuyện hôm nay đã bị Đền Thám khôn khéo lái qua một hướng khác. Lê Hoan đành bấm bụng:

- Ông nói chí phải. Tôi cũng là một người yêu thích thi phú. Vậy mời ông.

Đề Thám có trí nhớ tốt, khi xem tuồng hoặc nghe ai đọc thơ là ông có thể đọc, kể lại vanh vách. Ông khiêm tốn nói:

- Thưa quan Tổng! Thời tôi theo cha nuôi tôi phò Cai Kinh, tôi được nghe Cai Kinh đọc bài thơ này. Nay xin được đọc lại trong ngày vui hôm nay.

Ba Phúc lim dim mắt. Lão ta đang nhớ lại những ngày oanh liệt xông pha nơi trận mạc. Tiếng vó ngựa hí vang trong tâm tưởng. Mùi thuốc súng khét lẹt. Đã bao lần thoát chết vì đạn bắn xéo ngang đầu. Chao ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu? Bất giác Ba Phúc khẽ thở dài và nâng dục tẩu. Mùi thuốc phện thơm tho. Đề Thám hăng giọng:

Tổng đốc miền Đông hỏi đũa nào?

Lê Hoan thôi lại tụi Hoàng Cao

Lính hầu thưởng nợ tay ôm tráp

Cụ lớn ngày nay ngực gấn sao

Rể được thượng Trần thêm thế lực

Giặc nhờ Đề Thám nổi công lao

Tướng tinh nay đã quay đầu lại

Hai mắt trừng trừng ngược mũi dao

Lê Hoan ngồi sượng trân. Y biết Đề Thám vừa tung ra chiêu “nhất cử lưỡng đắc”. Ghê quá! Vừa gợi chuyện Cai Kinh là để mắng khéo vào mặt Ba Phúc, vừa đọc bài thơ này là để nhổ toẹt vào mặt ta. Lê Hoan thừa biết, đây là bài thơ của Nguyễn Thiện Kế – em của Tấn Thuật – đã chửi y, chứ chả phải của Cai Kinh nào cả. Y trợn mắt. Toan vung tay quát tháo thì y vội cầm bật. Y liếc thấy bàn tay gân guốc của thủ hạ Đề Thám đang đặt trên chuôi gươm đeo lưng lẳng bên hông. Y bèn đổi mặt làm tươi:

- Cám ơn ông Đề. Thôi mời ông xơi chén trà kéo nó nguội, mát ngon.

Đề Thám bưng chén trà lên, nhưng ông không nhấp môi. Vốn là người đa nghi, khi mới ngồi vào chiếu ông đã thấy tên lính hầu nháy mắt với Ba Phúc nên cảnh giác. Ông nói:

- Vâng, trà Lục Nam thì ngon nhất xứ Bắc. Nhưng vì tình cha con nên xin đổi chén của cụ Ba ạ!

Đưa chén trà về phía Ba Phúc, ông nói tiếp:

- Lâu lắm mới được ngồi cùng cụ để thưởng thức trà, mong cụ đừng từ chối. Dẫu cụ đã quên ơn vua mà về với Pháp thì tình cha con vẫn sắt son như thuở nào. Mong cụ đừng từ chối.

Lão ta không biết phải đáp sao cả. Lê Hoan không ngờ đã xảy ra tình huống oái oăm này. Y dự định mời Đề Thám đến đây để dùng thuốc độc mà giết. Không ngờ... Hùm thiêng Yên Thế giả vờ giận dữ:

- Cụ Ba! Con tin cụ mà đến dinh Tổng đốc dù biết mạng mình như cọng rơm khô rùng, như ngàn cân treo trên sợi tóc. Vậy mà con đâu có ngại vì con tin cụ, vậy nữa nào cụ từ chối tấm lòng của con?

Bất đắc dĩ, Ba Phúc đành phải cầm chén nước trà mà nâng lên môi. Môi lão ta xám ngoắt như miếng thịt trâu từ từ hé ra và nhấp một ngụm nhỏ. Lê Hoan nhắm nghiền mắt lại. Tình huống này rồi sẽ chết ai đây? Nhưng vốn lạnh trí, liền lúc đó Ba Phúc giả vờ bị trúng gió mà lăn ra đất. Nước ngậm trong miệng trào ra hai bên mép.

Đề Thám ung dung đứng lên:

- Cụ Ba bị cảm à? Chẳng may xảy ra cơ sự này nên câu chuyện mất vui. Hẹn một ngày khác tôi sẽ hầu chuyện với quan Tổng!

Nói xong Đề Thám quay lưng đi thẳng.

CHƯƠNG BA

Đặt thuốc nổ dưới giường Đề Thám

Tương kế tựu kế giặc thua đau

Hùm thiêng đã về rừng. Lê Hoan đau chịu bó tay. Y bày ra mưu khác. Còn Đề Thám thì căm giận Ba Phúc lắm, nhưng nghĩ đến tình xưa nghĩa cũ nên không nở phục thù. Trong khi đó, Ba Phúc vì nghiện nặng mất hết ý chí, vì tham tiền của Lê Hoan nên một lần nữa vác xác vào Hồ Chuối tìm Đề Thám.

Chiều nay, giữa lúc đang ngồi giao nhiệm vụ cho Cả Rinh, Cả Huỳnh dẫn nghĩa quân đi về làng Trũng đưa Thị Tảo – vợ cả và con trai là Cả Trọng lên chiến khu thì có tiếng cửa mở. Một lính hầu vào trình:

- Thưa quan lớn, có ông Ba Phúc xin vào gặp quan lớn.

Đề Thám bỗng nghiêng rằng:

- Được! Cho dẫn vào!

Tất cả mọi người đều lặng lẽ lui ra. Một lát sau, Ba Phúc và hai người lính hầu của lão bước vào. Trên tay Ba Phúc có xách theo một cái hòm. Không rõ trong đó đựng những gì. Đề Thám vội vã đứng dậy:

- Mời cụ Ba ngồi nghỉ chân.

Nói rồi ông sai lính hầu đem bàn đèn thuốc phiện vào. Ba Phúc thở hốt hển và với tay lấy luôn dục tẩu làm liền mấy điếu. Đề Thám trách:

- Cụ Ba ạ. Cụ tuổi già sức yếu lắm rồi. Cụ chẳng quản khó nhọc lên đây chắc có điều gì dạy bảo?

Dường như chỉ đợi vậy, Ba Phúc vội xua tay đuổi hai tên lính hầu của lão ra ngoài. Lão ngồi sát Đền Thám và ngoác mồm:

- Lão đến đây thăm anh, nhưng không ngờ tại sao dạo này anh xao lãng việc đôn đốc binh lính? Khi đến gần đây, lão đã phát hiện ra một tên thám báo đang dò la bản doanh của anh. Lão giận quá mới sai lính bắt hãn, lục soát trong người hãn thì không ngờ có tấm bản đồ này!

Ba Phúc móc trong túi một tấm bản đồ đưa cho Đền Thám. Trời ơi! Vậy thì lộ hết rồi còn gì nữa? Đền Thám hấp tấp hỏi:

- Thưa cụ Ba! Vậy thằng thám báo bây giờ ở đâu?

Ba Phúc độ lượng:

- Hà hà! Lúc đó giận quá nên ta đã chém đầu hãn rồi!

Nói xong, Ba Phúc mở chiếc hòm ra. Đền Thám sửng sốt. Trong đó có một chiếc đầu lâu, bê bết máu với hai con mắt thao láo mở trợn. Ông rùng mình. Nhưng sau đó, tự trấn tĩnh mình, ông đập tay vào đùi đen đét:

- May quá! Đội ơn cụ Ba, nếu không có cụ thì bại lộ hết đại sự.

Nói thế, nhưng thật ra Đền Thám rờ tay vào khẩu súng đang giắt bên hông. Nếu Ba Phúc còn dở trò gì ra thì ông sẽ nổ súng ngay. Nhưng không, Ba Phúc cười mãn nguyện:

- Giúp được anh chuyện gì có lợi là vui lòng lão rồi!

Đền Thám bỗng thay đổi thái độ:

- Bây đầu! Cho gọi Thống Luận vào đây!

Có tiếng dạ ran. Thống Luận bước vào. Đền Thám quắt mắt giận dữ:

- Đây! Chú xem đầu lâu này của ai? Tấm bản đồ này của ai? Canh phòng như thế thì bị ghé vào tội gì?

Dù nói vậy, nhưng Đền Thám không chờ đợi câu trả lời của thủ hạ, ông liền kể lại câu chuyện của Ba Phúc. Xong, ông nghiêm nghị:

- Thôi lui ra. Nếu lần sau còn để xảy ra trường hợp như thế này thì ta sẽ nghiêm trị. Rõ chưa?

Thông Luận đáp:

- Thừa quan lớn. Rõ!

Ngồi hút hết điếu thuốc phiện này sang điếu khác, Ba Phúc tỉnh như sáo sậu. Lão mừng rơn vì đã đánh lừa được Đề Thám. Nhưng Đề Thám là người đa nghi, ông đã đặt nghi vấn: Tại sao tìm ra được giữa rừng cái hòm để đựng đầu người? Phải chăng đã có sự chuẩn bị trước?

Trong phòng chỉ còn hai người. Cha nuôi, con hờ nằm với nhau tâm sự mọi chuyện xa gần. Câu chuyện kéo dài đến tận khuya. Tiếng gió thổi ào ào ngoài chiến lũy. Những vòm mây vượn mình trút lá. Trời lạnh lẽo. Ngọn đèn dầu lạc cũng mờ dần như muốn tắt. Đề Thám nằm ngủ gà ngủ gật. Sau đó thì có tiếng ngáy như cọp rống. Ba Phúc nằm yên như con mèo say ngủ.

Thật ra, tuy nhắm mắt nhưng đầu óc Đề Thám hết sức tỉnh táo. Ông vẫn băn khoăn không rõ cái hòm để dưới gầm giường Ba Phúc còn đựng gì nữa?

Ba Phúc hé mắt quan sát Đề Thám. Lão ta rình rất lâu. Tốt quá! Đề Thám vẫn nằm yên không nhúc nhích. Gió vẫn thổi u u ngoài chiến lũy. Trời lành lạnh. Lão ta nhồm người dậy. Láo liêng liếc trước ngó sau, lão khe khẽ đặt đóm vào ngọn đèn dầu lạc. Rít thêm một hơi thuốc phiện. Có tiếng kêu rò rò từ dọc tẩu rất nhỏ. Đề Thám vẫn ngủ ngon. Ba Phúc lẹ tay dí ngay đóm vào đầu sợi dây đang thò ra trên nắp hòm đặt dưới gầm giường. Nhanh như cắt, Ba Phúc phóng luôn ra cửa. Hai tên lính hầu đứng chực lão cũng vội vã bước nhanh như bị ma rượt.

Lão ta và lính hầu vừa đến cổng thì bị quân canh phòng giữ lại không cho đi. Lão bối rối nói là có chuyện quan trọng mà quan Đề sai phải đi ngay trong đêm, lát sau sẽ quay lại. Lính canh phòng vẫn giữ lại. Lão dọa:

- Không để cho ta thi hành mệnh lệnh của quan Đề, chúng mày cứ nhùng nhằng mãi. Nếu hỏng việc là tội của chúng mày! Ngày mai đừng có trách!

Nghe vậy, quân canh phòng hoảng quá nên đồng ý để lão ra khỏi cổng, nhưng phải để lại hai tên lính hầu làm tin. Lão chần chừ một lúc rồi gật đầu.

Ba Phúc cảm đầu cảm cổ chạy. Chạy như cờ lông công. Chạy như đèn cù. Chạy thực mạng để mau thoát khỏi nơi này. Một khối thuốc bộc phá sẽ nổ khủng khiếp. Sẽ san bằng dinh lũy của Đề Thám. Chạy càng xa càng tốt. Vừa chạy Ba Phúc vừa nghĩ ngợi. Tại sao vẫn chưa nổ? Rõ ràng chính mắt lão thấy dây cháy chậm đã bén lửa. Đường rừng tối đen như mực, Ba Phúc vấp ngã mấy lần rồi lò mò đứng dậy. Chạy tiếp. Chạy sấp chạy ngửa! Lão sợ quân của Đề Thám rượt theo đuổi bắt thì khốn. Tại sao vẫn chưa nổ? Hay Đề Thám đã thức dậy dập tắt ngòi thuốc nổ? Ba Phúc suy nghĩ lung lăm. Nếu lần này không giết được Đề Thám thì không đời nào lão thoát khỏi tội chết chém! Mồ hôi lão nhầy nhựa ướt đầm cả áo. Gió rừng thổi lạnh. Vậy mà người lão nóng ran như có lửa đốt.

Đang lo âu như thế bỗng lão nghe một tiếng nổ long trời lở đất. “Ầm”. Rừng như ngã hết cây. Núi như sụp xuống. Chim bay xao xác. Thú rừng chạy nhốn nháo. Ánh sáng tỏa ra một khu rừng. Lửa ngút trời. Ba Phúc quay mặt về Hồ Chuối há mồm cá ngẫ:

- Ha ha! Đề Thám chết rồi!

Lúc bấy giờ, lão mới yên tâm mà rảo bước. Ra đến cửa rừng thì trời sáng hẳn. Lão đi thẳng đến dinh Tổng Đốc báo tin mừng cho Lê Hoan. Thời cơ đã đến rồi. Công sứ Muselier liền hạ lệnh cho Lê Hoan cầm quân tiến lên đánh Hồ Chuối. Vốn cẩn thận, Lê Hoan cho thám báo lên dò xét.

Quả thật, bên trong đồn có kẻ ra người vào tấp nập. Có người đầu đội khăn trắng, mặc áo tang. Họ đang khiêng áo quan. Tin này lập tức được báo về cho Lê Hoan. Một đoàn quân hùng dũng tiến lên. Chúng nghênh ngang như vào chốn không người. Bất thành linh hàng loạt đạn từ trong đồn phóng ra. Nghĩa quân cầm gươm vác đao xông tới. Bị đánh úp bất ngờ, quân Lê Hoan chết như rạ. Công sứ Muselier bị bắn gãy bả vai. Hắn nằm tại chỗ mà hét như con lợn bị thọt tiết. Lê Hoan quay đầu bỏ chạy. Đạn đuổi rượt theo. Ba Phúc bị trúng đạn xuyên qua ngực. Lão ngã xuống chết không kịp ngáp. Mắt lão mở trừng trừng như kinh ngạc một điều gì chưa lý giải nổi.

Quái lạ! Đề Thám vẫn còn sống sờ sờ ra đó. Lúc Ba Phúc rón rén bước ra thì ông cũng bật người ngồi dậy. Ông dập tắt dây cháy chậm và cho gọi

các tướng lĩnh vào hội ý. Tương kế tựu kế, sau khi cho nghĩa quân chuyển hết lương thực, vũ khí... ra ngoài đồn thì chính ông lại châm ngòi nổ. Biết rằng, bọn chó săn sẽ lên càn quét Hồ Chuối nên Đền Thám đã nhanh chóng bố trí lực lượng sẵn sàng đánh úp. Và nghĩa quân đã thắng lợi giòn giã.

Sau chiến công này, Đền Thám hạ lệnh bí mật rút về Thái Nguyên.

CHƯƠNG BỐN

Lạc trong rừng lại gặp hồng nhan

Nữ tướng quân từ nay sát cánh

Sau đại bại ở trận Hồ Chuối, Lê Hoan run sợ cho ghế Tổng đốc của y. Có thể mất chức mà cũng có thể mất đầu như chơi. Được sự tiếp viện của đại úy Toquenne, Lê Hoan hùng hổ mở một cuộc truy kích lớn. Trên đường chạy về Thái Nguyên, các cánh quân của Đề Thám phải tởa lên Tây Bắc để tránh những mũi nhọn của giặc. Cánh quân của ông bị truy kích rất ngặt. Cuối cùng binh mã tan tác hết.

Đề Thám trở lại một mình lạc trong rừng. Không lẽ số phận của ta kết thúc nơi đây? Mặc dầu rất đói, nhưng Đề Thám vẫn cố vượt qua mọi gian nan hiểm trở trong cánh rừng âm u. Trời đã tối mịt. Đề Thám đang đi tới địa phận của làng Thổ Hà (Vạn Yên). Một mình đi trong rừng hoang cỏ rậm, bỗng ông run người khi nghe từ rất xa có tiếng gà vọng đến. Đã sắp đến làng rồi chẳng? Có nên vào làng hay lui ra? Lệnh truy nã ông đã được thông báo khắp nơi: “Ai bắt được tướng cướp Đề Thám sẽ được trọng thưởng. Ai chứa chấp giấu giếm sẽ bị phạt nặng”. Đề Thám đang tiến thoái lưỡng nan. Bỗng từ trên cành cây cao có một bóng người nhảy xuống. Tuốt gươm sáng lòa và quát lớn:

- Ai đó? Trong đêm khuya sao còn vợ vẫn trong rừng? Không sợ thú dữ sao?

Không nhìn rõ mặt đối phương, ông thủ thế:

- Tôi đây! Tôi là người đi buôn bị lạc đường.

Người lạ mặt đứng quan sát một lúc rồi nói:

- Ông đi buôn có súng sao không bắn trả lại?

- Tôi có bắn nhưng không trúng ai cả. Hơn nữa họ đông quá nên tôi phải chạy thoát thân chứ?

Tiếng cười trong trẻo bỗng vang lên giữa cánh rừng âm u này. Thì ra người lạ mặt đó là một cô gái tuổi đôi mươi. Đề Thám cũng mừng thầm. Tại sao lại gặp một thiếu nữ đương xuân tại đây? Cô gái bỏ gươm vào bọc hỏi khê:

- Nếu thật ông là kẻ lỡ đường thì bây giờ ông cần tôi giúp điều gì?

- Tôi muốn cô đưa ra khỏi cánh rừng nguy hiểm này để ngày mai xuôi về Bắc Ninh.

Cô gái im lặng một lúc như đang suy nghĩ điều gì quan trọng lắm, lát sau cô đáp:

- Thôi được, tôi sẽ giúp ông. Bây giờ, đêm đã khuya, nếu ông không ngại thì mời ông về nhà tôi tạm nghỉ qua đêm.

Nghe cô gái nói như thế Đề Thám mừng lắm. Vừa mệt, vừa đói ông bằng lòng ngay. Hai người lượn rừng mà đi. Cô gái đi trước dẫn đường, ông đi sau. Chẳng mấy chốc họ đã đến đầu làng. Một ngôi nhà lá đơn sơ hiện ra trước mắt họ. Mấy dây chuối tiêu đứng nấp sau hàng rào làm bằng nứa. Ngọn đèn dầu trong nhà thắp sáng lù mù. Tiếng chó sủa inh ỏi. Đề Thám yên lòng. Ông theo cô gái bước chân vào nhà. Có tiếng nói vọng ra:

- Cẩn ạ! Ai đi sau con đây?

Cô gái vui vẻ đáp:

- Bố ơi! Có một ông khách lạ đi buôn bị cướp, lạc trong rừng nên con đưa về nhà tạm nghỉ đêm qua ạ!

- Vậy à!

Đề Thám bước hẳn vào trong nhà. Người vừa hỏi đấy là một cụ già ngoài lục tuần, nhưng trông còn quắc thước lắm. Cụ nói với Đề Thám:

- Đó là đứa con gái duy nhất của tôi. Nó lẽ ra phải là con trai như là thằng anh nuôi của nó, chứ không phải...

Cụ khẽ thở dài. Đề Thám lấy làm lạ, gắng hỏi tiếp. Sau khi hớp một ngụm trà nóng, cụ đáp:

- Tôi tên là Cả Lộ, bà nhà tôi mất sớm để lại mỗi mình nó. Nó là gái nhưng tính tình thì như con trai. Khi tôi dạy võ cho đám thanh niên trong làng thì nó cũng theo học. Lại giỏi võ nữa chứ! Chẳng ai địch nổi nó. Con gái mà giỏi võ thì sao mà lấy được chồng?

Đề Thám bất giác cười lớn. Cụ già hứng chí kể tiếp:

- Ngay từ nhỏ nó đã táo tợn đi theo anh nuôi nó đi săn trong rừng ông ạ! Đêm nay, nó cũng vào rừng, thế có to gan lớn mật không chứ? Tôi mắng nó không được đeo cung vác nỏ vào rừng săn bắn thế mà nó có nghe đâu!

Đề Thám tủm tỉm cười:

- Thưa cụ, nhờ vậy mà đêm nay con mới được gặp ân nhân của con chứ ạ!

Câu chuyện đang vui vẻ như thế thì cô gái đã dọn cơm đem lên. Bây giờ Đề Thám mới nhìn rõ mặt ân nhân. Gương mặt tròn, đầy đặn. Hai con mắt sáng nhưng đăm thắm. Mỗi lúc cô cười trông có duyên lắm.

- Mời ông xơi cơm ạ!

Nói xong cô lui chân vào trong xuống nhà dưới. Từng nhiều năm xông pha nơi trận mạc, đối đầu cận kề với hòn tên mũi đạn nhưng Đề Thám vẫn thấy xao xuyến trước tiếng nói ấm áp, trong trẻo ấy. Dùng cơm xong, Đề Thám khéo léo gợi chuyện với cụ già:

- Thưa cụ, anh trai nhà ta đêm nay đi đâu mà không thấy?

Nghe hỏi thế, cụ cẩn thận vặn thấp ngọn đèn dầu:

- Thằng con nuôi của tôi à? Nó bỏ nhà đi lâu rồi ông ạ!

- Đi đâu vậy, thưa cụ?

- Nó đi đánh nhau!

Chỉ nói vậy rồi cụ già im bật. Đề Thám giật mình:

- Đi đánh nhau với quân của nhà nước à?

Cụ già rít một hơi thuốc lào rồi nói:

- Thôi đêm đã khuya rồi ông ạ! Mời ông ngả lưng cho đỡ mệt.

Tiếng gà gáy vu vơ ngoài ngõ. Đêm đã khuya lắm. Gió thổi mạnh vào liếp cửa. Đề Thám vâng lời lui vào nhà trong nằm nghỉ. Trong người rất mệt nhưng ông vẫn không chợp mắt được. Mỗi lúc thiu thiu ngủ thì hình bóng của cô Cẩn lại hiện ra trong trí óc của ông. Mãi đến gần sáng vừa chợp mắt được một lúc thì đã nghe tiếng chó sủa. Ông bật người dậy. Tay sờ vào khẩu súng đang nhét trong bụng. Có phải gia đình cô Cẩn báo cho lính đến bắt mình? Mồ hôi chảy lấm tẩm trên khuôn mặt. Ông rời khỏi giường và lên ra nhà sau. Nếu đúng vậy thì ông sẽ thoát thân ngay. Đang nghe ngóng như thế thì có tiếng reo vang:

- Bố ơi! Anh Luận về bố ơi!

Tiếng cụ già hỏi dồn dập:

- Thằng Luận đó à?

- Vâng, thưa bố! Con đây bố ạ!

Tiếng nói của anh nuôi cô Cẩn sao nghe quen quá? Đề Thám nhích đầu nhìn ra thì ông suýt kêu lên: “Thống Luận”. Một tướng lĩnh cầm quân tài ba của ông đây! Đề Thám bước ra. Thoạt trông thấy ông, Thống Luận và những nghĩa quân đi theo cúi đầu cung kính:

- Thưa quan lớn!

Cô Cẩn há mồm ra kinh ngạc. Cụ già cũng chẳng hiểu gì cả. Tại sao ông khách lạ này lại được con trai mình kính trọng đến thế? Đề Thám cất tiếng cười vang:

- A ha! Không ngờ lại được hội ngộ tại nhà của chú Luận.

Luận và những nghĩa quân vẫn đứng yên lặng. Đề Thám ôn tồn:

- Các chú cứ ngồi xuống đây. Mọi chuyện chúng ta sẽ nói sau.

Luận rụt rè nói:

- Thưa quan lớn, chúng tôi có lỗi đã không theo hầu được quan lớn trong lúc nguy nan nhất.

- Không sao cả! Chuyện binh đao, quân lạc tướng, tướng xa quân cũng là điều bình thường. Ta tha tội cho các chú. Thôi cứ ngồi cả xuống đây!

Lúc bấy giờ, Thống Luận và các nghĩa quân đi theo anh mới dám hạ vũ khí xuống. Mọi người vui vẻ hẳn lên. Người vui nhất là cô Cẩn. Đã từ lâu cô nghe tiếng và ngưỡng mộ khí phách của Đề Thám thì nay mới được nhìn tỏ mặt.

Đề Thám cùng thủ hạ ở lại nhà Thống Luận mấy ngày liền. Trước ngày từ giã, ông mới nói với Luận:

- Ta thoát chết được một phần cũng nhờ cô Cẩn. Mọi sự thì chú đã tường. Ta có chuyện muốn nhờ chú thưa với cụ, chú nghĩ sao?

Luận đáp:

- Thưa quan lớn, bao nhiêu năm theo hầu quan lớn, tôi nào có dám từ nan chuyện gì.

Đề Thám cười lớn:

- Ta muốn cưới cô Cẩn làm vợ ba. Chú nghĩ sao?

Luận tròn mắt:

- Thưa, quan lớn đã quyết định rồi chứ?

- Đã!

Thống Luận sung sướng báo ngay chuyện này với bố nuôi. Cụ Cả Lộc bằng lòng ngay. Riêng cô Cẩn thì không nói gì cả. Trong thâm tâm của cô cũng mơ đến điều này khi anh nuôi cô vừa bước vào nhà. Được làm vợ ông Đề Thám là một dịp để cô thi thố tài năng của mình.

Cuộc hôn nhân của Đề Thám đã giải quyết xong. Ngay ngày hôm sau, Đề Thám đưa vợ ba và các thủ hạ của mình lên đường về Bắc Ninh. Từ đây, trong hàng ngũ hướng lĩnh của Đề Thám có thêm một người trợ lực tài ba xuất chúng: bà Ba Cẩn mà sau này trong bài về Đề Thám còn ghi lại:

Bà Ba Đề Thám truân chuyên

Non sông đã trải mấy phen thác ghềnh

Hồng quần nhẹ bước rừng xanh

Trận tiền giáp chiến đao binh vẫy vùng

Việc hòa, việc chiến thung dung

Chính bà cũng dự quân trung luận bàn.

Năm 1893, Đề Thám dựng cơ ngơi mới cho cuộc chiến đấu sắp tới. Những người yêu nước khắp nơi đều tìm đến dưới trướng của ông. Trong số này có Bang Kinh – một địa chủ giàu có ở ngang núi Voi. Lâu nay, Kinh bị tình nghi có liên lạc với Đề Thám nên giặc Pháp tịch thu tất cả tài sản của ông. Căm giận nên Kinh đem 50 thủ hạ, vũ khí và tài sản còn lại đến gia nhập vào nghĩa quân Đề Thám. Và lúc này, Đề Thám cũng tuyển mộ thêm những tân binh, đa số là người Thổ, người Mường có oán thù với người Pháp. Chuẩn bị xong lực lượng, nghĩa quân lại ra sức đánh phá mọi nơi. Con đường sắt chiến lược Hà Nội – Lạng Sơn bị quấy phá luôn. Ba người Pháp là Bouyer, Roty, Humbert Droz bị bắt mà Đề Thám buộc chính phủ Pháp phải nộp tiền chuộc mạng. Lại thêm vào đó, Thống Luận, Cả Rinh lại làm một chuyện tà trời. Bấy giờ, bà Tảo – vợ cả cùng con trai lớn là Cả Trọng đã lên chiến khu theo chồng. Để tập luyện cho con trai quen gan dạ trong chiến đấu, Đề Thám đã vạch ra một kế hoạch hết mức mạo hiểm và táo bạo...

CHƯƠNG NĂM

Bắt được giặc Lê Hoan mừng híp mắt

Ai ngờ đâu quan Tổng đã bị lừa!

Dinh Tổng đốc Bắc Ninh đứng uy nghiêm. Từ xa người ta có cảm giác như một lâu đài trong truyện cổ tích của Walt Disney. Những mái nhà tranh lợp súp của dân đen trong làng mọc lên trông như sự mĩa mai của tạo hóa – vì sự nghèo nàn ấy càng tăng thêm vẻ đẹp của dinh Tổng vốn đã quá sang trọng. Chiều nay, một vài dân đen đã bị nọc ra sân đánh tóe máu vì tội thiếu thuế. Máu lênh láng trên nền gạch Bát Tràng. Quan Tổng đốc đang bực mình lắm. Đã thế giặc Đề Thám lại nổi lên khắp nơi. Y mệt mỏi nằm dài trên bộ tràng kỷ, bà vợ hai múp míp phì nộn đang dấm bóp cho y Bà vợ ba thì châm đóm, nâng dọc tẩu lên tận mồm để y rít từng hơi thuốc phiện. Y nhắm lim dim mắt để tận hưởng khói nha phiến thơm tho.

À phù dung nồng nàn như người tình mơn trớn, vuốt ve. Chao ôi! Những lúc như thế thì kỷ niệm đau lòng và nhục nhã lại được dịp ùa về trong tâm tưởng của y. Chuyện xảy ra lúc nào vậy? Có sao bao giờ y cũng tưởng như mới xảy ra ngày hôm qua? Y chột rùng mình. Đau lắm! Nhục lắm! Đó là dịp mừng Quốc Khánh của nước Pháp, để tỏ lòng trung thành với mẫu quốc và để bày tỏ kiến thức của mình mà răn đe đám dân đen, y đã dán một vẽ đối trên cổng chào trước dinh. Còn cột kia, thiếu vẽ đối lại, y thách ai đối hay thì sẽ được trọng thưởng. Trước ngày 14-7 đại lễ, thiên hạ được đọc:

Quần trắng quần đen đừng quần tụ.

Chơi chữ siêu quá! Dù không nói đến đám dân đen khố rách áo ôm nhưng ai cũng thừa biết, vì bình thường người nam mặc quần trắng còn người nữ thì mặc quần thâm. Và nó còn ngụ ý răn đe ở chữ quần tụ! Quan Tổng đốc hiu hiu tự đắc với vẻ ra của mình. Bọn quan lại dưới quyền cùng Lê Hoan khề khà bên chén rượu mà làm thơ thưởng nguyệt. Bọn họ mặc quần xanh, nhiều đỏ đi đứng nghênh ngang mừng thời Nghiêu Thuấn (!) Bỗng ngày sau, trên tờ giấy hồng điều của cột bên kia cổng chào ai đó đã đổi lại:

Nhiều xanh nhiều đỏ chớ nhiều dân.

Hay quá! Từng chữ đối với nhau không chê vào đâu được. Từng chữ như những cái tát giáng thẳng vào mặt phèn phẹt như cái mâm của y. Mặt y tái như gà bị cắt tiết. Y sôi gan tím cật. Chẳng biết tác giả là ai mà dám láo xược đến thế? Lập tức ngay hôm đó, y ra lệnh tháo dỡ ngay cổng chào!

Mỗi lần nghĩ lại là y càng điên tiết. Đang lơ mơ như thế thì y giật nảy người nghe tiếng lính hầu bấm báo:

- Thưa quan lớn, lính dưới xã có giải lên một tên giặc!

Y bừng con mắt dậy:

- Sao?

Người lính hầu lễ phép:

- Thưa quan lớn, có một tên giặc đang giải lên dinh Tổng đốc!

Y thở hắt ra:

- Chỉ có vậy thôi à?

Người lính khúm núm đứng lắng nghe lời dạy của quan phụ mẫu đang rót đều đều:

- Chỉ có vậy mà mà dám làm rộn quan lớn à? Mà lại đây!

Như một con chó sói nằm rình mồi, khi tên khốn nạn này vừa bước đến thì y bỗng chồm người lên. Y vớ lấy cây gậy đang để cạnh bộ tràng kỷ. Cây gậy trong tay y liên tiếp quật vào ngực người lính hầu. Hấn quắn quại dưới chân y. Y quát tháo:

- Mấy bà lui ra! Còn mày! Mày dám láo đến thế à? Chuyện chó đái mà dám rộ quan lớn? Khôn hồn thì mày đứng lên mau! Mau!

Người lính hầu lồm cồm bò dậy. Mặt mày hấn tái nhợt. Hấn run lẩy bẩy. Run như dế. Hấn bước đến gần y. Cánh tay của y tổng thẳng vào mặt! Hấn lao đảo. Mắt toá đom đóm. Hai bà vợ thấy vậy sợ quá vội lùi lũi thật lùi vào nhà trong.

- Thôi, cho mày cút xéo để khỏi bắn mắt tao!

Người lính cúi đầu thật sát:

- Dạ, con đội ơn quan lớn!

Khi người lính vừa nhanh chân lui bước thì y lại đổi ý:

- Khoan đã! Mày cho giải thẳng giặc đó vào đây cho tao!

Quan lớn ngồi phịch xuống bộ tràng kỷ. Y hút liên mấy hơi thuốc phiện. Thật là nhọc sức. Y há mồm:

- Mấy bà đâu? Đem ngay trà nước ra đây!

Bà vợ cả bước ra đon đả:

- Mời ông nghỉ mệt dùng trà ạ! Bọn lính lác nhà này vậy là láo lắm rồi. Ông dạy như thế là hợp với ý tôi lắm.

Vừa nói, bà vừa phe phẩy chiếc quạt tìm làn gió mát cho quan. Y mỉm cười hài lòng. Bà cả này y cười từ thuở hàn vi, nhưng gầy như con mằm, chẳng để đái gì được. Y vừa chiêu ngậm trà nóng thì có tiếng bầm báo:

- Thưa quan lớn, chúng con xin được phép vào!

- Được!

Trước mắt y là hai người lính đồng nai nịt gọn gàng. Tay cầm súng. Họ khiêng theo một chiếc cũi lớn. Trong cũi đó là một thằng giặc mặt còn non choẹt. Quan lớn trừng mắt:

- Chúng mày bắt được nó ở đâu?

- Thưa quan lớn, đêm qua chúng con đi tuần bắt được tên này. Hấn khai là ở phủ Yên Thế. Soát trong người thì phát hiện ra hấn có đeo súng, chúng con ngờ rằng hấn là người của giặc Đề Thám nên vội vàng giải lên quan lớn để mong được trọng thưởng.

Y cười hềnh hệch:

- Đúng lắm. Bắt được dư đảng của Đề Thám thì cứ giải lên cho ta!

Lâu nay, thất bại liên tiếp trong những lần giao chiến với Đề Thám nên y rất căm thù. Y đã ra bố cáo hễ bắt được nghĩa quân Đề Thám thì trực tiếp giải lên cho y. Phải tự tay y tra tấn thì mới mong dẹp hết loạn Đề Thám. Hai người lính đồng lại tâu:

- Vâng, đây là việc hệ trọng nên chúng con mới dám đánh liều cửa quan. Mong quan lớn đại xá!

Y cười hài lòng:

- Được! Ta sẽ trọng thưởng. Bây giờ, cho chúng mày lui ra.

Bà vợ cả ngồi nép bên chồng cũng sung sướng ra mặt. Bà toét nụ cười. Nhưng nụ cười ấy chưa kịp nở rạng rỡ trên đôi môi dày như hai con đĩa nằm vắt ngang qua miệng thì bà nghe tiếng hét:

- Tất cả ngồi yên!

Hai người lính đồng chĩa súng vào vợ chồng quan lớn. Tên giặc trong cũi, lạ thay, hăn gồng đứt dây thừng đang trói hai tay để như bõn. Hăn phá tung cũi và nhẩy vọt ra ngoài như chớp. Quan lớn xanh mặt. Bà vợ lớn hoảng hốt ngã bịch xuống đất do ghen tim đột ngột. Một tiếng nói khô khan:

- Mày biết chúng tao là ai không?

Nòng súng vẫn chĩa thẳng vào ngực quan lớn. Không cần nghe câu trả lời, họ nói luôn:

- Chúng tao là nghĩa quân của quan lớn Đề Thám đây!

Quan lớn cứng họng. Mặt y tím ngắt. Thế là Đề Thám đã cho người đột nhập vào tận hang ổ của y. Y mất đầu như chơi. Mặt y nặng như đá đeo:

- Xin tha tội chết cho tôi!

Bấy giờ người lúc nãy ngồi trong cũi mới nói:

- Thưa ông, tôi chính là Cả Trọng, con trai của ông Đề Thám. Chúng tôi đến đây không phải để giết ông. Thầy tôi cần ông giúp một ít bạc vàng cho nghĩa quân để mua thêm súng ống. Được không?

Y nói líu lười:

- Thừa được ạ!

Rồi bước đến mở tủ khám, mặt y ngay như chúa Tàu nghe kèn, ngay như cán thuồng khi thấy Cả Trọng lừa hết số vàng trong đó vào bao và đeo choàng qua vai.

- Vậy là xong. Chúng tôi chào ông.

Y sực tỉnh. Y không tin vào tai mình nữa. Chỉ có vậy thôi sao? Hú vía. Y đang đứng lơ ngơ thì một người nói:

- Sao chưa đưa chúng tôi ra cổng? Mời ông vui lòng bước trước dẫn đường cho chúng tôi chứ!

Nòng súng đen ngòm vẫn lăm lăm trong tay dí sát lưng quan lớn. Bọn lính vẫn không hay biết gì cả. Họ cúi đầu chào y một cách kính cẩn rồi lui cui lo công việc của mình. Ra đến cổng Cả Trọng nói như chém gạch:

- Xin chào ông. Chúng tôi trở về với quan lớn Đề Thám mà chẳng may bị lính của ông đuổi theo thì đừng trách!

Y hiểu ý đe dọa ấy nên gật đầu. Những người lính trong dinh chẳng hiểu sao tên giặc được thả ra như thế. Sau khi đã lên ngựa, họ quay lại nói:

- Ông Lê Hoan. Xin hẹn ngày tái ngộ!

Y đứng chết điếng. Hồ phụ sinh hồ tử. Y muốn ngất xỉu khi nhìn thấy con ngựa mà Cả Trọng đã phóng như bay. Đã từ lâu, Lê Hoan ngấp nghé đến nhan sắc mặn mòi của cô Đặng Thị Nho – tức bà Ba Cẩn – y muốn cưới làm vợ lẽ. Ông Cả Lộc, cha của cô Cẩn cương quyết từ chối. Y mua chuộc bằng cách tặng cho cô một con ngựa quý. Nhưng không ngờ, một hôm đẹp trời chính con ngựa quý đó đã đưa cô về Yên Thế với ông Đề Thám. Còn nỗi nhục nào hơn? Và bây giờ từ trên lưng con ngựa đó văng lời chào như roi quất vào mặt:

- Ông Lê Hoan! Xin hẹn ngày tái ngộ!

Vừa dứt lời, vó ngựa đã bay xa... Bụi mịt mù. Lê Hoan quay gót bước vào. Một trận lôi đình đã nổ ra trong dinh Tổng đốc. Tất cả bọn lính hầu

đều cúi đầu chịu đựng làn roi giạt dữ của y. Y trút hết căm hờn xuống đầu họ. Đêm tối đen. Những ngôi sao đã mọc trên nền trời lóe sáng...

CHƯƠNG SÁU

“Vết dầu loang” - nghĩa quân thất thế

Bắt sống Tây buộc Pháp phải giảng hòa.

Những trận đánh chọc trời khuấy nước của nghĩa quân Đề Thám đã làm chính phủ bảo hộ mất ăn, mất ngủ. Đại tá Galliéni được phái sang Đông Dương. Thống chế Franchet d’Espéey đã nhận định về hắn như sau: “Với đại tá Galliéni thì không có chiến bại. Là người đã từng chiến thắng về vang ở Soudan, nay đại tá lại được ủy nhiệm sang xứ Bắc Ninh để bình định hết khu vực này đến khu vực khác. Chính Lyauty được đi theo đại tá trong những cuộc hành quân, ông ta hết sức ngưỡng mộ phương pháp bình định của Galliéni. Đó là một kế hoạch tiến quân táo bạo, song song với việc mở chợ, cấp phát đất đai... khiến cho công cuộc bình định tiến tới và lan rộng như một vết dầu loang. Phương châm của đại tá: quân sự được phối hợp với chính trị một cách chu đáo nhuần nhuyễn”. Còn thiếu tá Lyauty phát biểu: “Tôi là tông đồ, là kẻ cầm cờ theo ý kiến của người”. Thực dân đã tán tụng đại tá Gallieni như một ông tướng lỗi lạc, người đã đề ra chiến thuật “Vết dầu loang” nổi tiếng - nhờ như vậy, sau này hắn đã được truy phong Thống chế!

Cha đẻ của chiến thuật vết dầu loang chính thức nhảy vào cuộc đối đầu với Đề Thám.

Bằng con mắt của một nhà quân sự tinh đời, hắn đã nhận định chính xác: Lũng Lạt (Lạng Sơn) là một căn cứ quan trọng của nghĩa quân, chỉ sau Yên

Thế. Nếu đánh chiếm được Lũng Lạt thì quân Pháp sẽ bảo vệ được đoạn cuối của con đường sắt Hà Nội – Lạng Sơn và làm chủ được tình hình ở núi Cai Kinh. Trước khi quyết định mở cuộc tấn công này thì hẳn nhận được một thông tin quan trọng là sau khi Cai Kinh chết đi thì Hoàng Thái Ngân đã lên chỉ huy. Tại căn cứ này, Ngân đã dung túng và chứa chấp ngay tại doanh trại bọn thổ phỉ. Điều này đã khiến cho dân chúng oán ghét và hiểu sai về phong trào Cần Vương giúp nước.

Với kế hoạch vết dầu loang, Gallieni quyết định xóa sổ Lũng Lạt. Ba cánh quân hùng hậu với hàng vạn binh sĩ bị đẩy vào chiến cuộc. Ngày 6-1-1894 chính hẳn đến Phủ Lạng Thương và ra lệnh cho thiếu tá Barre đi dò thám tình hình của đối phương. Mặt khác, hẳn sai quan tri phủ huyện Lục Nam càn quét vùng Len Đài để phân tán lực lượng đối phương.

Trước tình thế đó nghĩa quân từ Len Đài phải rút về Lũng Lạt. Họ tổ chức lại phòng thủ, chia thành bốn đội chiến đấu. Mỗi đội có 200 tay súng và một đơn vị chỉ huy gồm 40 người ở Tổng hành dinh. Ngoài ra còn có hai chi đội. Mỗi chi đội có 100 tay súng án ngữ hai ngã chính vào Lũng Lạt. Ngoài ra còn có một số quân trinh sát bám những ngọn núi cao để quan sát hướng hành quân của giặc Pháp.

Sáng ngày 8-1, đại úy Delaunay và một trung đội tiến vào Trấn Yên thì bị phục kích. Y bị trúng đạn chết tại trận với ba người lính khác, một số bị thương nên phải bỏ chạy tán loạn. Thiếu tá Barre tức tốc chia ba cánh quân vào tiếp viện cho Trấn Yên và hùng hổ càn quét Hung Len, Bản Lộ. Lợi dụng lúc giặc chưa kịp tập trung vào mục tiêu đã định, nghĩa quân đã đánh thốc vào cánh quân ở Trấn Yên do đại úy Brodiez chỉ huy. Hai bên giao chiến nhau ác liệt, nhưng đến vài ngày sau không thể nhận được tiếp tế nên đêm 13 rạng 14-1, Brodiez phải tháo chạy...

Trận đánh đầu tiên này đã khiến Gallieni nổi giận. Hẳn kỷ luật thiếu tá Barre đưa về tuyến sau và cho trung tá Chapelet lên thay thế. Qua thất bại ở Trấn Yên, Gallieni đã thấy khó khăn nhất hiện nay là vấn đề tiếp tế. Chiến thuật vết dầu loang của hẳn đã từng nhận định: mở một cuộc hành quân đi sâu vào rừng núi với địa thế hiểm trở, đường đi gập ghềnh khắp khênh và

thường xuyên bị phục kích thì vấn đề tiếp tế phải được đặt lên hàng đầu. Do đó, hãn quyết định mở ngay tại địa điểm sát mặt trận những kho lương thực, đạn dược với âu lo là những kho này chỉ được lợp bằng lá sơ sài thì khó giữ được an toàn.

Điều âu lo đó đã đến. Những kho quân nhu ở Than Moi bất ngờ bị nghĩa quân đột kích đốt cháy hết. Kế hoạch đánh vào Lũng Lạt vì thế phải hoãn lại một tháng. Không còn cách nào khác, trong đợt hành quân mới, Galliéni dành cho những đội tiếp tế đi theo sau quân chủ lực.

Từ trên đài quan sát ở những mỏm núi cao, trinh sát của nghĩa quân đã phát hiện các mũi hành quân này. Nhìn thấy ba cánh quân quá hùng hậu, các đơn vị ở tiền đồn Trấn Yên, Mỏ Nhài, Hung Len, Bản Lộ đều được lệnh rút nhanh về Lũng Lạt. Giặc Pháp đến chiếm những vị trí này đều không tốn một viên đạn. Không một tiếng súng nổ giao tranh.

Khi đó, tại Tổng hành dinh, ban chỉ huy Lũng Lạt nhận định nếu bị vây ngặt quá thì rút lui theo con đường phía Tây mà chạy qua Chợ Chu – địa phận của Lương Tam Kỳ. Suy nghĩ như thế nên Hoàng Thái Ngân cho nghĩa quân trụ lại vị trí chiến đấu.

Ba cánh quân của giặc hùng dũng tiến lên. Vòng vây bắt đầu siết chặt. Súng bắt đầu nổ. Quân Pháp vẫn dè dặt không dám chiếm mục tiêu cho dù hỏa lực của chúng đang áp đảo. Cuộc chiến kéo dài đến tối mịt. Rừng núi âm u chìm trong tiếng nổ đinh tai nhức óc. Lợi dụng bóng đêm, nghĩa quân tìm đường rút lui. Nhưng không may cho họ vì trước đây Hoàng Thái Ngân đã dung túng, chứa chấp cho bọn thổ phỉ cướp bóc, làm bậy nên dân chúng oán ghét. Trước khi đánh Lũng Lạt, Galliéni đã cung cấp cho dân chúng súng đạn và xúi giục họ đánh trả lại nghĩa quân. Do đó, trên đường rút chạy theo kế hoạch định trước, khi qua Vũ Đích, Vũ Sơn, Tam Trì.... nghĩa quân đã lọt vào ổ phục kích của dân chúng. Hoàng Thái Ngân trúng đạn chết.

Tờ mờ sáng hôm sau, khi nghĩa quân rút lui thì Gallieni cho xung phong chiếm Lũng Lạt. Lên đến nơi, chúng chỉ gặp một vùng vắng ngắt. Pháo lũy đổ nát. Không một bóng người. Mẻ lưới tung ra không bắt được con cá nào. Không một phút chần chừ chậm trễ, Gallieni cho quân đuổi theo truy kích.

Kế hoạch vết dầu loang bắt đầu tỏ ra có hiệu nghiệm. Căn cứ Lũng Lạt hoàn toàn bị tiêu diệt. Giặc Pháp liền cho xây một loạt pháo đài kiên cố và chiếm đóng các ngã giao thông trọng yếu. Mất Lũng Lạt có nghĩa là chiến khu Yên Thế đang đặt vào tình trạng báo động. Đề Thám biết tin này rất trễ, mấy ngày sau ông ra lệnh cho một đội quân từ Trí Lễ chạy lên đánh thẳng vào Lũng Lạt, nhưng khi mới đến Trấn Yên thì bị quân Pháp đánh tan.

Tin chiến thắng Lũng Lạt đã được Chính phủ Pháp tại Hà Nội đón nhận rất lạc quan. Trong năm 1894 này chúng hí hửng cho rằng công cuộc bình định phong trào kháng chiến đang diễn ra rất thuận lợi. Quan kinh lược Hoàng Cao Khải cũng hí hửng không kém, hẳn cho tổ chức ngày hội lớn ngay tại chùa Quan Thánh để “tượng trưng cho sự bình định Bắc Kỳ của chính phủ Bảo hộ”. Và chính phủ Bảo hộ chính thức tuyên bố đặt nước An Nam dưới sự “bảo hộ” của Mẫu quốc bằng cách phá thành Hà Nội. Một di tích quý báu là niềm tự hào của nhân dân cả nước được xây từ năm 1010. Từ chiến khu Yên Thế, Đề Thám đã rưng rưng nước mắt khi được nghe bài thơ thời sự rất đau lòng.

Than ôi! Đệ nhất cảnh Thăng Long

Vượng khí ngàn năm có còn không?

Một cửa còn trơ hai thánh miếu

Một thành sót lại một hoàng cung

Những ngao ngán nổi cho ông Bạch

Cũng gớm ghê cho của chị Hồng

Còn biết đâu là nền bá đế

Than ôi! Đệ nhất cảnh Thăng Long

Đề Thám thừa biết rằng, trong mắt chính phủ Pháp thì dứt khoát họ sẽ không để cho ông yên. Vì vậy, ông hạ lệnh cho nghĩa quân co cụm lại để bảo toàn lực lượng. Càng tránh đụng độ với Gallieni càng tốt, mà chủ yếu ra sức phá hoại đường sắt Hà Nội – Lạng Sơn. Nếu con đường này hoàn thành thì vấn đề vận chuyển súng đạn, lương thực sẽ nhanh lên gấp bội và đặt nghĩa quân vào tình thế nguy ngập hơn. Ngày 17-9-1894, Đề Thám cho

một số quân dưới quyền chỉ huy của Bang Kinh phục kích hai bên đường xe lửa, đoạn giữa Suối Ghềnh – Bắc Lệ.

Lúc 4 giờ chiều, trước lúc xe lửa chạy thì có một chiếc lorry (xe goòng) thông dong tiến tới. Đằng sau có chở theo hai người Pháp, họ lên thăm đồn điền mà họ vừa trúng thầu. Hai người Pháp này là thương gia Chesnay – chủ nhiệm tờ L’avenir du Tonkin và Logiou, chủ thầu khoán đường sắt Lạng Sơn. Khi vừa đến cây số 33.200 thì nghĩa quân trong rừng bắn tới tấp. Người đạp xe goòng trúng đạn chết tại chỗ. Còn Chesnay và Logiou đang thất thần chạy lúp xúp né đạn. Chạy đâu cho thoát? Họ bị nghĩa quân ủa ra vây bắt và đem giấu trong rừng. Cũng liền lúc đó Bang Kinh cho chặt cây, chẹn đá để cản chuyển xe lửa đang sắp chạy đến. Nửa tiếng đồng hồ sau, chiếc xe lửa từ Bắc Lệ vừa chạy đến thì tiếp tục bị phục kích, một số người trúng đạn chết tươi!

Đề Thám bắt giữ hai người Pháp này để đặt điều kiện thương lượng giảng hòa với Pháp.

Chesnay là một trong ba thương gia có máu mặt đi vào ca dao của dân bản xứ:

Thứ nhất là Môngpora (Monpezat),

Thứ nhì Táctà (Tartarin) rồi đến Chesnay.

Hắn đã lập ra bốn đồn điền ở Vôi (528 ha), Rỏ (385 ha), Yên Thế (8.130 ha) và ở Cao Thượng (4.803 ha). Vì thế khi hắn bị bắt thì dư luận người Pháp ở chính quốc sôi nổi về sự kiện này. Giới tư bản Pháp rất lo lắng. Họ đòi chính phủ Pháp phải tìm mọi cách cứu cho được Chesnay và Logiou. Do đó khi Đề Thám đặt điều kiện giảng hòa thì họ bằng lòng ngay.

Trước hết, Đề Thám cho người xuống địa phận Bắc Ninh mời giám mục Y Pha Nho là Vélasco lên chiến khu. Ông ta sẽ là người đứng ra thương thuyết làm trung gian cho đôi bên. Vélasco là người mà Đề Thám quen biết trước đó. Do tôn trọng tín ngưỡng nên không bao giờ ông cho phép nghĩa quân đánh phá nhà thờ, bắt giết giáo dân, vì vậy tuy không đồng chính kiến nhưng giám mục này cũng kính nể Đề Thám. Về phía chính phủ Pháp thì

họ muốn Tổng đốc Lê Hoan đứng ra làm trung gian. Nhưng Đê Thám không đồng ý. Ông rất khinh bỉ tay tráo trở và lật lọng này.

Cuộc thương lượng đôi bên kéo dài trên năm tuần lễ. Cuối cùng, Pháp phải nhượng bộ. Chúng đồng ý với những điều kiện sau:

- Pháp phải nộp tiền chuộc mạng hai tù binh với giá 15.000 đồng bạc trắng Đông Dương. Đê Thám đòi phải đúng loại tiền này – vì nó mới có giá trị khi vượt biên sang Tàu mua súng đạn.

- Pháp phải triệt thoái hết quân đội ra khỏi vùng Yên Thế.

- Pháp phải nhường quyền cai trị 22 xã của bốn tổng Nhã Nam, Mục Sơn, Yên Lễ, Hữu Thượng cho Đê Thám. Và ông được quyền thu thuế ruộng – mỗi năm khoảng 3.000 đồng của 2.600 dân nơi đây.

Riêng về phía Đê Thám, thì ông chấp nhận:

- Ông chỉ được giữ lại một số lính và vũ khí mà thôi. Số còn lại phải giao nộp cho Pháp.

- Ông chỉ được quyền cai trị và thu thuế ruộng của bốn tổng trong vòng ba năm, sau đó phải chuyển giao cho Pháp.

Rõ ràng trong cuộc thương lượng này, Đê Thám đã chiếm ưu thế. Điều này khiến cho đại tá Galliéni vô cùng bất mãn. Chính phủ Pháp thừa biết đây chỉ là một kế hoạch hoãn binh của Hùm Thiêng Yên Thế nên vẫn phòng bị và sẵn sàng kế hoạch tấn công Yên Thế.

CHƯƠNG BẢY

Yên Thế mất vào tay giặc Pháp

Gallieni phải rút về Tây

Năm 1895, nhờ có sự hòa hoãn đó nên con đường sắt Hà Nội – Lạng Sơn được hoàn thành. Xe lửa được sử dụng để chở quân nhu, quân trang cho quân đội Pháp vùng thượng du. Những chuyến xe lửa này đã giải quyết nhiều về công tác chính trị và kế hoạch quân sự cho Pháp. Để bảo vệ con đường sắt, Pháp đã dựng lên một chiến tuyến kiên cố từ Bồ Hạ, Mỏ Trạng, Kép, Chợ Phồng và Chợ Tràng. Dân cư đến tụ tập làm ăn dọc theo tuyến đường sắt ngày một đông. Trong khi đó, sự nhượng bộ của chính phủ Pháp khiến Gallieni thêm tức tối. Khi nhận được thông tin của nhượng bộ đó, hắn đã nốc cạn một chai rượu mạnh rồi như điên, như cuồng hắn rút súng bắn một loạt trên trời xanh và không quên buột tiếng chửi thề!

Đã từng làm nên những chiến công vang dội khi đàn áp phong trào kháng chiến ở các nước thuộc địa khác, Gallieni tự nhủ phải tiêu diệt cho bằng được Đề Thám. Hắn đích thân thị sát các vùng từ Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Cạn xuống Thái Nguyên để tìm hiểu thực lực của nghĩa quân. Sau chuyến đi này, những đồn lũy của Pháp ở những nơi đó đều được xây dựng lại kiên cố hơn. Vùng biên giới Hoa-Việt cũng được đắp thêm đồn để ngăn ngừa sự hoạt động của nghĩa quân qua Tàu mua súng đạn. Chưa hết, để thực hiện chiến thuật vét dầu loang có hiệu quả, hắn tình nguyện sang Trung Hoa nhằm ngoại giao để giải quyết hai vấn đề quan trọng: Phân định

ranh giới Hoa-Việt và cùng phối hợp tiêu diệt phong trào Cần Vương. Còn về mặt chính trị thì hẳn thực hiện phương châm “dùng người bản xứ trừng trị người bản xứ”. Hẳn đề nghị chính phủ Pháp chuyển hết quan cai trị người Kinh về miền xuôi. Rồi đặt người Thổ, Mán, Mường, Nùng... lên nắm quyền ở vùng thượng du, trung châu. Ngoài ra, họ còn được cấp phát súng đạn và xúi giục dùng vũ khí đó đánh lại nghĩa quân.

Vòng đai sắt của chiến thuật vết dầu loang đang từng bước siết chặt Yên Thế.

Về phía Đề Thám, sau cuộc giảng hòa, ông rút về đóng quân ở Phồn Xương. Cả Trọng, cả Rinh, Cả Huỳnh và một số tướng giỏi đều về đóng rải rác xung quanh. Bên ngoài thì ông vẫn tỏ ra trung thành với chính phủ bảo hộ, nhưng bên trong ông vẫn ngấm ngầm vạch ra một kế hoạch chống lại: Củng cố khu căn cứ địa Yên Thế. Tổ chức từng đợt đột kích ngay trong lòng địch.

Ngày 23-3-1895, Thống Luận chỉ huy một đội nghĩa quân thiện chiến chèo thuyền qua sông đánh úp đồn Phả Lại. Trận đánh này đã khiến cho lũ Việt gian giật mình trước thanh thế Đề Thám. Ông bắt đầu lấy lại uy tín. Và nhất là trong những trận bắt được tù binh là người Việt thì ông thả hết. Mặc dù những thuộc hạ của ông đều muốn giết sạch sành sanh. Khi nghĩa quân hỏi ông tại sao, ông đáp:

- Không! Họ là những người cùng giống nòi với ta. Phải thả hết lính khổ đờ. Ta không có gì cho họ ăn. Chẳng có thuốc men gì cho họ cả.

Thống Luận hỏi lại:

- Thưa quan lớn, họ sẽ sắp chết rồi thì cần gì ăn uống với thuốc men?

Ông quát mắt:

- Tại sao vậy? Dù họ phản vua hại dân nhưng thật ra họ bị cưỡng ép phải vào lính hoặc vào lính như một nghề kiếm cơm. Thôi, ta đã quyết định thả hết!

Những người lính xấu số này đều quỳ dưới chân Đề Thám.

Những trận đánh lẻ tẻ khác vẫn cứ xảy ra. Nhưng khi Pháp đổi chất thì Đề Thám chối phắt. Lúc nào ông cũng tỏ ra thân thiện với chúng. Cơ quan

cai trị của Pháp đóng ở Nhã Nam thỉnh thoảng ông vẫn cho thuộc hạ đến thăm và tặng quà. Những Công sứ Bắc Kỳ, Thống sứ Bắc Kỳ cũng được ông tặng nhiều sản phẩm địa phương như mật ong, nhung hươu, v.v... Hành động này của Đề Thám càng làm Galliéni lộn ruột. Hẳn nghĩ rằng, sau khi đã chiếm được Lũng Lạt thì chiến khu Yên Thế đã được đặt trong tình trạng nguy kịch. Vậy muốn đánh Yên Thế phải đánh bọc hậu từ phía Tây Bắc của Yên Thế. Đánh theo hướng đó thì vấp phải án ngữ của đồn lũy Kẻ Thượng. Chao ôi! Còn chần chờ gì nữa mà không đánh chiếm Kẻ Thượng?

Sau khi tranh thủ được sự đồng ý của chính phủ Pháp, Galliéni chuẩn bị thực hiện ý đồ trên. Tuy nhiên hẳn vẫn còn cân nhắc: Vào tháng 4.1895, là sắp bước sang mùa mưa, suối ngập lụt không thuận lợi cho việc hành quân. Hơn nữa, nếu đánh Kẻ Thượng thì liệu những vùng thuộc lãnh địa của Lương Tam Kỳ, Đề Thám sẽ cùng nổi dậy tiếp cứu? Thế thì chiến sự sẽ lan rộng khắp vùng Tây Bắc, Tây Nam thượng du! Nguy lắm! Vậy hãy để kế hoạch đánh Kẻ Thượng sang mùa thu. Chỉ mới nghĩ như thế, Galliéni cảm thấy xấu hổ. Một phần hẳn sợ chính phủ Pháp để ý, một phần làm sao hẳn có thể chịu nổi những lời đàm tiếu của đồng nghiệp. Tại sao một người từng tạo nên những chiến thắng chói lọi như hẳn lại chùn tay trước Đề Thám? Nhục lắm! Sau nhiều đắn đo như thế, Galliéni quyết tâm đánh Kẻ Thượng với ba nguyên tắc căn bản: Đánh chớp nhoáng. Chuẩn bị đầy đủ về mọi mặt. Và chỉ đánh trong phạm vi ba tổng của Kẻ Thượng. Ngày 11-4-1895 Galliéni bắt đầu tuyên chiến.

Trong lúc đó, Đề Thám cho một đội quân hỏa tốc lên Chợ Chu gặp Lương Tam Kỳ đề nghị cùng phối hợp đánh trả lại đợt tấn công này. Rất tiếc, Kỳ từ chối. Lúc này Kỳ thật sự đầu hàng nên đứng ngoài vòng chiến đấu. không còn cách nào khác, Đề Thám cho quân chi viện kéo lên Kẻ Thượng.

Galliéni phái trung tá Vallière đang đứng chân tại Cao Bằng chặn đánh quân chi viện. Cùng lúc đó, ba cánh quân của giặc cũng trèo núi xuyên rừng đánh ụp vào Kẻ Thượng. Những trọng pháo từ núi cao liên tục nã đạn,

khạc lửa dọn đường cho giặc xung phong xốc tới. Đồn lũy của nghĩa quân bị bắn tung tóe. Xác người nằm la liệt trên chiến hào. Lửa cháy sáng rực! Nghĩa quân bỏ chạy tán loạn trước cuộc tấn công dữ dội này.

Vào lúc 4 giờ sáng ngày 24-4-1895, Kế Thượng hoàn toàn mất vào tay giặc Pháp. Đó cũng là ngày sinh nhật của đại tá Galliéni. Một cuộc lễ ăn mừng thắng trận và mừng sinh nhật tuổi 46 của Galliéni được tổ chức ngay chiến địa. Vài ngày sau, hãn đã nhận được thư khen của Thống tướng Douchemin:

“Quan Toàn quyền đã hân hoan với cuộc tấn công thắng lợi ở Kế Thượng.

Trân trọng báo cho ông biết rằng, quan Toàn quyền đã chia vui nỗi xúc động với cơ quan thông tấn báo chí và giới công chức Pháp về thắng lợi mỹ mãn này.

Những kết quả gặt hái được rất đúng với dự đoán của chúng ta. Điều này đã khiến cho quan Toàn quyền vô cùng cảm động và tin tưởng ở chúng ta hơn bao giờ hết.

Hà Nội 30-4-1895”

Không để cho Galliéni tận hưởng lời chúc tụng tuyệt vời đó, ngay lúc 11 giờ khuya của ngày 30-4, nghĩa quân Đề Thám đã gây ra một vụ kinh hoàng khiến Galliéni vô cùng bối rối. Đó là lúc địa phận Bắc Ninh nằm im lìm trong bóng đêm. Mưa như trút thác lũ từ trời cao xuống đất. Trên phố chính có vài người lính khố xanh đang đi tuần. Họ đeo súng trường. Ăn mặc gọn gàng. Họ đi chậm rãi đến nhà của viên chức Pháp. Họ cẩn thận thổi tắt hết những ngọn đèn dầu lò mờ đang cầm trên tay. Trời lạnh buốt xương. Mưa nặng hạt. Gió thổi buốt từng cơn. Những chiếc lá vật vờ trong không gian. Phố vắng teo. Không một bóng người. Đêm tối đen.

Khi bước đến căn nhà. Họ đứng yên lặng, dường như đang trao đổi thì thầm gì đó. Năm phút sau, họ đấm mạnh tay vào cánh cửa. Tiếng động khô khốc vang lên. Lập tức, có một người quay ngược bóng súng động mạnh vào cửa. Tiếng kính vỡ nghe như óc. Một người Pháp tên là Moulhaud làm ở Sở Thương chính và một người cộng sự là Verdène ngỡ ngác lộ đầu

ra. Đúng lúc đó, hai tiếng súng nổ, đánh và gọn. Viên đạn lóe sáng vụt xuyên qua đêm tối. Hai người Pháp bị đạn ghim vào đầu. Họ gục xuống tắt thở. Tiếng súng nổ như lời kêu gọi những người hiếu kỳ từ xa chạy đến. Trong đó có sĩ quan tên Jean. Vừa hấp tấp chạy tới thì hắn cũng nhận được hai viên đạn xuyên qua ngực.

Còi hiệu cấp cứu thổi lên. Binh lính trong trại đổ ào ra vây các ngõ phố. Mưa vẫn nặng hạt. Đêm vẫn tối đen. Họ không tìm thấy được gì cả, ngoài những xác người vừa chết.

Đội lính khố xanh này thật ra là nghĩa quân của Đền Thám, do Đốc Thu và Lĩnh Túc chỉ huy.

Tin này đến tai Galliéni, hắn tức tốc về ngay Hà Nội. Hắn biết rằng, vụ khủng bố ở Bắc Ninh sẽ làm phai mờ chiến công ở Kê Thượng. Vì đây là chiến thắng đã có tác động đến việc thay đổi chính sách của chính phủ Pháp. Sở dĩ trước đây, Pháp chịu hòa hoãn với Đền Thám vì có những lũng củng trong nội bộ. Thống tướng Douchemin và Galliéni chủ trương bình định bằng quân sự đã không được phe hành chính ủng hộ. Khi Toàn quyền Rousseau qua thay Lanessan thì Douchemin cũng ngã về phe hành chính. Thế nhưng, từ chiến thắng Kê Thượng, Galliéni bắt đầu tranh thủ được Douchemin và tạo nên uy tín ban đầu với Toàn quyền mới. Do đó, khi quay về Hà Nội, đến nơi, không kịp thay binh phục còn khét mùi thuốc súng, hắn đã vội vã đến với Thống tướng Douchemin. Nốc cạn ly sâm banh do chính tay thượng cấp rót cho mình, hắn sung sướng cúi đầu:

- Xin cảm ơn phước lành của Thống tướng. Cầu Chúa phù hộ cho Ngài!

Ông ta mỉm cười hài lòng:

- Tôi ghi nhận tấm lòng của đại tá dành cho tôi. Hiện nay, đại tá là người hạnh phúc nhất. Tôi chúc mừng chiến thắng của đại tá đã làm lá cờ Tổ quốc chúng ta thêm vinh quang.

Nói xong, ông ta chìa tay để Galliéni cầm lấy với nỗi hân hoan ngây ngất... Thái độ của Thống tướng đã khuyến khích hắn bày tỏ nguyện vọng của mình. Hớp thêm những giọt rượu lấp lánh dưới đáy ly, hắn nói trơn như cháo chảy:

- Thưa Ngài, sau khi chiếm được vị trí Kẻ Thượng và Lũng Lạ thì chúng ta đã phá vỡ thế chân kiềng của Đền Thám. Ông ta không còn một chỗ dựa nào vững chắc cả. Tôi mong rằng Thống tướng ủng hộ tôi với chủ trương tấn công ngay vào Yên Thế.

Thống tướng Douchemin không tin vào tai mình:

- Tấn công Yên Thế ư?

Galliéni cúi thấp đầu:

- Thưa vâng! Nếu không thì sẽ còn nhiều vụ khủng bố khác như vừa xảy ra ở Bắc Ninh.

Không khí trong phòng im lặng.

Douchemin bệ vệ bước đến tấm bản đồ quân sự đang treo trên tường. Hai con mắt của ông ta xoáy vào vùng Yên Thế. Đứng trầm ngâm một lúc rồi Douchemin nói:

- Hiện nay, trên danh nghĩa thì Đền Thám đã hòa hoãn với chúng ta. Không có gì chúng ta lại bội ước tấn công họ.

Galliéni trả lời:

- Thưa Ngài, đây là dịp tốt cho chúng ta nhổ tận gốc hang ổ của bọn phiến loạn. Bí quyết lớn nhất của một cuộc bình định là phải diệt cho bằng được tên cầm đầu. Tục ngữ xứ Bắc Kỳ có câu rất hay mà tôi mới nghe được: “Đánh rắn phải đánh đập đầu”. Thưa Ngài, có đúng vậy không ạ?

Douchemin khinh khỉnh không thèm đáp. Ông ta chấp tay sau đít đi tới đi lui trong căn phòng rồi ngẩng đầu:

- Muốn đánh Yên Thế thì kế hoạch của đại tá như thế nào?

Galliéni đứng phắt, thẳng đơ như khúc gỗ, hăn trang nghiêm mở miệng:

- Thưa Thống tướng, tôi xin đề nghị hai điểm. Thứ nhất, đề nghị chính phủ Pháp quyết định cho quân chủ lực thay thế toàn bộ lính khố xanh khố đỏ đang đóng ở Bồ Hạ, Nhã Nam. Thứ hai, tôi xin đề nghị sáp nhập Yên Thế vào khu quân sự và đặt dưới quyền chỉ huy của chúng ta.

Nghe đại tá nói xong, Douchemin dăm chiêu:

- Vì danh dự nước Pháp, tôi tin rằng kế hoạch của chúng ta sẽ thành công.

Sau cuộc gặp gỡ này, Galliéni bắt tay vào việc điều binh khiển tướng và cùng lúc hăn cũng gửi thư cho Đề Thám. Hăn nói toạc móng heo rằng việc thay thế quân chủ lực ở Nhã Nam và Bồ Hạ là nhằm chặn đứng hành động cướp bóc xuất phát từ Yên Thế. Đề Thám giật run người. Nhưng nhờ đó mà ông biết được âm mưu của Galliéni muốn san bằng căn cứ địa cuối cùng của ông.

Đề Thám đã đọc nội dung lá thư để Đề Côn viết trả lời cho Galliéni. Đại khái, ông không thừa nhận những cuộc đột kích là do mình chủ trương, ngoài ra ông hứa giữ đúng những lời đã cam kết. Lá thư được gửi đi cũng là lúc ông cho xây đắp, củng cố pháo lũy trong rừng sâu. Tháng 5-1895, đám nghĩa quân ly khai với thái độ đầu hàng của Lương Tam Kỳ, hoặc những người yêu nước bị đàn áp đã đến nương nhờ vào Yên Thế. Đề Thám thu nhận hết. Nhờ thế, lực lượng của ông lúc này được bổ sung khá hùng hậu. Liên tiếp trong những ngày 10,13, 17 tháng 10 theo lệnh của ông, cảm tử quân đã đột kích vào đồn lính khố xanh ở Bắc Giang. Một số làng quy thuận giặc Pháp cũng bị đánh phá để cảnh cáo và tịch thu toàn bộ vũ khí đã được chúng trang bị để chống lại phong trào kháng chiến. Dân chúng ở vùng phía nam Thái Nguyên, bắc Bắc Ninh, Đáp Cầu, Tây Bắc, Phủ Lạng Thương... đều được tuyên truyền về ý thức cứu quốc và bảo vệ chiến khu Yên Thế. Không thể ngồi yên được, Galliéni quyết định trả đũa. Trong những ngày 28, 29, 30 tháng 10 hăn cho mở một cuộc hành quân thăm dò quanh vùng Nhã Nam, Bồ Hạ và đặt thêm phòng tuyến mới. Pháo binh, bộ binh rộn rịp ngày đêm. Những trọng pháo cũng được kéo lên. Không khí căng thẳng bao trùm Yên Thế và dự báo một cuộc chiến thảm khốc sẽ xảy ra.

Tự hào với những công việc chuẩn bị trên đây, Galliéni láo xược gửi thư cho Đề Thám với hai yêu cầu: - Nghĩa quân Yên Thế phải giao nộp hết vũ khí. Phải giải tỏa toàn bộ các điểm phòng thủ trong rừng Yên Thế. Hai yêu cầu trên không được Đề Thám chấp nhận. Đã thế, ông còn ương ngạnh đề

ngệ Galliéni phải rút quân ra khỏi vùng Hạ Yên. Thái độ của Đề Thám đã khiến hãn lồng lên như con thú bị trúng đạn. Gan ruột hãn lộn tùng phèo. Hãn muốn tấn công ngay. Nhưng rồi, hãn cho phép mình được chần chừ vì còn chờ đợi một loại vũ khí có sức công phá lớn vừa được phát minh ở Pháp. Tâm trí hãn rối bời khi suy nghĩ, nếu không tiến công ngay thì Đề Thám sẽ rút khỏi vòng vây? Hoặc sẽ tấn công trước? Hãn lo lắng đến bạc đầu. Ngày 2-11, hãn lại gửi cho Đề Thám một lá thư nữa. Lời lẽ trong thư rất hãn học.

Thưa ông Đề Thám,

Tôi lấy làm tiếc khi nhận thấy ông không trả lời dứt khoát và rõ ràng những điều tôi đã viết trong thư trước. Xin thông báo cho ông được rõ, tình hình ở Yên Thế đã hoàn toàn thay đổi. Quyền sở hữu của ông trong phạm vi bốn tổng không còn nữa. Tôi được lệnh chiếm đóng những khu vực đó.

Tôi muốn đề nghị với ông những phương pháp để ông được chính phủ bảo hộ tha thứ:

1. Ông phải lập tức giải tỏa những pháo lũy ở Yên Thế cho quân đội Pháp đến chiếm đóng. Sau đó, chúng tôi sẽ xem xét tương lai ông và binh lính của ông. Có thể, ông được lập đồn điền ở nơi khác hoặc ra làm việc với chính phủ tùy theo điều kiện sẽ thỏa thuận sau.

2. Ông phải giao nộp toàn bộ khí giới.

3. Về vụ của Đốc Thu và Lĩnh Túc khủng bố ở Bắc Ninh thì ông phải trừng phạt hai tên này. Điều đó cho thấy ông còn trung thành với chính phủ Pháp.

4. Tôi yêu cầu ông phải trả lời những câu hỏi trên. Hạn cuối cùng là ngày 22-11-1895”.

Chỉ trong vòng một ngày mà phải trả lời dứt khoát những vấn đề trên? Điều này có nghĩa là Galliéni muốn dồn Đề Thám phải đầu hàng vô điều kiện. Đề Thám im lặng. Ngày 22-11, Pháp đã vận chuyển lên Bồ Hạ loại vũ khí mới mà Galliéni đang chờ đợi. Đây là loại đạn có chất mélinite vừa mới phát minh. Hãn sung sướng vô hạn. Ngày 25-11, hãn lại gửi cho Đề Thám một lá thư nữa, mà nội dung cũng giống lá thư trước. Nhưng lần này hãn

khẳng định rõ: “Nếu ông không trả lời dứt khoát những điều kiện trên đây thì tôi cắt đứt mọi thương thuyết với ông. Và đặt ông vào kẻ thù của chính phủ bảo hộ. Hạn chót dành cho ông là ngày 28-11-1895”.

Với lá thư này thì Đề Thám chỉ trả lời vắn tắt là ông vẫn ở lại Phồn Xương và sẽ phái một lãnh binh đến gặp Galliéni để bàn bạc thêm những điều khoản trong thư đã gửi cho ông. Galliéni không đủ kiên nhẫn để chờ đợi nữa, hăn liền đánh điện cho Thống tướng Douchemin: “Rất tiếc cuộc điều đình không có kết quả. Trận đánh sẽ bắt đầu vào sáng mai”.

Nhận được bức điện tín này, Douchemin hết hồn! Toàn quyền Rousseau chưa đồng ý về vấn đề đánh Yên Thế, bởi lẽ, sau khi dẹp hết những cuộc kháng chiến ở Bắc Kỳ thì Đề Thám là niềm hy vọng của dân bản xứ. Ngọn cờ Cần Vương của Đề Thám đang có sức chinh phục lòng người. Đánh Đề Thám trong lúc này, không khác gì kêu gọi sự nổi dậy đồng loạt của các nhóm nghĩa quân lẻ tẻ khác. Như vậy, cuộc chiến sẽ lan rộng mà chính phủ Pháp chưa đủ sức điều binh hoặc vận chuyển vũ khí kịp thời. Vì vậy, ngay lập tức Douchemin ra lệnh cho thiếu tá Lyautey đích thân đem chỉ thị hỏa tốc đến cho Galliéni. Hăn nhận chỉ thị vào lúc bốn giờ chiều. Mồ hôi hăn chảy ròng ròng khi đọc hai dòng ngắn gọn: “Buộc đối phương phải rút khỏi vị trí hơn là khởi binh tiêu diệt toàn bộ lực lượng”. Hăn cực kỳ bối rối. Hăn đã tức tối ghi vào nhật ký: “Những dòng mệnh lệnh này nếu ta tuân theo là một sự xuẩn ngốc. Ta đang trở thành một kẻ tầm thường và không còn cơ hội nêu danh lấy lòng như đã đánh thắng Lũng Lạt và Kẻ Thượng”.

Tự ái của một người dạn dày trong lửa đạn không cho phép hăn chấp hành mệnh lệnh một cách máy móc. Đúng vào lúc 8 giờ sáng hôm sau, ngày 29-11, Galliéni tự ý chỉ huy quân đội tấn công vào đồn Phồn Xương của Đề Thám. Điều làm hăn rất bất ngờ là nghĩa quân đã rút lui tự bao giờ rồi! Quân đội Pháp chỉ chiếm được một vùng đất hoang vu. Không một bóng người. Galliéni đặt bản doanh tại đây và cấp tốc cho quân tiến nhanh truy kích Đề Thám.

Cuộc chiến bắt đầu.

Đến 11 giờ trưa hôm đó thì chúng đụng đầu với nghĩa quân. Tiếng súng nổ như bấp rạn. Tiếng đại bác nổ xé trời. Đội hình của Thống Luận đã lên ra đầu hàng. Trong khi đó, quân đội Pháp đang bị phân tán bởi những toán nghĩa quân cầm tử từ trong bụi cây, hốc núi xông ra giao chiến. Từ trên những mỏm núi hiểm trở, một loạt tên nổ bắn xối xả xuống đầu quân viễn chinh. Lối đánh gan góc này đã khiến Pháp trở nên lúng túng. Nghĩa quân như những hung thần đột xuất, đột biến! Từ trên cây họ nhảy xuống. Từ dưới đất họ phóng lên. Vừa chặn đầu đánh tới tấp, lại vừa khóa đuôi xối tới. Quân đội Pháp tưởng như mình sa vào địa ngục. Chúng đạp nhau chạy tán loạn.

Để cứu vãn tình thế, Galliéni bắt đầu cho sử dụng đạn pháo có chất mélinite. Hắn tin rằng sẽ kết thúc trận đánh một cách vẻ vang. Đội hình đã được chỉnh đốn xong. Tiếng kèn hiệu hùng dũng vang lên ở cánh quân thứ nhất. Cánh quân này hùng hổ xông lên phía trước thì từ phía sau, phát minh mới của khoa học kỹ thuật lần đầu tiên được đưa ra sử dụng. Quả đạn vụt bay khỏi nòng, Galliéni cười đắc thắng. Âm điệu của bài Marseillaise vang lên giục giã từ tiếng kèn xung trận: “Ngọn cờ nhuộm máu đã giương lên! Hãy tưới lên luống cày của chúng ta bằng thứ máu hôi tanh của quân thù...”. Nhưng rủi thay, quả đạn đầu tiên lại rơi xuống đầu cánh quân thứ nhất! Nó đã gây tổn thất nặng nề cho quân đội Pháp. Galliéni điếng người! Đánh nhau trong rừng rậm, tung quân ra bao vây một mục tiêu mơ hồ thì trật tọa độ là điều khó tránh khỏi. Hắn đành ra lệnh án binh bất động. Rút kinh nghiệm xương máu vừa xảy ra, viên đại tá nôn nóng này bèn cho mũi trinh sát lặng lẽ tiến vào rừng sâu để thăm dò vị trí của nghĩa quân.

Trong khi chờ kết quả báo về, Galliéni nốc rượu liên tục. Bỗng nghe từng đợt súng nổ vang, hắn đã có thể đoán trước điều gì đang xảy ra. Đội trinh sát thiện chiến của hắn đã rơi vào ổ phục kích của nghĩa quân. Từ chiến hào đào sâu dưới đất, nghĩa quân bí mật nã đạn vào chúng. Không còn cách nào khác, hắn ra lệnh cho các cánh quân khác đồng loạt xông lên tiếp viện.... Nhưng những cánh quân này không thể tiến lên hơn được,

chúng đã bị tinh thần quả cảm và tài trí thông minh chặn lại bằng những loạt đạn chính xác. Galliéni tức tối cho lui binh.

Màn đêm dần dần buông xuống. Bóng tối bao trùm khu rừng Yên Thế. Gió thổi ào ào như khúc nhạc ru hồn những người lính viễn chinh đã bỏ xác tại trận. Kiểm điểm lại quân số, Galliéni thở dài. Trong đêm đó, hãn đã đánh một bức điện về cho Thống tướng Douchemin: “Theo lệnh của ngài, tôi đã buộc đối phương rút khỏi vị trí. Một kết quả rất khả quan là quân ta đã tiến được 1.500 thước!”. Đó là kết quả của một ngày trời! Đêm đó Galliéni chìm trong cơn ác mộng mà cuộc đời chiến binh của hãn chưa hề biết đến...

Tờ mờ sáng hôm sau, ngày 30-11, sương chưa tan, mặt trời chưa nhô lên đỉnh núi, Galliéni đã hạ lệnh tấn công. Tiếng pháo gầm lên. Đạn bắn như vãi thóc để dọn đường cho bộ binh khởi sự tiến vào cứ điểm của Đền Thám. Sau những loạt pháo kinh khiếp đó, quân Pháp yên trí tiến quân. Quái lạ! Họ tiến vào rừng sâu không gặp một trở ngại nào cả. Rừng âm u không một bóng người. Nghĩa quân tài tình như bóng ma. Họ đã vụt khỏi vòng vây ngay trong đêm tối ngày hôm qua rồi! Đại quân của Galliéni đã chiếm được Yên Thế trong một hoàn cảnh như thế. Galliéni chẳng vui vẻ gì, nếu không muốn nói là một điều sỉ nhục. Hãn tự đánh giá đây là một trận đánh làm giảm uy tín của hãn rất nhiều.

Phân bua với dư luận của báo chí, hãn đổ lỗi cho Toàn quyền Rousseau là quá dè dặt, quá cẩn thận nên đã đi đến chỗ nhút nhát mà làm hỏng thời cơ của hãn. Với những bất mãn này, Galliéni xin hồi hương. Cha đẻ của kế hoạch vết dầu loang đã nếm mùi thất bại khi đối đầu với chiến thuật du kích của Đền Thám. Chính sĩ quan Barthouet dưới quyền của Galliéni trong trận đánh Yên Thế, khi về già có viết quyển Thảm kịch Pháp ở Đông Dương (in năm 1948) đã nhớ lại: “Để chống lại Đền Thám, trong một phần tư thế kỷ chúng ta đã tổ chức bảy cuộc hành quân quan trọng. Trong số các tướng lĩnh chỉ huy cuộc hành quân này, có người đã từng chỉ huy cuộc viễn chinh ở Trung quốc năm 1900 đó là tướng Voyron. Một vị khác nữa là con người vinh quang: Thống chế Galliéni bất tử, vị cứu tinh của nước Pháp,

người đã tạo nên chiến thắng Marne, một chiến tướng vô tiền khoáng hậu. Thế nhưng, Đền Thám đã chống lại chúng ta với một sự can đảm và lòng kiên trì đáng kinh ngạc. Ông ta đã gây cho chúng ta rất nhiều tổn thất. Ông ta đã đánh những trận thần kỳ ở Yên Thế. Biết bao chiến binh dũng cảm da trắng, da màu đã vĩnh viễn nằm lại nơi đây”.

Tháng 12-1895, Galliéni rút về Pháp.

CHƯƠNG TÁM

Lúc nguy khốn có Kỳ Đồng xuất hiện

Yên Thế nay lại đón nghĩa quân về

Thống tướng Douchemin đập tay giận dữ xuống bàn trước sự ngỡ ngác của mọi người: “Đề Thám là một con người mà chúng ta không thể hiểu được”. Tại sao vậy? Vào thời điểm này, đột ngột chính phủ Pháp lại nhận được thư xin đầu hàng của Đề Thám!

Con hùm của núi rừng Yên Thế rất đáng sợ. Ông xin quy hàng vì trong tháng chạp này, Toàn quyền Rousseau qua đời và Paul Doumer vừa được cử sang thay thế. Đề Thám muốn lợi dụng lúc Doumer mới chân ướt chân ráo sang Đông Dương chăng? Ông lại nhờ giám mục địa phận Bắc Ninh là Velasco đứng ra thương thuyết. Cuộc thương thuyết chưa có kết quả. Chính phủ Pháp không đồng ý với điều kiện của cuộc giảng hòa năm 1894, chúng chỉ hứa tha tội chết cho ông mà thôi. Do đó, Đề Thám không chịu ra đầu hàng, ông vẫn tìm cách ẩn náu và chống trả lại những cuộc càn quét của giặc Pháp. Khi chạy lên Lạng Sơn, ông bị đội quân của đại úy Morel bắn bị thương, nhưng vẫn chạy thoát được. Trong bước đường ngặt nghèo như thế này thì Đề Thám nhận được tin Kỳ Đồng lên mở đồn điền ở Yên Thế.

Kỳ Đồng là một người như thế nào mà Đề Thám lại đặt hy vọng vào đó?

Đây là một nhân vật rất lạ lùng trong lịch sử cận đại của Việt Nam. Trong 4.577 bức tranh dân gian do Henri Oger sưu tập được và công bố ở Paris thì trong đó có 5 bức tranh khuyết danh vẽ Kỳ Đồng. Bức tranh vẽ

một cậu học trò đang khom mình trước trang sách, bên cạnh là cụ đồ nho nghiêm khắc thì phía trên có hàng chữ Nôm: “Ở xã Ngọc Đình, tỉnh Thái Bình, có một nhà nho nghèo đã lọt qua trường hai, trường ba, sau sinh được một bé trai đang lên sáu, thiên tư đỉnh ngộ, miệng lưỡi lanh lợi. Một hôm khi nghe cha đọc sách thì cậu bé vừa nghe vừa dò theo. Đột nhiên cậu bé chất vấn nghĩa lý, người cha không trả lời được bèn đi chất vấn các quan huyện, tỉnh. Nhưng cũng chẳng ai giải đáp được nên mới đặt tên cậu là Kỳ Đồng”. Thật ra, Kỳ Đồng tên thật là Nguyễn Văn Cấm, sinh ngày 8-10-1875 ở làng Ngọc Đình, tổng Hà Lý, huyện Duyên Hà, phủ Tiên Hưng. [4] Năm lên mười tuổi có kỳ thi hạch ở tỉnh Hưng Yên, thấy ông còn bé mà cũng đi thi thì lấy làm lạ, quan tỉnh ra câu đối:

- *Đứng giữa làng Trung Lập*

Ông đối lại ngay:

- *Dấy trước phủ Tiên Hưng*

Câu ra thì chữ “trung lập” có nghĩa là “đứng yên”, ông đối lại “tiên hưng” là “dấy trước”. Mọi người kinh ngạc, ra cho câu nữa:

- *Khổng môn truyền đạo chư hiền: Tăng Tử, Tử Tư, Mạnh Tử.*

Ông đối ngay:

- *Chu thất khai cơ liệt thánh: Thái Vương, Vương Quý, Văn Vương.*

Mọi người lấy làm kinh dị, liền làm sớ dâng về Kinh. Vua Tự Đức đã sắc cho hai chữ Kỳ Đồng và phê vào sớ: “Tên này còn ít tuổi chưa thể lục dụng được, nay giao cho tỉnh thần Hưng Yên dạy bảo, dành để khi lớn lên, nhà nước sẽ dùng”. Trong Đại Nam Thực Lục của Sứ quán triều Nguyễn còn ghi lại thời Tự Đức xuống dụ: “Cấp cho trẻ lạ Nguyễn Văn Cấm mỗi tháng 3 quan tiền, một phượng gạo, áo quần mỗi thứ hai cái, mỗi năm cho một lần”. Từ đó tiếng tăm và huyền thoại Kỳ Đồng càng lan xa. Ứng với lời “sấm truyền” của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm:

Bao giờ Nhân Lý có đình

Trạm Chay mở chợ Ngọc Đình có vua

Bao giờ Tiền Hải có chùa

Trạm Chay mở chợ thì vua ra đời.

Thì mọi người cho rằng đó là Kỳ Đồng được trời phái xuống để cứu nước thoát giặc ngoại xâm. Phong trào yêu nước đã lợi dụng sự kiện Kỳ Đồng. Ngay 27-3-1887, một đám rước đưa Kỳ Đồng từ chùa Vị Xuyên về làm lễ tại Phủ Giày, huyện Vụ Bản (Ninh Bình). Đám rước này thu hút vài trăm người đi theo. Họ khăn áo chỉnh tề, giương cờ hiệu Thái Bình Thiên Tướng với gươm đao đều bằng gỗ. Kỳ Đồng thì ngồi chễm chệ trên kiệu, tay cầm cờ. Đoàn rước kiệu trang nghiêm đi, thỉnh thoảng phải dừng lại để mọi người được rõ mặt một cậu bé 12 tuổi. Những lúc đó, Kỳ Đồng lại đọc thơ, đại loại như bài Dòng Xích Bích – nói về tổng Lý Hạ, nơi có con sông Tẻ chạy qua làng Ngọc Đình:

Dòng Xích Bích nước trôi lênh láng

Nào ai sang Phú Lãng cùng anh?

Thơ rằng: phong cảnh trong xanh

Xanh mây in bóng chốn lành Thánh sinh

Sinh ra trời đất thanh bình

Việc đời vẫn đục sao đành ngồi trông?

Trông ra địa lợi hồ rồng

Rồng đang lợi thế non sông – dân tình

Tình người sông Nhĩ kết sinh

Sinh ra Thánh chủ tự giành chiến công

Hoặc những câu như:

Trời còn muốn mở nền thịnh trị

Không tở thì ai giúp nước nhà?

Mọi người vỗ tay hoan nghênh ầm ĩ. Với một đoàn người được võ trang như thế, nhưng bọn chó săn tai mắt của giặc lại cho là Kỳ Đồng có ý muốn đánh chiếm thành Nam Định và các phủ huyện. Tin này lập tức được cấp báo về cho Công sứ Ninh Bình – Nam Định. Viên Công sứ Brière đã báo cáo lên Tổng công sứ Trung-Bắc Kỳ như sau: “Kỳ Đồng chỉ là một đứa trẻ và bản thân nó chẳng có gì nguy hiểm. Phong trào tiếng là có tính chất tôn

giáo do Kỳ Đồng hay những người thúc đẩy Kỳ Đồng gây ra cũng có thể trở thành một phong trào chính trị, dẫn đến những hậu quả tai hại!”. Và không muốn ra mặt đàn áp sợ làm kinh động trong dân chúng, nên Công sứ Brière chỉ sai lính bắn thị uy và giải tán đám đông.

Để ngăn ngừa với hậu họa có thể xảy ra, chính phủ Pháp đối phó bằng cách cấp học bổng cho ông đi du học mười năm ở Algérie. Ông là người Việt Nam đầu tiên đỗ tú tài Pháp về khoa học lẫn văn chương.

Năm 1896, trên chuyến tàu trở về nước, Kỳ Đồng làm quen với bác sĩ Gillard. Hai người cùng bàn bạc kế hoạch cộng tác mở đồn điền ở miền ngược. Theo yêu cầu của Kỳ Đồng, bác sĩ Gillard đã đứng ra viết thư cho Thống sứ Bắc Kỳ. Bức thư ngày 21-7-1897 nêu rõ: “Nhằm giúp cho tôi được dễ dàng trong việc tăng dân cư vùng Yên Thế, nhất là những vùng đất tôi đã làm đơn xin lập đồn điền, tôi tha thiết xin Ngài Thống sứ những điều sau đây: 1/ Thông báo cho các ông Công sứ ở các tỉnh Hưng Yên, Nam Định, Thái Bình và Hải Dương biết Kỳ Đồng được phép mộ dân An Nam đi khẩn điền ở Yên Thế. Thông báo cho dân An Nam ở bốn tỉnh trên biết ai muốn theo Kỳ Đồng thì đến gặp ông ta tại nhà riêng để thỏa thuận. 2/ Có những biện pháp thích đáng nhất nhằm bảo đảm hành trình cho người An Nam đi lên Yên Thế, một khi ngày giờ và lộ trình đã được xác định”. Lời đề nghị này nhanh chóng được chấp thuận, nó thuận lợi vì ngày 26-7 năm đó, chính phủ Pháp đã bắt vua Thành Thái ký dụ bãi bỏ Nha kinh lược Bắc Kỳ để chuyển quyền sang Thống sứ Pháp ở Bắc Kỳ.

Để khuếch trương thanh thế của phong trào này, Kỳ Đồng đã làm bài thơ Đường lên Yên Thế. Một bài thơ độc đáo và thuần túy Việt Nam, hai chữ cuối của câu trên, nói lái lại tiếp thành hai chữ đầu của câu dưới. Chẳng hạn:

Hà sự phân vân thuyết lộ ki

Ky lô tương cố một tương tùy

Tuy tường thiên nhận, do ngu nạn

Nan ngụ cô sơn tác trụ trì

(Bước đi ngàn dặm xa với vợ – Cười lừa ngành cố lại vẫn không thấy người đi theo – Dầu bay cao đến nghìn nhận, vẫn phải lo quốc nạn – Khó lòng lấy ở chốn cô sơn này là nơi trụ trì).

Bài thơ được truyền tụng sâu rộng nhiều người đã đi theo Kỳ Đồng. Tháng-1897, việc tuyển mộ này đã thành một phong trào rộng lớn. Những tên mật thám Pháp dĩ nhiên không thể làm ngơ trước sự kiện này. Chúng trà trộn, cải trang để tìm hiểu thực chất của việc tuyển người. Từ những nguồn thông tin, Toàn quyền Paul Doumer đã báo về Bộ Thuộc địa: “Trong số 2.500 đến 3.000 người tập trung chung quanh Kỳ Đồng ở Yên Thế, có nhiều quan lại cũ và nho sĩ hơn là nông dân, những người chưa hề mó tay đến ruộng đất. Đáng lưu ý là có cả chiến sĩ của phong trào Cần Vương mang theo lương thực, gia dụng và dụng cụ lao động tình nguyện đi khai phá đồn điền”. Trong khi đó, khi trực tiếp đôn đốc việc khẩn hoang thì Kỳ Đồng lại động viên họ... bằng thơ! Có lúc ông cao hứng đọc bài Niềm vui vỡ đồn điền, trong đó có những câu như:

*Phương đoàn ứng triệu giáng sinh
Chín tầng rộng hiện trời xanh tuyệt trần
Phá nường Thánh xuống cõi trần
Mãnh sĩ như thần như nước như non
Trần Công một tấm lòng son
Đào Tiềm đi ẩn cũng toan xuất hành
Chu Công, Y Doãn triều thần
Ngõ hầu trở lại đồn điền Đường Ngu*

Đến đầu tháng 9-1897, công việc của Kỳ Đồng tạm ổn. Ông đã lập được năm đồn điền bát ngát ở Yên Thế. Ông khéo léo xây dựng những đồn điền thành những làng pháo đài, tuy bề ngoài vẫn như xóm làng bình thường. Hàm nào phòng thủ được triển khai. Tổ chức và sinh hoạt được thực hiện theo một số chế độ nghiêm khắc, có nghĩa quân bí mật canh gác, kiểm tra người lạ mặt, tập dượt cứu hỏa, quy định mật hiệu báo động, v.v... Đáng lưu ý là Kỳ Đồng đã ban hành 5 điều quy định, trong đó có câu “khó hiểu” như: “Vào rừng đốn cây, khi gặp người cũng đang đốn thì phải có thái độ

kính trọng (?), ai gây khó khăn cho họ sẽ bị xử phạt nghiêm khắc (?)”. Đây mới là tầm nhìn chiến lược của Kỳ Đồng vì ông biết rằng, khi lên Yên Thế dứt khoát sẽ gặp những nghĩa binh của Đề Thám đang lén lút hoạt động. Và ông cũng đang tìm cách liên lạc với ngọn cờ Cần Vương mà Đề Thám đang nắm giữ một cách kiên trì và dũng cảm.

Trong cánh rừng già âm u và bí mật, mọi người đã ngủ say, Đề Thám ngồi trầm ngâm bên đống lửa, ông hơ tay trên ngọn lửa cháy bập bùng. Trời rét lạnh. Đêm khuya khoắt. Sương xuống ướt đầm áo nhưng ông vẫn chưa ngả lưng. Bà Ba Cẩn rón rén bước đến bên ông:

- Ông ơi! Mời ông vào trong lều tạm nghỉ. Ông cần phải gìn giữ sức khỏe nữa chứ!

Ông khẽ đáp:

- Vâng. Không thể kéo dài những ngày như thế này nữa. Không thể lẩn trốn mãi được. Giặc Pháp muốn bêu đầu chúng ta ở Nhã Nam. Còn chúng ta thì phải đánh chúng đến giọt máu cuối cùng. Bà nó ơi, lấy đâu ra lực lượng bây giờ?

Bà Ba Cẩn cũng thờ dài:

- Tôi cũng suy nghĩ như ông. Nhưng ông ạ! Kẻ làm tướng không bao giờ thấy quân mình ít mà nhục chí.

- Tôi chưa bao giờ nhục chí cả. Nhưng dạy cho quân sĩ cũng giống như bày cờ trên mặt bàn, nếu không vẽ đường cho cờ đi thì làm sao đánh cờ được?

Bà Ba Cẩn gật gù:

- Vâng, chúng ta phải vẽ lại một bàn cờ mới.

Đề Thám nghiêng răng:

- Đúng vậy. Tôi dự tính như thế này. Theo ý bà thì ai sẽ là người thực hiện dự tính của tôi?

- Xin ông cứ nói.

- Theo trình sát của chúng ta còn bám lại Yên Thế thì hiện nay, ông Kỳ Đồng đã lập đồn điền ở đó. Kỳ Đồng là một người thờ vua yêu nước.

Chúng ta tìm cách liên lạc với Kỳ Đồng chẳng?

Bà Ba Cẩn reo lên:

- Đúng thế! Thế của giặc đang như lửa cháy ngút trời, nếu ta không dẹp giặc thì vương nghiệp cũng mất. Tôi tin rằng, Kỳ Đồng sẽ hậu thuẫn cho chúng ta.

- Ai sẽ là người trở về Yên Thế đi vào vùng giặc đang bủa lưới khắp nơi để gặp Kỳ Đồng? Cả Rinh, Cả Trọng có được không?

Bà Ba Cẩn dẫn đo:

- Thưa ông, cho tay chân của chúng ta gặp Kỳ Đồng, há chúng ta xem nhẹ Kỳ Đồng hay sao? Hiện nay, ông đang bị thương, đi về Yên Thế nếu có mệnh hệ gì thì nguy. Vì lẽ đó, tôi xin ông cho tôi làm sứ mệnh này.

- Không được! Bà là cánh tay phải của tôi. Việc cơ binh không có bà thì lấy ai bàn luận?

Bà Ba Cẩn buồn rầu đáp:

- Việc Thống Luận đã ra đầu hàng, tôi biết vì Luận là anh nuôi tôi, chứ không thì ông đã cho người bắt về chém đầu. Sự nhân nhượng này chưa hẳn đã được đồng tình trong hàng ngũ tướng lĩnh.

Đề Thám cau mặt:

- Giết một người để muôn người làm điều lành thì nên giết. Giết một người mà ba quân chấn động thì không nên giết. Sao bây giờ bà nhắc lại chuyện Thống Luận?

- Tôi nhắc lại là để xin ông cho tôi đi gặp Kỳ Đồng. Nếu có hy sinh thì cũng là một cách để rửa mối nhục này.

Đề Thám không đáp. Ngọn lửa đã tàn. Từ xa vọng lên tiếng cộp găm nghe rợn người. Vòm lá chuyển động trong bóng đêm. Cánh rừng già vẫn âm u huyền bí đến lạ lùng.

Sáng hôm sau, mặt trời vừa trời lên sau đỉnh núi, nhưng ánh sáng cũng không đủ sức xuyên qua khu rừng dày đặc. Đề Thám cho tập hợp ba quân. Cất giọng khàn khàn mệt mỏi, ông nói:

- Tình hình đang nguy khốn. Quân mười chỉ còn hai, ba. Không đủ sức chống chọi lại giặc. Chúng ta lẩn trốn co cụm lại thì giặc cũng càn quét tận đây. Ai có mẹo gì hay để gỡ nạn này không?

Đốc Thu nóng nảy trả lời ngay:

- Thừa quan lớn, quân ta còn ít nhưng lại là những người cảm tử, tinh nhuệ. Một người có thể địch lại mười người. Vậy theo ý của tôi thì chúng ta quyết đánh một trận nữa. Anh hùng há luận sự thành bại. Nếu bại mà đánh được một trận gây khiếp đảm cho giặc thì chết tôi cũng cam lòng.

Đề Thám cười gằn:

- Người ta thường chết vì yêu, chết vì giận, chết vì uy, chết vì nghĩa, chết vì lợi. Cái chết của chú đáng khen lắm. Nhưng ta chưa muốn chú chết như thế. Ai còn có mẹo nào hay hơn?

Linh Túc chậm rãi nói:

- Theo ý của tôi thì chúng ta nên rút lui. Càng nấp sâu càng tốt. Chờ một thời cơ...

Chưa nói hết câu, Cả Trọng cướp lời:

- Thừa chú, chú nói như vậy có nghĩa khuyên mọi người thụ động ngồi yên chờ giặc đến bắt à?

Linh Túc đáp:

- Không phải thế. Khi khí giới không tỏ ra sắc bén, áo giáp không tỏ ra bền bỉ, xe pháo không tỏ ra vững chắc, ngựa không tỏ ra tốt mạnh, sĩ tốt không tự họp nhóm đông đúc thì không thể nói đến việc ra quân. Chứ chưa bàn đến chuyện có thắng lợi hay không?

Cả Trọng hỏi lại:

- Chú ngại đánh mà không thắng lợi thì chờ thời cơ à?

Linh Túc chưa trả lời thì Bà Ba Cẩn nghiêm mặt:

- Những ý kiến vừa rồi vừa đúng mà lại chưa đúng. Theo ý của tôi thì tìm cách giảng hòa là hay nhất.

Liếc nhìn bà vợ ba của mình, Đề Thám nói:

- Chúng ta đã nhờ ngài Velasco đứng ra thương thuyết, nhưng giặc vẫn chưa đồng ý. Đánh thì chúng ta không đủ sức đánh. Ngồi chờ thời cơ thì giặc cũng đánh chúng ta tan tác cả thôi. không lẽ chỉ còn cách chịu chết?

Bà Ba Cẩn vẫn nghiêm mặt:

- Sao lại chịu chết chứ?

Mọi người nhao nhao lên hỏi:

- Vậy chúng ta định như thế nào?

Bà đáp:

- Cùng đường thì chúng ta ra đầu thú!

Đề Thám dùng dùng nổi giận:

- Bậc đại trượng phu thà chết chứ không chịu nhục. Đầu tôi chưa rụng thì không thể nào tôi cúi đầu theo giặc. Ai còn dám nói đến đầu thú, ta sẽ chém!

Lúc bấy giờ bà Ba Cẩn mới tủm tỉm cười:

- Thưa ông, tôi nói vậy là để thử lòng các thủ hạ của chúng ta đấy thôi!

Đề Thám nhếch mép. Lâu nay ông vẫn khâm phục bà Ba là một người mưu lược, tài trí. Giọng nói của bà vang lên như chuông đồng đầy uy quyền, mãnh lực như lại có sức quyến rũ lạ lùng. Nghe bà nói thế, Cả Trọng dường như không vui:

- Dì nói vậy là dì không tin vào những người đã theo thầy tôi à?

Bà Ba vẫn tủm tỉm:

- Tương đối với quân bằng cái nghĩa của bố đối với con. Họ đã vì điều nhân mà xông trận, vì điều nghĩa mà đánh giặc, vì dũng cảm mà chiến đấu, vì trung thành mà chịu đựng lâu dài, vì đại sự mà hy sinh. Nghĩa quân của ông Đề Thám là những người như thế. Vậy ta tin những người đã đi theo ông Đề Thám chứ! Nhưng Cả Trọng ạ! Lúc này sức ta đã kiệt, lực ta đã mòn thì nên mở đường cho họ. Ai còn theo ta thì đồng cam cộng khổ để chiến đấu, ai vì chuyện riêng tư cấp thiết thì nên cho họ ra hàng giặc mà tìm đường sống. Đó mới là nhân nghĩa, chứ không thể buộc họ phải theo ta trong lúc nguy khốn như thế này.

Cả Rinh nói:

- Dì nói phải. Ta cần binh là để đánh giặc. Nhưng lúc này là lúc nên cho những người không còn tha thiết đánh giặc về cày cuốc, cày cấy để bảo tồn lực lượng.

Đề Thám cũng cho là phải. Ngay trong ngày hôm đó, ông cho vật trâu, giết lợn, nấu rượu bày tiệc chiêu đãi nghĩa quân. Dốc cạn chén rượu, Đề Thám đứng trước ba quân:

- Hôm nay, ta có lời nói với các người: Bấy lâu nay ai nấy cũng đều yêu mến ta, cùng sống chết với ta. Tình nghĩa như tay đối với chân, không nỡ lìa bỏ nhau. Song thời thế ngày nay không thể nào cưỡng được. Nay trong số các người, ai còn cha mẹ mà không người phụng dưỡng, ai có vợ con mà không nơi nương tựa, ai chưa có con nối dõi, nối dòng... Ta cho các người được quyền lựa chọn, muốn đi đâu thì đi, từ đây ta từ tạ các người. Còn ai vui lòng sống chết với ta thì cứ ở lại đây cùng ta mưu việc lớn.

Mọi người im lặng lắng nghe vị thủ lĩnh tối cao. Ông nói tiếp:

- Ai muốn theo ta thì đáp lời!

Hàng loạt người đứng dậy hô lớn:

- Vâng!

Những người không tự nguyện đi theo thì sau bữa tiệc này đều giải tán. Sau đó, Đề Thám bí mật cho tiến hành kế hoạch liên lạc với Kỳ Đồng.

Bà Ba Cẩn và năm thuộc hạ thân tín băng rừng xuống Yên Thế. Họ đã gặp Kỳ Đồng tại đồn điền ở Chợ Kỳ. Sự gặp gỡ này mở ra nhiều hy vọng cho nghĩa quân Đề Thám. Kỳ Đồng nói:

- Thưa bà, tôi lên mở đồn điền trên này chính là vì danh tiếng của ông Đề Thám đã lôi cuốn tôi. Làm một điều gì hữu ích cho ông Đề Thám là hả dạ tôi lắm!

Một số người đã khai phá rừng núi lập đồn điền, nhưng Kỳ Đồng lại khuyến khích họ đi theo Đề Thám. Và ông cũng đã nhiều lần giúp lương thực cho nghĩa quân, tất cả là ba nong gạo, hai thùng bạc trắng để mua vũ khí, ba tạ muối và nhiều trâu bò... Kỳ Đồng còn nhờ bà Ba Cẩn chuyển bài

thơ chữ Hán của mình đến tay lãnh tụ Yên Thế. Bài thơ có câu mà ông tâm đắc:

Tây thiên chỉ nhật tảo thanh

Long nương thủ khởi cốc thành vũ phi

(Hẹn có ngày quét sạch giặc Tây – Như rồng vươn mình, như chim hồng cất cánh)

Rõ ràng, việc xuất hiện Kỳ Đồng ở Yên Thế với đồn điền rộng lớn bát ngát ở Chợ Kỳ đã góp phần củng cố lực lượng Đề Thám. Do đó, thời bấy giờ mới có câu lưu truyền “Nhất ông Kỳ, nhì ông thám, thứ ba bá hộ Quần Anh”. Nhân vật thứ ba tức là ông Trần Hữu Giảng ở huyện Hải Hậu (Nam Định) hoạt động trong nhóm Văn Thân ở xã Quần Anh. Ông đã bắt liên lạc với Kỳ Đồng, đồng thời cử người lên tăng cường cho lực lượng của Đề Thám.

Việc làm tay trời của Kỳ Đồng đã không qua cái mũi thính hơi của chó săn mật thám Pháp.

Ngày 21-9-1897 chúng đã phát hiện những thuộc hạ của Kỳ Đồng đang khẩn trương dỡ những kiện hàng. Mặc dù được bó lại bằng chiếu nhưng vẫn lộ ra những nòng súng xếp chéo. Giặc Pháp đủ bằng chứng về căn cứ trá hình tại Chợ Kỳ. Thi hành mệnh lệnh khẩn cấp của Toàn quyền Paul Doumer, tên Péroz – chỉ huy đạo binh ở Yên Thế – đã bí mật bắt Kỳ Đồng vào lúc giữa khuya ngày 22-9-1897. Kỳ Đồng mắng xối xả vào mặt hắn:

- Thiếu tá Peroz ạ! Tôi e rằng ngài đã bị cuốn vào một việc làm bẩn thỉu.

Việc làm bẩn thỉu này đã tác động đến tinh thần của Đề Thám. Ngày 13-11-1897, ông viết lá thư gửi cho chính phủ bảo hộ:

“Ý nguyện của tôi là được phép ở lại Phồn Xương để khai hoang với 25 thủ hạ có khí giới. Nếu ý nguyện này được thỏa mãn, tôi sẽ tuân theo pháp luật của nhà nước và ngăn đe các thủ hạ của tôi không cho họ lạm quyền. Sau ba năm chúng tôi sẽ phục tùng chế độ chung! Ruộng tôi chịu thuế điền. Nếu tôi cần tiền cải tạo đất đai, tôi mong ngân hàng của chính phủ giúp đỡ”.

Lá thư này lại được giám mục Bắc Ninh là Vélasco chuyển đến tay Paul Doumer. Sau khi đàn áp Kỳ Đồng, đưa ông đi đày ở quần đảo Marquises thì Paul Doumer đang có một đề án mới. Ông ta muốn mở mang kinh doanh để thu lợi nên quyết định mở cuộc bán phiếu quốc trái lấy 200 triệu đồng làm vốn khai thác của cải Đông Dương. Nếu Đông Dương còn rối như tơ vò, chưa bình định xong thì làm sao Quốc hội Pháp chuẩn y đề nghị này? Do đó, P. Doumer chỉ muốn tiêu diệt tận gốc nghĩa quân Đề Thám. Tiêu diệt à? Đã biết bao người lính Pháp ngã xuống làm phân bón cho núi rừng Yên Thế mà cũng chưa đem lại một kết quả nào đáng kể. Thư của Đề Thám đã khiến ông ta suy nghĩ rất nhiều. Để có một quyết định chín chắn, Paul Doumer trực tiếp đi điều tra tình hình ở Yên Thế.

Trong chuyến đi này, khi đến Bắc Ninh, ông ta cho triệu tập các hàng quan lại, kỳ hào về tỉnh để nghe giáo huấn. Đây là dịp tốt để Lê Hoan bày tỏ vai trò cầu tấu. Y cho mở tiệc linh đình trong dinh của mình để chiêu đãi Doumer và bọn quan lại. Mọi người vui vẻ uống rượu say sưa. Để thử tài Lê Hoan, giữa tiệc rượu này sau khi ngà ngà say, Doumer đã thách một vế đối. Vế ra của ông ta như sau:

Vương là vua rút ruột vua tam là ba.

Vế ra này rất đều cán. Ý nói vua bây giờ chỉ là hư vị (rút ruột), đất nước này chúng đã chia ba. Quả là cao tay! Chử vương rút ruột (một dấu phẩy) thì thành chử tam. Hiếm hóc lắm. Lê Hoan và bọn quan lại ngồi câm như hến. Không ai dám há miệng vì sợ vạ miệng. Paul Doumer khanh khách cười tự mãn. Một đòn cân não về mặt chữ nghĩa giáng xuống đầu bọn bản xứ. Bữa tiệc lắng xuống một cách lạ thường.

Doumer đang dương dương tự đắc thì bỗng có tiếng đồng dục:

- Thưa Ngài, tôi xin được đối lại!

Mọi người đều ngơ ngác. Họ sửng sốt vì người vừa nói câu đó là một anh lính quèn. Lê Hoan ngược mắt nhìn, à thì ra đó là một lính hầu đã từng ăn những trận đòn vô cớ của y. Chính thằng này mà mình sập vào bẫy của Cả Trọng đấy Y quắc mắt nhưng không kịp nữa rồi, quan Toàn quyền Doumer đã gật đầu đồng ý. Anh lính hầu trịnh trọng đọc:

Tây là tây chém đầu tây tứ là bốn

Tuyệt chiêu! Vế đối này rất chính. Từng chữ đối nhau chan chát. Chữ tây bỏ phần đầu thì ra chữ tứ. Nhưng độc đáo nhất ở đây là anh lính hầu đã công khai ném giữa bàn tiệc một thái độ dứt khoát: “Chém đầu tây” và phanh thây ra làm bốn mảnh. Doumer tím mặt. Hiểu hết mọi điều, nhưng đành phải ngậm bồ hòn làm ngọt, Doumer vẫn vui vẻ.

- Bien! Très bien! (Tốt, rất tốt!)

Mọi người dự tiệc đều sợ xanh mặt. Lê Hoan yếu tim đã ngất xỉu trong bữa tiệc một cách rất... giả vờ! Y không hề biết rằng, đó cũng là lúc người lính hầu của y đã bỏ trốn và tìm đường lên Yên Thế! Một không khí sợ sệt bao trùm trong bữa tiệc. Chính vì vậy, câu đối này đã kết thúc buổi gặp gỡ một cách tế nhị.

Sau chuyến đi này, Doumer trở về Hà Nội và ớn tận họng cái gan cóc tía của người bản xứ. Hỏi thêm ý kiến của viên thanh tra sự vụ Miribel về vấn đề giải quyết Yên Thế, Miribel không trả lời thẳng vào câu hỏi của Doumer. Hắn đã lật hồ sơ của Phủ Thống sứ Bắc Kỳ - ký hiệu số 56I36 trình cho thượng cấp. Trong đó có một đoạn đã làm Doumer gạch bút đỏ và nhăn mặt, nhíu mày: “Xung quanh tên tuổi của Đề Thám đã thành một huyền thoại về chủ nghĩa anh hùng và tài năng của một chiến binh. Đối với người An Nam đó là một thủ lĩnh bách chiến bách thắng, người mà chỉ với 20 nghĩa quân đã dám đương đầu với những đơn vị lớn quân chính phủ có đại bác yểm trợ, người mà tất cả các sĩ quan chỉ huy không sao bắt nổi, người luôn làm cho các đội quân căm ghét của địch tổn thất nặng nề mà quân mình vẫn nguyên vẹn. Tóm lại người An Nam coi ông ta như một nhân vật thần kỳ. Chắc chắn là nếu Đề Thám chiến đấu, chúng ta đừng hy vọng tìm thấy chút xíu tin tức nào trong những người An Nam. Cho nên, tốt hơn là chúng ta hãy cố gắng hết sức tránh việc Đề Thám lại tiếp tục chiến đấu”. Thế là, Doumer đã bị chinh phục. Ông ta quyết định đồng ý với nội dung trong thư của Đề Thám, với điều kiện – Đề Thám không được chiêu mộ thêm người vào nghĩa quân. Không được đánh phá những làng

không thuộc quyền mình. Và đồn điền của Đề Thám trên đất Phồn Xương phải chịu dưới quyền kiểm soát của viên đại lý Nhã Nam.

Thế là, từ trong rừng sâu Đề Thám lại kéo binh mã đàng hoàng trở về Yên Thế trong một ngày đẹp trời vào đầu tháng 12-1897.

^[4]Nay là xã Văn Cầm, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

CHƯƠNG CHÍN

Đại lý Nhã Nam giờ trò hèn hạ

Ly rượu này ai sẽ giết ai?

T rở về Yên Thế, trên danh nghĩa Đề Thám chỉ được giữ lại 25 tay súng để bảo vệ đồn điền. Nhưng theo điều tra của đại lý Nhã Nam thì Đề Thám vẫn còn giữ lại trên 350 khẩu súng bắn nhanh loại tốt. Dĩ nhiên các súng đó đều được phân chia cho những tướng lĩnh đóng quân đồn Phồn Xương như Cả Rinh, Cả Trọng, Cả Huỳnh, Cai Biều, Đốc Thu... Công việc đầu tiên khi kéo về đây, Đề Thám đã cho họp ba quân lại nghe ông triển khai kế hoạch lâu dài và trước mắt: Mở rộng việc khai thác đồn điền Phồn Xương để có một căn bản về kinh tế mà chiêu quân. Khẩn trương xây dựng các công sự và pháo đài phòng việc bất trắc sẽ xảy đến. Lấy đồn Phồn Xương là nơi tụ họp các nghĩa sĩ toàn quốc đến bàn bạc việc cứu nước. Và nhiệm vụ cuối cùng là đợi cơ hội tốt sẽ tổng phản công lại giặc Pháp.

Những nghĩa quân của ông mặc dù trở thành nông dân, nhưng xong công việc đồng áng thì tập bắn súng, rèn luyện những thao tác quân sự, v.v... Kỷ luật được đặt ra rất nghiêm nhằm làm tốt mối quan hệ quân dân cá nước. Nhân dân trong vùng khi có ma chay, cưới xin... thì ông đều cho người đến giúp đỡ. Các chùa chiền trong vùng như chùa Làng Trũng, Luộc Giới, Gia, Sậy, Lèo, Hả, Cao Thượng... đều được ông cung cấp gỗ và nhân công để tu bổ lại hoặc xây dựng mới. Nhờ vậy danh tiếng của ông ngày càng lan rộng. Một số nghĩa quân ở những nơi khác vì tướng cũ đã chết hay đã ra hàng

giặc thì nay kéo lên Yên Thế. Trong số đó, có những binh lính của nhóm Thái Bình Thiên Quốc hoặc dư đảng của quân Cờ Đen, Cờ Vàng... Mấy năm liền, nhờ ơn trời nên mùa màng tươi tốt. Đề Thám lại cho thủ hạ xuống vùng xuôi mộ thêm người nghèo lên Yên Thế lập ấp. Dần dần họ đều được bổ sung vào nghĩa quân. Muốn vậy, thì người đó phải trải qua nhiều thử thách, trước hết là tinh thần dám hy sinh vì đại nghĩa.

Trong thời gian này, Đề Thám có tin vui. Bà Ba Cẩn đã sinh cho ông một đứa con gái. Ông đặt tên là Hoàng Thị Thế, ghi nhớ vùng đất giúp mình làm nên sự nghiệp. Và nhân ngày vui đầy tháng của bé Thế, bà Ba Cẩn đã đứng ra làm lễ cưới người vợ thứ tư cho Đề Thám. Bà này là em ruột của Tổng Bình – đang chiến đấu dưới quyền của ông. Dịp này, những quan chức chính phủ Pháp cũng được mời đến Phồn Xương chung vui với gia đình ông. Trong số khách mời có cả Bouchet – viên đại lý của vùng Nhã Nam. Lâu nay, mặc dù trên danh nghĩa hòa hoãn, hữu nghị nhưng con mắt cú vọ của thực dân vẫn theo dõi từng động tĩnh của Đề Thám. Chúng thừa biết đồn trại nơi đây đã được xây dựng bằng con mắt của nhà quân sự. Quanh trại đều có cắm chông. Tường thì được xây bằng đất khá dày hoặc rào bằng tre, bằng gỗ. Có hầm hào được đào theo thế liên hoàn để thuận tiện khi tác chiến. Bọn thực dân luôn tìm cách đột nhập dò xét bên trong doanh trại của ông.

Và dịp may nay đã đến.

Mặc dù tự nhận là con nuôi của Đề Thám, nhưng Bouchet lúc nào cũng tìm cách ám hại ông. Lần này, đi theo hẳn, ngoài những viên sĩ quan Pháp, có còn một ông quan Việt gian. Quái! Ông quan này có móng tay thật dài, và con mắt thì lúc nào cũng nhìn lăm lét như quạ chui chuồng lợn. Gia đình Đề Thám vui vẻ chào đón những vị khách quý. Có lẽ đây là bữa thịnh soạn nhất trong đời ông. Trong đó, có món mà bà vợ thứ tư đã khéo léo làm. Cơm lam! Mới nghĩ đến đó mà ông đã thấy ngon miệng. Gạo ngon được cho vào ống to có chứa sẵn nước. Bịt kín lại. Đem đốt lên. Từng hạt cơm dẻo thật ngon. Ngoài ra còn có cả món ăn mà người sành điệu gọi là làm theo kiểu Phan Đình Phùng. Bởi lẽ, năm 1895 khi Pháp bao vây căn cứ Vụ

Quang, lương thực thực phẩm không thể tiếp tế vào được, cụ Phan Đình Phùng đã có sáng kiến nghĩ ra món ăn này. Con gà bị bóp cổ chết. Người ta để nguyên như thế đem lấy đất sét đỏ trét kín để bọc con gà lại. Nó được đặt trên đồng lửa. Lửa nướng chín con gà. Đem bóc đất sét ra thì gà thơm phức. Không còn một sợi lông. Bấy giờ người ta mới thọc tay vào bụng con gà. Mối hết ruột. Và lấy rượu rửa bụng sạch sẽ. Món gà nướng độc chiêu này mà ăn với cơm lam thì rất hợp với khẩu vị của Đề Thám.

Ngày hôm nay, Đề Thám dặn dò mọi người:

- Người Pháp đến với chúng ta không bao giờ bằng thiện ý. Họ đến không phải để chung vui và giải trí. Đừng lầm! Họ sẽ chơi chúng ta một vở nào đó thôi. Đừng bao giờ để bọn chúng lừa xong thì ta mới sáng mắt ra. Vậy mọi người phải cảnh giác và đề phòng. Tuyệt đối không ai được trả lời những câu hỏi của bọn chúng, ngoài ta!

Tất cả đều răm rắp tuân lệnh. Đề Thám ngồi giữa hai bà vợ. Ông cũng mặc quần trắng áo lóng đen như mọi ngày. Ngồi vào bàn ăn, Bouchet hào hứng cầm chai rượu vang:

- Thừa bố, hôm nay là ngày vui của gia đình ta, con mời bố khui chai rượu tuyệt ngon này. Con hy vọng chai champagne này sẽ làm bố ngon miệng hơn.

Đề Thám đáp:

- Đúng gout người Pháp. Thịt rừng mà uống với rượu vang đỏ thì không chê vào đâu được. Chúc bữa ăn của chúng ta ngon miệng.

Ông cầm lấy chai champagne. Nút chai bắn lên trời. Một tiếng nổ vui tai. Rượu trào ra. Rót tràn ly. Mọi người cùng nâng ly. Trong lúc ăn uống mọi người đều nói chuyện vui vẻ. Bouchet thỏa mãn ngả người ra ghế:

- Xong món khai vị, chúng ta dùng món bifteck frites chứ bố?

Ông độ lượng:

- Tất nhiên rồi!

- Cám ơn bố. Đó là món con thích nhất!

Bouchet không thể ngờ rằng, đúng bốn mươi năm sau (1954) – một vị tướng lừng danh của Pháp là De Castris sau khi thất trận tại Điện Biên Phủ, được trả tự do về Pháp thì món đầu tiên mà y gọi cũng là bifteck frites. Mọi người vẫn ăn uống vui vẻ. Những món ăn Pháp lần lượt được đặt trên bàn như thịt bò hầm, vịt trời quay, xúc xích... Tiệc gần tàn. Bouchet đứng dậy:

- Thưa bố, con xin kể với bố nghe chuyện này. Brillat Savarin, một quan chức hành chính tư pháp thời Cách mạng 1789 và Đế chế I, khi chết có để lại quyển sách Sinh lý học vị giác. Con đã đọc quyển sách đó. Con thích nhất câu này: “Sự phát hiện ra một món ăn mới có lợi cho hạnh phúc nhân loại, hơn là sự phát hiện ra một tinh tú mới”.

Mọi người cùng cười ồ lên tán thưởng câu nói đó. Đề Thám cũng cười, nhưng ông nói:

- Bouchet à! Lẽ ra phải nói như thế này mới đúng: “Sự phát hiện ra một món ăn mới có lợi cho nhân loại, hơn là sự phát hiện ra một loại vũ khí mới”. Đúng không?

Bouchet vỗ tay. Lợi dụng lúc mọi người đều vui vẻ như thế, ông quan có móng tay dài đã kín đáo nhúng móng tay ngón út vào ly rượu Đề Thám. Sự việc này chỉ diễn ra trong tích tắc. Tiếc rằng, nó đã không qua được mắt của người nghĩa quân đang cầm gươm đứng hầu Đề Thám. Bouchet vẫn tiếp tục ba hoa:

- Đây là món ăn mới con xin dâng bố!

Hắn lấy trong người ra những miếng pho-mát.

- Tráng miệng mà không có pho-mát thì cũng có thể ví như một cô gái đẹp mà chột mắt. Nào xin nâng ly mừng ngày vui của gia đình bố!

Bouchet chủ động nâng ly mời mọi người. Lập tức, người lính hầu của Đề Thám đã đặt thanh gươm sáng loáng trước mặt ông và đưa mắt nhìn về phía ông quan có móng tay dài. Bouchet hoảng hốt:

- Thưa bố, chuyện gì đã làm bố không hài lòng?

Đề Thám vẫn điềm tĩnh, ông đứng lên cầm ly rượu đưa cho người lính hầu:

- Chú cầm lấy ly rượu này thay mặt ta mà mời viên quan!

Rồi ông quay về phía Bouchet mỉm cười:

- Hôm nay, bố rất vui vì sự có mặt của con và những người tháp tùng theo con. Bố mời viên quan đại thần ly rượu này nhé!

Bouchet đớ lưởi. Y lắp bắp ê a ề à điều gì đó mà không ai nghe rõ. Đề Thám nói trống không một cách quả quyết:

- Ta đã mời rượu cho ai thì đó là một vinh dự. Không ai được quyền từ chối vinh dự đó.

Bouchet và những sĩ quan khác quay mặt đi. Mặt mày của họ trở ra như mặt thớt. Không còn cách nào khác, ông quan đó đành phải cầm ly rượu từ tay người lính hầu. Thanh gươm sáng loáng. Ông ta rùng mình khi vừa liếc thấy. Tim đập thình thịch như trống châu. Ông ta nhắm nghiền mắt lại. Dốc cạn nửa ly rượu. Rồi chần chừ hạ ly xuống. Đề Thám gằn giọng:

- Theo phép lịch sự, ta mời thì phải uống hết.

Lần này, chỉ mới vừa nhấp môi thì ông ta đã ngã lăn xuống đất. Đề Thám tiếp tục rót rượu:

- Cuộc vui hôm nay vẫn tiếp tục.

Bouchet và đám tùy tùng đi theo lơ lảo như rần ráo mừng năm. Chúng chẳng còn bụng dạ nào để mà ba hoa nữa. Chẳng mấy chốc chúng say mèm. Đề Thám đứng dậy bước vào phòng nghỉ. Đề Cỗn và Cả Trọng sai nghĩa quân lột truồng chúng và lấy gậy đánh đuổi. Bọn chúng tồng ngồng lạch xà lạch xệch mà chạy về Nhã Nam. Riêng ông quan đã uống ly rượu có thuốc độc nên đã tắt thở, và được chôn cất cẩn thận.

Tại Hà Nội tháng 12-1902, thực dân Pháp khánh thành cầu Sông Cái. Toàn quyền Paul Doumer về nước, được thay thế chức vụ đó là Beau. Vua Thành Thái cũng ra dự, chấp nhận cho nó được mang tên Doumer (!). Nhân dịp này, một nhân vật trong nhóm Nam Đàn Tứ Hồ xuất hiện. Thời đó, trong dân gian lưu truyền bài vè:

Uyên bác bất như San

Thông minh bất như Sắc

Tài hoa bất như Quý

Cường ký bất như Song

(Học rộng không ai bằng Phan Văn San, Thông minh không ai bằng Nguyễn Sinh Sắc, Tài hoa không ai bằng Vương Thúc Quý, Nhớ dai không ai bằng Nguyễn Quý Song)

Phan Văn san tức là Phan Bội Châu. Ông đã xin Tổng đốc Đào Tấn một giấy thông hành đi xem hội khánh thành cầu Doumer. Với giấy thông hành này, ông đã đi nhiều tỉnh Bắc Kỳ để tìm người yêu nước và cuối cùng là ông lên chiến khu của Đề Thám. Trước đó mấy tháng, tháng 9-1902, thời gian chuẩn bị thành lập Duy Tân Hội, Phan Bội Châu cùng Tân tương Nguyễn Quýnh (một người trong dư đảng của Phan Đình Phùng) cũng đã đến Phồn Xương. Nhưng lần ấy, do cảnh giác nên Đề Thám không cho gặp mặt. Lần này lại không may cho Phan, Đề Thám bị ốm nặng. Chỉ có Cả Trọng, Cả Rinh, Cả Huỳnh đem bộ hạ ra tiếp đón trọng thể. Cả Huỳnh hỏi mục đích của ông thì Phan đáp là cần gặp Đề Thám để luận bàn chuyện đại sự trong thiên hạ. Ông Phan đã lưu lại đại bản doanh mười ngày. Cuối cùng Đề Thám vẫn không tiếp vì còn ốm. Vài hôm sau, trước lúc từ biệt, Phan Bội Châu ngậm ngùi cầm tay Cả Trọng:

- Thuở tôi còn nhỏ, tiếng tăm của tướng quân Đề Thám đã vang dội vào tai tôi, làm cho tôi bao năm kính mộ và chỉ mong được một phen gặp mặt kẻ anh hùng.

Cả Trọng không biết làm sao để thỏa mãn lòng chân tình của Phan. Sau những lần bị ám hại một cách hèn hạ, Đề Thám tỏ ra hết sức cảnh giác. Ngay cả Bouchet, nhiều lần tìm cách chụp hình ông thì ông cũng tìm cách từ chối. Phan Bội Châu đành về xuôi.

Sau vụ sát hại Đề Thám không thành, phải tống ngục về đồn Nhã Nam thì Bouchet vẫn thậm thụt vào dinh lũy của Đề Thám để do thám. Chiều nay, hẵn lại đến. Mặt lăm lăm như chó ăn vụng bột, hẵn giục những người lính đi theo hẵn dò xét chỗ này chỗ kia. Đề Thám vẫn ung dung, ngồi trên giường ông hỏi vọng ra:

- Bouchet! Con cần gì ở ta?

Hắn nói dấm dăng như chó cắn ma:

- Có tù nhân nào trốn trại vào ẩn náu ở đây không?

Đề Thám đáp cứng rắn:

- Cảnh sát Pháp ranh mãnh như chó sói. Làm sao tù nhân nào có thể lên đây với ta được? Con nên nhớ rằng, từ Hà Nội lên Bắc Giang làm gì có rừng?

- Nhưng nó có súng lục. Nó đi tìm đồng bọn để mưu hại người Pháp.

-Ồ! Nếu đúng như thế thì cũng không thể lên đến đây được.

Bouchet vẫn lái nhai dai nhách như chó nhai giẻ rách:

- Nhỡ nó lên đến đây thì có báo cho Bouchet này không?

Đề Thám gằn giọng:

- Ta không bao giờ trông đồng với cảnh sát. Hiểu rồi chứ?

Bouchet ức lắm. Hắn biết chắc tù nhân trốn trại đang ẩn náu ở Phồn Xương. Nhưng làm gì hơn. Hắn cùng đồng bọn cụp đuôi cúp về.

CHƯƠNG MƯỜI

Sau gặp gỡ hai cụ Phan lỗi lạc

Đảng Nghĩa Hưng chuẩn bị ra đời

Không muốn Đê Thám tiếp tục chiến đấu nên chính phủ Pháp đành hòa hoãn với Hùm Thiêng Yên Thế. Còn đối với Tổng đốc Lê Hoan thì đây là thời gian mà y yên tâm hưởng cảnh thái bình. Nhằm lôi cuốn sĩ phu quên đi hào khí chiến đất trời của Đê Thám, y đã đề nghị thực dân Pháp bỏ tiền ra để mở cuộc thi văn chương phù phiếm. Đó là cuộc thi thơ “Vịnh 20 hồi Kiều” vào năm 1905. Cuộc thi đã thu hút khá đông các nhà khoa giáp, túc nho tham dự. Để tăng thêm phần long trọng cho cuộc thi, y đã mời cụ Yên Đỗ Nguyễn Khuyển và cụ Dương Lâm vào ban giám khảo. Biết thâm ý của y đang muốn tạo ra không khí “thái bình thịnh trị” giả tạo – hai cụ đã thẳng thừng từ chối. Nhưng từ chối mãi cũng không được. Cực chẳng đã hai cụ đành ngồi vào cái “tao đàn” do Lê Hoan chủ trì.

Cuộc thi này, tiến sĩ Chu Mạnh Trinh đã được trao giải nhất. Trong bài thơ Vịnh Kiều bán mình, ban đầu hai câu kết Chu đã viết:

Minh thịnh nay mừng đời thánh đế

Ít phương gái hiếu, ối quan liêm

Rất hay ở chữ “ối”. Đã mĩa mai sâu sắc cái vẻ “minh thịnh” của đời “thánh đế”. Nhưng đến khi nộp dự thi thì câu đó được đổi một chữ. Chữ “ối” đặc địa này được thay bằng chữ “với” nhạt nhẽo. Câu thơ thành dở hơi! Những sĩ phu đều biết sự thay đổi này. Cụ Tam Nguyên buồn lắm. Sau

khi công bố kết quả, trước mặt những quan khách, cụ mới công bố bài thơ vịnh Kiều của cụ:

*Thằng bán tơ kia giờ giới ra
Làm cho bận đến cụ Viên già
Muốn êm phải biện ba trăm lạng
Khéo xếp nên liều một chiếc thoa
Đón khách cũng nhờ son phấn mụ
Bán mình chuộc lấy cái tình cha
Có tiền việc ấy mà xong nhi!
Thời trước làm quan cũng thế a?*

Bài thơ này là ngọn roi thâm thúy quật khéo vào mặt Lê Hoan. Từ đó trong nhân dân đã khinh bỉ gọi y là “Thằng bán tơ”.

Trong khi đó đồn Phồn Xương ở Yên Thế đang trở thành niềm hy vọng của những người yêu nước. Sau khi không được gặp mặt Đề Thám, Phan Bội Châu đã bôn ba hải ngoại. Năm 1906, ông Phan lại về nước. Lần này, ông quyết gặp cho bằng được vị anh hùng mà ông kính trọng gọi là: Chân Tướng Quân. Trước khi về quê hương, ông Phan đã đến tìm cụ Tán Thuật tại nhà tướng Cờ Đen Lưu Vĩnh Phúc. Sau thất bại Bãi Sậy, Tán Thuật chạy sang Tàu, nhụt chí chỉ còn lấy ả phù dung làm tâm sự cuối đời. Khi nghe Phan nói lên ý hướng cứu quốc, cụ Tán Thuật nằm hút liền đẩy gối đứng dậy, ném bàn đèn thuốc phiện xuống đất vỡ tan tành, rồi nói lớn:

- Các anh là bậc hậu bối còn biết lo nghĩ về vận mệnh của dân tộc. Lẽ nào tôi cứ sống mãi trong vòng đen tối này?

Nói xong, cụ ôm mặt khóc hu hu. Nhưng than ôi! Tuổi cụ đã già và sức đã kiệt. Cụ Tán Thuật tiễn Phan đến Khâm Châu. Đến đó, cụ giới thiệu Phan cho người hướng cũ trung thành của mình là Tiền Đức, Đức vốn là tên cướp biển, khi tham gia phong trào Cần Vương được phong làm Đề Đốc. Phong trào thất bại, Đức trở về Trung Quốc, cầm đầu bọn giang hồ lục lâm ở Quảng Đông, Quảng Tây. Bấy giờ Đức dẫn Phan đi tiếp – vì chỉ có Đức mới đưa Phan đi an toàn qua những vùng đầy bọn thổ phỉ. Họ đã đi

về phía tây phủ Thái Bình. Thống lĩnh phủ này là Trần Thế Hoa, sau khi nghe tiếng tăm và biết việc làm của Phan nên đã niềm nở, giúp đỡ tận tình. Hoa đã viết giấy giới thiệu cho Phan gặp tướng cũ của mình là Lương Tam Kỳ đang trấn ở Chợ Chu, và cho mười hai thuộc hạ đi hộ tống.

Phan Bội Châu vượt qua ải Long Châu, Bằng Tường rồi đến Nam Quan. Đến đây, những người hộ tống và Tiền Đức quay trở lại, chỉ còn mỗi mình Phan qua cửa ải. Đồn binh Pháp đóng ở đây kiểm tra rất ngặt, nhưng nhờ ăn mặc như người Tàu, nói thông thạo tiếng Tàu và đầy đủ giấy tờ nên Phan trót lọt. Ông đi xe lừa ở Đồng Đăng xuống Gia Lâm. Từ Gia Lâm ông lội rừng đi thẳng lên Chợ Chu để gặp Lương Tam Kỳ. Thấy có thư giới thiệu của Trần Thế Hoa, nên Kỳ đã dẫn ông đi xem khắp đồn trại. Nhưng Phan thất vọng vì thấy Kỳ đã nhụt chí chiến đấu. Tại đây, ông đã gặp Đề Công – một bạn cũ của Đề Thám. Sau khi phong trào Cần Vương thất bại, Công không ra hàng Pháp mà cùng mấy chục bộ hạ cày cấy sinh sống trong phạm vi thể lực của Kỳ. Gặp người có chí khí lớn, Công đã rưng rưng:

- Ông Phan ạ, ông gặp được tướng quân Đề Thám nhớ nói hộ rằng, Công này vẫn mong sao gặp cơ hội chém đầu giặc Pháp, lấy máu mà rửa gương thì chết mới cam lòng.

Nói xong, Công đã ghi mật thư giới thiệu Phan với Đề Thám, và cho con trai dẫn Phan xuyên sơn đến Yên Thế. Nhận được mật thư của Đề Công, Đề Thám rất vui và sai Cả Trọng thu xếp nơi an nghỉ cho Phan. Trong thời gian lưu lại đây, Phan nhận thấy những người khổ sở, nghèo khó bị chính quyền bạo ngược đều lấy doanh trại Đề Thám làm nơi ẩn trốn. Vì thế, người đông đúc lắm, tiếng chó tiếng gà sủa rộ vang như cảnh tân Đào nguyên của những bậc lãnh đời vậy. Khắp quanh đồn thì trâu cày từng đôi, chim quạ người, phụ nữ trẻ con nhớn nhỏ, tiếng chày rậm rịch, có cái vui vẻ của những ngày hội hè đình đám. Đúng như câu phương ngôn lưu truyền thời đó: Thứ nhất theo quân cụ Đề. Thứ nhì trở về làm ruộng. Phan hứng chí ngửa mặt lên trời nói lớn:

- Ôi! Ở giữa nơi gió tanh mưa máu mà lập được một thế giới riêng biệt, thật là một vũ trụ riêng của Tướng quân. Đây chẳng phải là chốn phiêu thai

ra đời từ đời Chu, đời Hán sao?

Và phong cách của Đê Thám hoàn toàn chinh phục Phan. Ông nhận ra ở Đê Thám một cốt cách hổ tướng: thân hình to lớn, bước đi rắn chắc nhưng lại nhẹ nhàng không gây tiếng động, bất cứ lúc nào cũng không rời khẩu súng. Phan Bội Châu đã cùng Đê Thám bàn bạc công việc. Họ rất lấy làm tâm đắc. Đê Thám nâng ly rượu mời Phan:

- Kế hoạch hòa giặc không phải là thật bụng của tôi. Thế tôi bị cô, thân tôi đơn độc, không thể không hòa. Chậm vài năm nữa hết hạn hòa là chiến sự lại mở màn ngay thôi. Sức tôi có thể giữ được, nhưng không có tiếp viện thì sẽ nguy. Thế lực của giặc hùng mạnh như lửa đỏ lại bỏ thêm rơm, còn tôi thì chỉ một nhúm người. Ông bảo chẳng nguy hay sao?

Phan trầm ngâm nghĩ ngợi. Sau một lúc đắn đo ông nói:

- Thừa tướng quân, tôi tuy không có tài, nhưng chút lòng căm hờn giết thù đền nợ nước thì chất chứa đã lâu. Lìa bỏ quê hương, giang hồ đây đó không phải là không có mưu đồ. Song thời thế khó khăn, sách thánh hiền không còn làm nên việc, duy chỉ một chút sức có thể làm được, nguyện cùng lo toan với tướng quân. Khi tướng quân động binh, tôi nguyện đem hết tài hèn ra giúp sức.

Đê Thám đáp:

- Những lời ông nói là chí tình. Sự phối hợp tác chiến là điều cần. Căn cứ địa của tôi là dành cho mọi con dân cùng dốc sức vì nước.

- Vậy những nhân sĩ Bắc, Trung Kỳ nếu họ bị giặc truy nã thì có thể đến náu thân ở Yên Thế?

Đê Thám cười ha hả:

- Ông nói đúng ý tôi. Đồn Phồn Xương đến nay vẫn là khu độc lập và bất khả xâm phạm đối với giặc. Tôi sẽ chọn một quả núi sau đồn dành cho những bậc hào kiệt lúc cùng đường.

Phan mừng lắm:

- Tôi xin đội ơn tướng quân. Nếu Bắc, Trung Kỳ khởi nghĩa thì mong Yên Thế hưởng ứng, và nếu Yên Thế gặp khó khăn thì những nơi đó sẽ tiếp

viện. Thừa tướng quân, hiện nay Duy Tân Hội đã được thành lập ở Quảng Nam và đang hoạt động từ Trung ra Bắc. Tôi được Hội phái lên đây để mời tướng quân của gia nhập Hội.

Đề Thám hỏi lại:

- Tôi có thể giúp đỡ được gì cho Hội của ông?

- Thừa hưởng quân, thanh thế tướng quân sẽ tạo thêm uy tín và sức mạnh cho Hội. Mong tướng quân không từ chối.

Đề Thám đăm chiêu:

- Được. Giết giặc là mục tiêu chung. Vì mục tiêu đó tôi sẵn sàng gia nhập Duy Tân Hội.

Phan Bội Châu hết sức vui sướng:

- Xin mời tướng quân cùng tôi cạn chén rượu này. Duy Tân Hội chúng tôi cố gắng giúp Yên Thế về mặt ngoại viện. Còn gì sung sướng hơn khi chúng ta cùng đồng tâm, đồng chí mà hiệp lực tung hoành một phen cho thỏa chí!

Nói xong, Phan cất giọng ngâm sang sảng:

Mặc cho gió ngược dòng xuôi

Vén xiêm ta cũng cố chèo bơi lên này

Dù Nga, dù Nhật, dù Tây

Chặn dòng, ngăn lối ta vẫn ra tay cho đến bờ

Biển xa, bão cả, gió to

Vừa chèo vừa hát ta cứ dô hò mà chèo qua

Sông biển rộng bao la

Cùng nhau gắng sức dô ta... ta một lòng

Mặc kình ngạc, mặc giao long

Tay chèo ta vẫn cứ hào hùng mà hò khoan

Đêm dài mây biển mênh mang

Quản bao gian khổ nguy nan ta cứ chèo

Ví dù cột gãy, buồm xiêu

*Gọi nhau tỉnh dậy, khua chèo ta dẫn lên
Sóng đè, dòng cạn chẳng kiêng
Vỗ tay hò mạnh, đẩy thuyền ta vượt qua
Cố lên này! Một... hai... ba
Hỡi anh em chèo, lái! Đô ta! Ta đô hời!
Vững tay lái chớ buông lơ
Trăm vạn ước người phấn đấu chèo sang
Hò khoan! Khoan hời hò... khoan!*

Tiếng ngâm thơ như sấm động của Phan đã làm Đền Thám cảm kích lắm. Sau đó, Đền Thám cho bộ hạ dẫn Phan đi xem mảnh đất dành cho nghĩa sĩ Bắc Trung Kỳ. Mọi công việc đã bàn bạc xong, hôm sau, Phan Bội Châu bị rịt từ già Đền Thám để lo công việc chung đã giao ước. Ít lâu sau, một số người của Duy Tân Hội đã lên Phồn Xương. Đó là Tú tài Phạm Văn Ngôn, Hoàng Xuân Hoàn và một nông dân cùng quê với Phan đã đưa người lên mở đồn điền trên mảnh đất mà Đền Thám đã dành cho họ. Vùng đất mới khai khẩn này từ đó, mọi người gọi là đồn Tú Nghệ.

Khi Phan Bội Châu rời Yên Thế, một tay hào kiệt lấy lòng khác cũng tìm đến Đền Thám: Phan Châu Trinh. Mặc dù thi đỗ, được bổ làm Thừa biện bộ Lễ, nhưng Phan Châu Trinh lại xem chốn quan trường là nơi túi áo giá cơm loàng xoàng vậy. Năm 1905, ông đã cùng hai đồng chí Huỳnh Thúc Kháng và Trần Quý Cáp thực hiện chuyến Nam du để phát động phong trào Duy Tân. Khi đi qua Bình Định nhân gặp kỳ khảo hạch hằng năm để tuyển sinh, cả ba ông đều mạo danh lên vào trường thi. Huỳnh Thúc Kháng và Trần Quý Cáp làm bài Lương Ngọc danh sơn, Phan Châu Trinh làm bài Chí thành thông thánh. Cả hai bài đều ký tên Đào Mộng Giác, ký tên này vì họ Đào là một họ lớn tại Bình Định và ông Đào Tấn quê ở Bình Định đang là quan lớn tại triều đình Huế. Vậy là không ai có thể phát hiện được. Hai tác phẩm này đã gây tiếng vang lớn trong giới trí thức trẻ và nhất là đám quan lại và tay sai Nam triều. Thiên hạ điếng hồn đọc bài thơ của Phan Châu Trinh – như chạm vào ngòi nổ của một trái bom:

Vạn dân nô lệ cường quyền hạ

Bát cổ văn chương thụy mộng trung

(Muôn dân đang là nô lệ dưới ách cường quyền – Vậy mà các anh vẫn ngủ say trong giấc mộng của văn bát cổ)

Lời chất vấn đanh thép! Cũng trong chuyến đi đó, khi ngang qua Nha Trang, nghe đồn ở Vịnh Cam Ranh có tàu chiến của Nga hoàng đang nấu ở đó, cả ba người liền tìm đến. Mấy ông trở mắt bảo nhau:

- Vậy thì Á Châu mình có thua kém gì Âu Châu! Nhật Bản chỉ có mấy hòn đảo chên vênh ngoài biển mà còn dám đánh nhau với Nga, một đế quốc hùng cường ở Âu Châu – thì tại sao Việt Nam ta không dám ngóc đầu dậy đánh đuổi bọn Pháp lang sa?

Chiến hạm này do đô đốc Rodjestvensky chỉ huy, nấu ở vịnh Cam Ranh từ ngày 13-4 đến 14-5-1905. Cả ba người liền cải trang làm cu li bán hàng, mỗi ông bưng một thúng cá, tôm, cua, sò... xuống tàu chiến để bán. Thật ra, họ quan sát thử xem nền văn minh khoa học và lực lượng của Âu Tây như thế nào. Do không cùng ngôn ngữ, cả ba ông không hỏi han gì thêm được. Chỉ biết rằng nước ta và văn minh Âu Tây còn cách xa nhau như trời vực.

Sau chuyến đi này, Huỳnh Thúc Kháng và Trần Quý cáp về lại Quảng Nam, còn Phan Châu Trinh bị bệnh nên phải nằm điều trị tại Phan Thiết. Dường bệnh xong, năm 1906, Phan Châu Trinh ra Hà Nội. Bấy giờ, ông đã được sĩ phu trong nước biết tiếng và cuộc Nam du trước đó cùng nhiều bài thơ của ông vang dội đến Bắc Hà. Từ Hà Nội, Phan Châu Trinh bí mật lên Yên Thế. Cuộc hội ngộ giữa Phan Châu Trinh và Đề Thám không đem lại một kết quả gì đáng kể. Phan Châu Trinh đề nghị: - Nên mở mang nông nghiệp, thương nghiệp để nghĩa quân có thể tự túc được, đỡ phần đóng góp của nhân dân. Nên cử người đi học ngoại quốc để đào tạo nhân tài cho tương lai. Chủ trương của Phan Châu Trinh là “*Bất bạo động. Bạo động là chết. Đừng trông chờ viện binh ở nước ngoài, trông ở nước ngoài là ngu*”. Phan sợ bạo động non, bạo động chưa đủ sức chỉ làm hao tổn sinh mạng, tiêu hao lực lượng, làm nhục nhuệ khí mà thôi. Khẩu hiệu của phong trào Duy Tân mà ông nêu lên là: “*Chấn dân trí. Khai dân trí. Hậu dân sinh*”.

Lúc này, Đề Thám đang mộ thêm binh, mua thêm khí giới để một phen sống mái với giặc nên thái độ “bất bạo động” của Phan không phù hợp với Hàm Thiêng Yên Thế.

Khi rời đồn Phồn Xương trở về Quảng Nam, Phan Châu Trinh có nói với Huỳnh Thúc Kháng:

- Đề Thám là một vị tướng quả cảm rất đáng kính phục. Ông ta giỏi dùng binh, bền gan chiến đấu nhưng lại không nhìn xa trông rộng, cát cứ ở một vùng nhỏ như thế thì trước sau gì rồi cũng bị tiêu diệt.

Còn Đề Thám, sau những lần đàm đạo với nhau thì ông nhận xét Phan Châu Trinh cũng như bọn “áo dài” có thể văn hay chữ tốt, nhưng không thể chiến đấu với giặc bằng súng bằng gươm được.

Đôi bên không phù hợp về quan điểm nhưng vẫn tâm phục nhau. Năm 1907, khi phái Tôn Dật Tiên bị thất bại ở Quảng Tây phải chạy sang Việt Nam và yêu cầu trường Đông Kinh Nghĩa Thục giúp đỡ, Phan Châu Trinh đã tích cực làm việc này. Nhờ sự giới thiệu của ông mà Đề Thám đã giúp lương thực và cho họ ẩn náu một thời gian ở Phồn Xương. Còn Phan Bội Châu, năm 1909 khi nghe tin Đề Thám bị giặc tấn công, ông cùng với Đặng Thái Thân, Đặng Văn Bá, Đặng Thúc Hứa... vận động được 2.500 đồng đem sang Trung Quốc mua súng đạn yểm trợ cho Yên Thế. Rất tiếc, trên đường vận chuyển toàn bộ số vũ khí đó đã bị cảnh sát Anh tịch thu tại Hồng Kông. Nhưng điều quan trọng hơn cả là sau khi gặp gỡ Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh thì Đề Thám đã có cái nhìn sát với tình hình thực tiễn hơn. Ông đã thấy ra rằng, những năm đầu của thế kỷ XX đang có nhiều thay đổi lớn. Hà Nội, mặc nhiên trở thành trung tâm chính trị, quân sự, văn hóa, xã hội và kinh tế của nền đô hộ thực dân Pháp. Năm 1898 Pháp mở Sở Địa chất, năm 1899 mở Sở Địa lý, năm 1900 mở Viện Vi trùng, rồi lập trụ sở Bông vải sợi Bắc Kỳ, trụ sở Điện nước Đông Dương, trụ sở Rượu Đông Dương, v.v... Các hiệu buôn lớn của tư bản Pháp như Liên hiệp thương mại Đông Dương (L.U.C.I) và những hãng buôn lớn như Descours Cabaud, Boy Landry, Denis Freres... cũng đua nhau mọc lên tại Hà Nội. Năm 1902, chúng tiếp tục xây dựng Nhà Đấu xảo làm nơi trưng bày mọi tài nguyên

sản phẩm Đông Dương, khánh thành cầu bắc qua Sông Cái... Còn về phía chúng ta thì năm 1904, Phan Bội Châu thành lập Duy Tân Hội. Năm 1905, Phan lại về nước vận động thanh niên du học để mở đầu phong trào Đông Du. Năm 1907, Phan Châu Trinh cùng sĩ phu yêu nước mở trường Đông Kinh Nghĩa Thục tại số 4 Hàng Đào – nhà riêng của cụ Lương Văn Can với không khí:

Trường Nghĩa Thục đứng đầu dạy dỗ

Khắp ba mươi sáu phố Hà Thành

Gái trai nô nức học hành

Giáo sư mấy lớp, học sinh mấy ngàn

Buổi diễn thuyết người đông như hội

Kỳ bình văn khách tới như mưa

Và phong trào Duy Tân với tên tuổi Phan Châu Trinh sôi nổi từ Nam chí Bắc. Tháng 3/1908 xảy ra vụ xin râu ở Quảng Nam rồi lan rộng ra Bắc. Pháp gọi là Guerre des Tondeus (giặc cắt tóc), bọn Việt gian thì gọi là “Giặc đồng bào”... Để phù hợp với trào lưu chung, Đề Thám đã lập ra đảng Nghĩa Hưng để thay thế cho ngọn cờ Cần Vương đã lỗi thời.

Đảng Nghĩa Hưng đã gây ra một sự kiện chấn động trong lịch sử Việt Nam đầu thế kỷ XX.

CHƯƠNG MƯỜI MỘT

Đánh Hà Nội, kế hoạch không thành

Làm rạng danh vụ “Hà Thành Đầu Độc”

Tên những chuyến xe lửa chạy từ Phủ Lạng Thương về Hà Nội hoặc từ Hà Nội lên Bắc Giang, người ta đã thấy những cô thiếu nữ xinh đẹp tuổi đôi mươi, đầu chít khăn mỏ quạ. Thắt lưng nhiều tam giác. Quần vải thêu. Đi chân đất. Khi đến Hà Nội, họ nhanh chóng phân tán vào những ngõ ngách của ba sáu phố phường. Trong số đó, có bà Ba Cẩn.

Trước đây vài tháng, đức cha Velasco lại đến thăm Đền Thám, bao giờ ông cũng mở đầu bằng câu:

- Con ơi! Cha đã cầu nguyện cho con và gia đình con. Cha rất mong muốn con theo đạo Thiên Chúa. Đây là ước nguyện thầm kín nhất của cha.

Đền Thám đáp:

- Cám ơn cha. Tôi tin là tôi không thể nào làm hài lòng cha được.

Ông cười hiền lành:

- Đây là những cuốn sách giáo lý mà trong đó có kể lại tích của các Thánh. Con đọc đi nhé!

Đền Thám hồ hững cầm lấy sách. Đức cha được tiếp bằng những ấm trà tàu thật ngon. Họ chỉ ngồi trò chuyện với nhau về mùa màng, thời tiết chứ không đá động gì đến thời thế. Bé Hoàng Thị Thế đến sà vào lòng bố để nũng nịu. Đức cha hỏi:

- ĐỀ THÁM à! Con có muốn ta làm phép trị tà ma cho cháu Thế không?

- Tùy ông đấy. Tôi biết rằng, bao giờ ông cũng đem điều tốt lành đến cho mọi trẻ thơ.

Đức cha đứng dậy trang nghiêm, ông ta làm dấu thánh trên đầu đứa bé, lẩm nhẩm đọc kinh rồi nói:

- Đúng vậy! Từ nay đứa bé này sẽ thuộc về Chúa toàn năng. Người sẽ che chở cho nó.

ĐỀ THÁM không nói gì, chỉ cười. Sau khi Đức cha ra về, ĐỀ THÁM có kể lại chuyện này cho bà Ba Cẩn nghe. Bà nổi cáu:

- Thế là ông ta đã làm bùa yểm đứa con gái cưng của tôi rồi.

- Cái trò nhảm nhí ấy bà tin làm gì? Ngay cả một kẻ ác tâm nhất cũng phải kính trọng sự ngây thơ của đứa trẻ. Cha cố không bao giờ yểm con gái của ta đâu!

Bà trả lời:

- Tôi biết, nhưng ngộ nhờ ông ta dụ nó đi theo đạo thì sao?

Nói xong bà dẫn bé Thế lên chùa Lèo làm lễ bán con mình cho Đức Phật. Khi bà quay về thì thấy chồng vẫn ngồi đăm chiêu. Bóng đêm nhập nhoạng bủa xuống khu đồn điền Yên Thế. Vừa thoáng thấy bà, ĐỀ THÁM nói ngay:

- Tôi nghĩ ngợi như thế này bà ạ! Pháp không thể để cho chúng ta yên đâu. Dứt khoát chiến sự sẽ xảy ra. Tôi nghiệm thấy những điều hai ông Phan đã nói là có lý lắm. Không thể cát cứ mỗi một vùng này, mà phải liên kết thêm nhiều lực lượng nữa bà ạ!

Bà Ba Cẩn đồng ý và gật đầu. Bà ngồi tư lự mãi lúc sau mới nhẹ nhàng nói:

- Hay là ông cho tôi về Hà Nội một chuyến xem sao?

ĐỀ THÁM ngạc nhiên:

- Về Hà Nội à?

Bà quả quyết:

- Hà Nội là nơi tập trung nhiều binh lính nhất. Họ chưa được giác ngộ đầy thôi. Tại sao chúng ta không vận động họ cầm súng bắn lại giặc Pháp?

Nếu làm được như thế là phù hợp với chiến thuật “nội công ngoại kích” trong binh pháp. Ông hãy tin ở tôi.

Thế là, bà Ba Cẩn dẫn một số nữ nghĩa quân thường xuyên về Hà Nội. Lúc này, tại phố Hàng Buồm đang nổi danh thầy bói Nguyễn Văn Phúc, mà mọi người quen gọi là Lang Seo. Nơi nhà ông tập nập người lui tới, đa số là những thầy cai, ông đội, lính lác xanh đỏ muốn theo thời vận của đời mình. Sau nhiều lần giả vờ làm người đi xem bói, bà Ba thuyết phục được Lang Seo vào đảng. Đảng này được Đề Thám đặt tên là Nghĩa Hưng. Lợi dụng vai trò của mình, Lang Seo ra sức tuyên truyền cho Đảng. Người ta vào Đảng ngày một đông. Anh em cai, đội thì có Đội Bình, Đội Cốc, Cai Trương... Công nhân làm Sở công chánh thì có Nguyễn Đình Chính gác đèn ở vườn Bách Thảo, Nguyễn Văn Ba làm bồi ở phố Sinh Từ, Nguyễn Đăng Duyên cai vườn ở Phủ Toàn quyền... Về lực lượng trí thức thì có những cụ cử Lê Đại, Võ Hoàn, Nguyễn Quyền, Hoàng Tăng Bí, Trịnh Mai Học... hoặc học sinh trường Pháp-Việt thì có Trần Đức Quang ở phố Hàng Đậu, v.v... Bà Ba Cẩn đặt tổ nòng cốt của Đảng tại Hà Nội, ngoài Lang Seo còn có ba người bạn thân của Đề Thám là Chánh Tỉnh, Đội Hồ, Lý Nho. Khi thấy Đảng vững mạnh, Đề Thám quyết định táo bạo giao cho đảng bộ Nghĩa Hưng phải đánh chiếm Hà Nội. Phối hợp cho họ là từ Yên Thế, nghĩa quân sẽ kéo xuống đánh Bắc Giang, Bắc Ninh, Vĩnh Yên... tạo nên sự nổi dậy đồng loạt mà giặc Pháp sẽ không đối phó kịp.

Chiều ngày 16-11-1907, đảng bộ tập trung tại hàng cơm Cửa Nam của vợ chồng ông Chánh Tỉnh. Súng đạn được chuẩn bị chu đáo. Kẻ ra người vào tập nập. Người đâu mà lắm thế? Bọn lính tuần đã phát hiện ra sự khác lạ này? Họ liền mật báo cho Sở Tuần cảnh. Nghe những lời báo cáo như thế, viên thanh tra chính trị De Miribel thật sự hoảng hốt đến sồn tóc gáy. Một mặt hăn cấp báo cho tướng Piel, một mặt hăn sai người đi dò thám.

Sáng hôm sau thì tình hình đã rõ. Tướng Piel lập tức sai lính Tây đi tuần tra khắp phố và canh phòng nghiêm ngặt ở Phủ Toàn quyền, dinh Thống sứ, kho súng đạn, v.v...Lính khố xanh khố đỏ thì bị cấm trại. Bố trí xong việc canh gác, chiều đó Piel đích thân cùng hai tên trung úy và một toán lính

đến thẳng phố Cửa Nam. Chuông đồng hồ buông bảy tiếng giòn giã và trong trẻo. Bảy giờ tối ngày 17-11, quân lính ập vào cửa hàng cơm của Đảng. Nhà vắng ngắt. không một bóng người. Con chó của ông Chánh Tỉnh sủa ăng ăng mấy tiếng liền bị chúng quay báng súng đập chết tươi. Thì ra, ngay từ sáng biết việc đã bại lộ nên Lý Nho, Lang Seo, Đội Hồ và những đảng viên bỏ trốn sạch sành sanh, nhưng họ không kịp đem theo súng đạn.

Kế hoạch đánh Hà Nội thất bại. Những người trong đảng bộ lũng cùng nhau. Sợ Lý Nho về Yên Thế phúc trình với Đề Thám, sẽ đổ tội cho mình làm hỏng việc nên Lang Seo ra tay trước. Lang Seo bí mật đầu độc giết chết Lý Nho. Sự việc này được giấu nhẹm. Đề Thám không hề hay biết. Thua keo này bày keo khác. Ông cho rèn hai thanh gươm, và chính tay mình trao cho Đội Hồ để một lần nữa thi hành nhiệm vụ.

Tháng 5-1908, đảng bộ Nghĩa Hưng thực hiện một âm mưu mới. Theo đúng kế hoạch thì mọi sự được tiến hành vào đúng lúc 9 giờ tối ngày 22. Phía binh lính trong trại thì họ sẽ làm nội ứng, tháo hết phù hiệu rồi vác súng đi đón nghĩa quân của Đề Thám từ Sơn Tây và Gia Lâm tới. Đảng viên Cai Ngà phải tháo hết bộ phận kích hỏa ở các khẩu súng đại bác trong trại, làm tê liệt giàn pháo binh của Pháp. Mọi việc đã được sắp xếp đâu vào đó chỉ còn chờ hành động. Đêm 22-5 đã đến. Trước giờ nổ súng thì xảy ra một cuộc tranh luận sôi nổi trong trại lính: nghĩa quân về có đông không? Có đủ sức chống chọi lại quân đội Pháp không?

Không ai có thể trả lời được thắc mắc trên.

Đúng 9 giờ. Sau khi đánh Sơn Tây, nghĩa quân kéo về Hà Nội, nhưng không thấy sự nội ứng của binh lính trong trại. Không còn cách nào khác, nghĩa quân phải rút lui. Dù chưa bại lộ nhưng kế hoạch đã thất bại.

Một tháng sau, Đảng Nghĩa Hưng lại chuẩn bị một kế hoạch khác. Theo mệnh lệnh của Đề Thám, thì đêm 27-6 sẽ tiến hành đánh Hà Nội. Kế hoạch như sau: chiều ngày 27, lúc 4 giờ, Cai Ngà phải có đủ thuốc độc trao cho Cai Hiền, để phân chia các đầu bếp trộn vào thức ăn của binh lính Pháp. Lúc 6 giờ thì đảng viên trong trại phải vô hiệu hóa hỏa lực của Pháp, bằng cách dùng ngựa, lừa chở đại bác ra khỏi trại. Lúc 9 giờ, Cai Ngà sẽ bắn ba

phát súng hiệu để đồng loạt khởi nghĩa. Sắp xếp xong công việc, Đội Hồ lên Yên Thế báo cáo cho Đề Thám. Ông đã trao cho Đội Hồ những giấy tờ có đóng ấn tín, những cờ Đảng... để khi thắng lợi phong chức tước cho người tham dự, v.v... Tất cả những thứ này được đảng viên Nguyễn Đình Chính giấu trong vườn Bách Thảo.

Ngày 27-6 đã đến. 200 nghĩa quân từ Yên Thế kéo về ém quân ở bãi Phúc Xá, Gia Lâm... Bọn sĩ quan, binh lính Pháp vẫn ăn uống vui vẻ. Một lát sau, thiếu tá Grimaud được cấp báo một tin khủng khiếp hơn 200 lính Pháp thuộc binh đoàn pháo binh số 4 và binh đoàn thuộc địa số 9 đều ngã lăn quay vì ngộ độc thức ăn.

Còi báo động trỗi lên.

Pháp phản ứng ngay. Một cuộc bắt bớ ráo riết. Cai Ngà và các đầu bếp khác phải bỏ trốn. Đồng thời chúng vội vã cấp cứu người bị trúng độc. Lệnh khẩn cấp giới nghiêm. Tước hết vũ khí của lính An Nam. Vây ráp các khu phố. Do đó, Cai Ngà không thể nào bắn được ba phát súng lệnh như đã hợp đồng tác chiến. Nghĩa quân chờ đợi bên ngoài biết kế hoạch đã bại lộ nên lặng lẽ lui quân. Trong khi đó, do thuốc độc được chế biến từ cà độc dược nên không đủ sức làm chết một ai cả. Tuy nhiên chỉ có vài tên bị kích thích vì ăn nhiều nên như điên, như dại trèo lên cây hoặc xé banh quần áo chạy như bay ngoài đường phố, la hét om sòm!

Hỡi ôi! Đó là kết quả của một kế hoạch lớn đã được chuẩn bị mấy tháng trời ròng rã.

Sau đó, những đảng viên nòng cốt, những binh lính tham dự trong vụ này đều bị bắt hết. Ngày 27-11-1908, chính phủ Pháp mở hội đồng Đề hình xử tội những người tổ chức vụ rối loạn này. Thanh tra dân sự vụ là Miribel ngồi ghế chánh án. Hẳn tuyên bố: Mười tám án tử hình. Đội Hồ, Đội Bình, Đội Nhân, Lang Seo, Đội Nhàn, Cai Hiền, Đội Cốc... đều bị chém đầu. Để uy hiếp tinh thần dân chúng, giặc Pháp đã bêu đầu những liệt sĩ này ở cửa ô Cầu Dền, cầu Giấy và chợ Mơ. Riêng bà Nguyễn Thị Ba, tức Nhiêu Sáu, vợ của ông chánh Tỉnh – chủ quán cơm ở Cửa Nam – thì cũng bị chúng tra tấn dã man. Chúng nung đỏ kìm cặp vào vú. Thịt cháy khét lẹt. Sau đó,

chúng bỏ vào thùng gỗ có đóng đầy đinh nhọn bên trong, rồi lăn trên nền đất. Bà không hề khai báo điều gì cả. Ngoài ra còn có 4 người bị chung thân, 26 người bị đày Côn Đảo từ 5 năm đến 20 năm, 10 người bị án từ 1 năm đến 5 năm.

Chi bộ Đảng Nghĩa Hưng tại Hà Nội hoàn toàn tan rã. Nhưng việc làm động trời của họ đã gây được sự xôn xao trong dư luận và làm cho giới thực dân ở Đông Dương rất hoang mang. Và chính từ vụ này, vào tháng 5-1909, công nhân ngành mỏ, đường sắt đã tiếp nối khí phách đó bằng rầm rộ đấu tranh, những công chức người Việt làm cho các hãng buôn của Pháp ở Hà Nội cũng bãi công. Trên tờ An Nam Tonkin (số 8/5/1909) chúng gào lên: “Chúng ta hãy đề phòng! Những cuộc bãi công này là biểu chứng của một tâm lý nguy hiểm. Tâm lý này đã bộc lộ ra một cách dữ dội sau vụ Hà Thành đầu độc vừa qua!”

Có thể nói với Đảng Nghĩa Hưng do mình thành lập, Đề Thám đã để lại một vết son không phai mờ trong lịch sử quật khởi của dân tộc Việt Nam là làm nên vụ “Hà Thành Đầu Độc”.

CHƯƠNG MƯỜI HAI

Giặc đồng loạt tấn công Yên Thế

Giao chiến nhau Cả Trọng tử trần

Trong quá trình điều tra vụ “Hà Thành đầu độc”, giặc Pháp đã tìm được nhiều chứng cứ khẳng định Đề Thám chủ mưu những vụ tày trời này. Đó là một trong những nguyên nhân khiến chúng quyết định mở cuộc tấn công vào căn cứ Yên Thế.

Đầu năm 1909, một hội nghị quan trọng có liên quan đến số phận Đề Thám đã được định đoạt. Vừa mới thay Beau, Toàn quyền Klobukowki đối phó với Hùm Thiêng Yên Thế bằng biện pháp cứng rắn. Đến dự hội nghị này còn có cả Thống sứ Bắc kỳ, Tổng chỉ huy quân đội Đông Dương... do Klobukowki chủ trì. Họ đã thống nhất nhận định: Đề Thám không chỉ là cọng dữ của núi rừng Yên Thế mà còn là mối đe dọa cho cả thành thị nữa. Phương châm hành động được đặt ra là đánh mạnh, đánh mau và tuyệt đối giữ bí mật để tiêu diệt tận gốc nghĩa quân. Theo báo cáo của Bouchet trong hội nghị thì lực lượng Đề Thám hiện nay, chỉ có chừng 200 đến 300 người với trên 100 khẩu súng – chủ yếu là súng kiểu 1879 của Pháp, một số súng của Trung Quốc, còn lại là súng kíp thô sơ.

Để chống lại một lực lượng như thế, Pháp huy động 1.500 binh sĩ gồm lính Âu, lính đồng, lính bản xứ, và những đội pháo binh, công binh, thông tin. Khí giới trang bị tất nhiên là tối tân và hiện đại, trong đó cả trọng pháo 75 ly và sơn pháo 80 ly nữa. Để tuyệt đối giữ bí mật, các binh lính An Nam

đều được phổ biến là đi đánh thổ phi dọc theo biên giới, không ai may mắn là đi đánh Đền Thám cả. Tất cả những điều này cho thấy, Pháp khiếp sợ oai linh của Đền Thám đến mức nào. Lực lượng hùng hậu này bí mật hành quân đến Nhã Nam, Bồ Hạ và những nơi cách Chợ Gồ khoảng 5 cây số. Chúng phải len lén như chuột ngày vì nếu lộ ra thì Đền Thám sẽ đặt vấn đề: Tại sao quân đội chính phủ Pháp bao vây Yên Thế – trái ngược với những điều đã ký kết năm 1897?

Cùng lúc đó, Thống sứ Bắc Kỳ và Morel cho phân phát khắp nơi bản báo cáo về tội ác của Đền Thám (?). Ngang ngược hơn, Thống sứ Bắc Kỳ còn viết thư buộc Đền Thám phải nộp hết súng ống, đạn dược cho chính phủ! Nhận được thư, Đền Thám gầm lên:

- Quân láo xược! Bắt chúng ta giao nộp vũ khí là có khác gì phải đầu hàng vô điều kiện? Khi làm lễ tuyên thệ dưới lá cờ Cần Vương, tất cả chúng ta đều thề rằng: “Quyết định đuổi bọn cướp nước tàn bạo như người ta đánh hùm beo sói dữ”. Nay sứ mệnh chưa hoàn thành mà chúng buộc ta đầu hàng thì các chú nghĩ sao?

Bà Ba Cẩn tiếp lời:

- Giặc Pháp đã bắt vua phải đi đày. Giết những ai chống cự lại chúng. Hỡi ôi! Mệnh nước suy vong đến thế sao? Bọn Pháp là đồ kẻ cướp. Chúng xưng ông, xưng bà với vua bù nhìn, với quan lại hèn nhát chứ chúng dám đến đây xưng hùng, xưng bá với chúng ta à? Từ đứa bé đến người lớn ở đồn ông Hoàng Hoa Thám, có thằng Tây nào dám bắt nạt ai không? Nay mai nếu chúng tấn công chúng ta thì ai có gì dùng nấy. Có súng thì bắn. Có dao thì chém. Báo thù cho ông cha chúng ta, anh hùng liệt sĩ của chúng. Đàn bà thì đi dò xét. Đàn ông thì đi chiến đấu. Quyết làm cho chúng khiếp vía mới thôi! Các cô, các chú cũng biết nhiều người có ruộng, có vườn, có nhà tương làm giàu để về sau cho con cháu. Nhưng thằng Tây nó đến, nó hiếp vợ, nó phá tan cửa nát nhà. Hỡi ôi! Nước không yên thì nhà yên thế nào được? Nó bảo chết thì chết. Nó bảo sống thì mới được sống, mà sống thì phải cúi đầu, phải quỳ xuống. Có đúng không? Chết thì thôi chứ ông Đền Thám không chịu. Quân của ông Đền Thám quyết không chịu. Bây giờ, ai

muốn sống nhục thì hãy làm tôi mọi cho chúng. Tôi đây, vợ ba của ông Đề Thám không bao giờ chịu được cái nhục ấy. Chặt đầu thì cứ chặt chứ bảo cúi đầu thì không!

Mọi tướng lĩnh đều đồng loạt cất tiếng vỗ tay náo nhiệt. Bà đã nói một hơi dài như tiếng chuông. Hào hùng và mãnh liệt. Mọi người đứng nghe đều biểu quyết là đánh đến cùng, chứ không chịu giao nộp súng cho giặc.

Kế hoạch tác chiến đã được Đề Thám nhanh chóng cho triển khai. Tuy thế, bên ngoài thì ông vẫn cho người ra đồn Nhã Nam hẹn sau Tết nguyên đán, vui xuân xong thì sẽ đem nộp khí giới. Lời hẹn của Đề Thám trùng với ý đồ của Pháp, chúng cũng dự tính sẽ đánh Yên Thế vào đầu năm mới. Chúng nghĩ rằng, trong dịp Tết nghĩa quân sẽ ăn hết gạo cũ, chưa kịp giã lúa mới để dự trữ. Và đây cũng là thời điểm thuận tiện mà đối phương sẽ không trở tay kịp.

Ngày 29-1-1909, giặc Pháp bất ngờ mở cuộc tấn công vào căn cứ Yên Thế. Đại tá Bataille đặt bản doanh tại Chợ Gồ chính thức châm ngòi nổ. Bốn đại đội lính Âu, bốn đội lính khố đỏ, một đội lính lê dương được trang bị súng cối, sơn pháo, kỵ binh... nhảy vào cuộc. Súng bắt đầu nổ. Chiến tranh đã lòe ra nanh vuốt gớm ghiếc của nó.

Vốn là tay lão luyện trong nghề xâm lược, Bataille biết rằng, muốn thắng Đề Thám thì trước hết phải đánh bại bà Ba Cẩn một người mưu được tin cậy nhất của lãnh tụ Yên Thế. Vì vậy, hấn mở màn bằng cuộc tập kích vào Chợ Gồ – nơi bà Ba Cẩn đóng đồn. Trời ơi! Giữa lúc nguy ngập như thế mà bà Ba Cẩn lại chuyển dạ. Không muốn cho Đề Thám và nghĩa quân vì một người đàn bà mà bận lòng, nên bà đã lên ra gốc cây để đẻ và chính bà đỡ đẻ cho mình. Đứa bé này được đặt tên là Hoàng Văn Vi, tức Phồn. Ngay lúc đó, nó được chuyển về cho bà Lý Chuột ở Thái Nguyên nuôi giùm. Trong lúc đó, thiếu úy Courteix chỉ huy 200 lính khố xanh được lệnh đánh thẳng vào đồn. Còn thiếu úy Colonna từ Cao Thượng sẽ đánh thốc xuống trợ chiến. Với kế hoạch tối ưu như thế, chúng hùng dũng tiến vào đồn bà Ba Cẩn. Pháo yểm trợ của giặc nổ ran. Lạ thay! Không thấy đối phương bắn

trả một viên đạn nào cả. Nghĩa quân khiếp sợ uy danh đại binh Pháp mà rút hết rồi chẳng?

Nhưng chúng đã lắm.

Khi được tin, bà Ba Cẩn liền cho nghĩa quân kéo ra mai phục dọc theo hai bên đường dẫn vào Chợ Gồ. Bà chỉ giữ lại vài chục tay súng thiện xạ canh nơi pháo đài. Sau khi tiếng pháo yểm trợ đã dứt, thỉnh thoảng trên pháo đài chỉ bắn lẹt đẹt vài viên đạn cầm chừng. Họ bắn nhử cho giặc chủ quan mà tiến vào. Trúng kế, đại quân của Courteix lạc quan tiến sâu vào trận địa. Chúng tin chắc sẽ nắm được thắng lợi dễ dàng như lật bàn tay. Thậm chí, Courteix còn mơ đến thêm một sao được gắn trên quân hàm! Đột ngột bọn chúng nghe một tiếng hét như hổ gầm:

- Bắn!

Từ trong bụi rậm hai bên đường, hàng loạt tiếng súng nổ ran. Đạn vọt ra khỏi nòng súng đỏ rực. Đạn ghim chính xác vào những thân người đang đi. Những thân người đổ xuống như những thân cây chuối chịu những nhát dao sắc lẹm! Chết như rạ! Quân Pháp đã lọt vào ổ phục kích. Đội hình của chúng bị rối loạn, chạy tứ tán. Chúng tiến lên thì đạn từ trên pháo đài nã xuống. Chúng rút lui thì bị nghĩa quân chốt đường lui. Trong lúc nguy ngập ấy, thiếu úy Colonna dẫn quân đến tiếp viện. Một viên đạn chính xác đã ghim vào sọ. Máu tóe ra. Colonna chết tức tưởi. Cuối cùng, hai đạo quân ấy đã hợp lực lại phản công dữ dội để tìm đường rút lui. Chúng lốc nha lốc nhốc, lôi thôi như cá trôi xõ ruột chạy xoạc móng heo về Nhã Nam.

Trận đánh oanh liệt dưới tài chỉ huy tài ba của bà Ba Cẩn đã khiến Bataille giận tím mặt. Hãn quyết tạm phải chiếm bằng được Chợ Gồ để rửa mối nhục này!

Rạng sáng ngày 31-1-1909, hai đạo binh của Pháp do Mayer và Le Canu chỉ huy bí mật tiến vào Chợ Gồ. Đã biết mưu lược của nghĩa quân, nên lần này chúng tiến quân cẩn trọng, chậm chạp. Tâm trạng phập phồng lo sợ đã dẫn từng bước chân của chúng tiến sâu vào trận địa. Càng đi chúng càng thấy bốn bề lặng ngắt như tờ. Không một tiếng súng bắn trả. Không một bóng ai lộ dạng. Sợ mắc mưu như lần trước, chúng tỏa ra các đường hẹp,

lối nhỏ mà tiến từng bước. Nhưng sự cẩn thận như thế cũng bằng thừa. Lăn mò lò dò như cò bắt tép suốt ngày trời, đến khi tiến vào đồn thì chúng chững hững. Pháo đài bỏ không. Không còn ai cả. Thì ra, bà Ba Cẩn đoán trước ý định của giặc sẽ đem đại binh san bằng Chợ Gồ, nên bà đã cho nghĩa quân rút lui để bảo tồn lực lượng. Họ rút về Rừng Tre, cách đó khoảng 3 cây số. Họ đào hầm. Chờ giặc đến.

Sáng ngày 1-2, mười giờ sáng. Tiểu đoàn trưởng Le Canu dẫn binh sĩ với vũ khí tối tân tiến đánh Rừng Tre. Đúng 11 giờ 20 phút trưa đó, hai bên giao chiến. Lớp lính Pháp xung phong đầu tiên bị loạt đạn nghĩa quân đẩy lui. Chúng chinh đồn hàng ngũ rồi tiến lên lần thứ hai. Bà Ba Cẩn dưng dặc tuyên bố:

- Hỡi anh em binh lính khố đỏ! Các bạn cũng là người Nam như chúng tôi. Chúng ta cùng một nòi giống da vàng. Đây là đất của ông Đề Thám, chồng tôi. Tôi yêu cầu các bạn hãy chia súng bắn lên trời để chúng tôi đo súng thi tài với bọn xâm lược Pháp!

Trả lời bà là một loạt đạn bắn xối xả! Đội quân Pháp vẫn tiến lên. Tên đội Guerini hăng hái chạy lên trước lập chiến công thì đạn xuyên qua ngực. Hãn giã đành đạch như gà bị cắt tiết! Đánh nhau đến 3 giờ chiều nhưng giặc vẫn không chiếm được Rừng Tre. Le Canu cấp tốc xin tiếp viện. Trung úy Romain de Fosses đem hai trung đội lính Âu và lính khố đỏ đến ứng chiến. Trận đánh vẫn kéo dài. Bất phân thắng bại. Buộc lòng vào lúc 5 giờ chiều, đại tá Bataille phải đem quân lên tăng cường và trực tiếp thị sát mặt trận. Quân Pháp bố trí lại đội ngũ để quyết đánh một trận kết thúc. Vào 7 giờ tối, chúng tiến lên đỉnh đồi. Chúng chững hững như mèo bị cắt tai. Nghĩa quân Yên Thế đã rút lui từ lúc nào rồi. Suốt mấy tiếng đồng hồ phung phí bao nhiêu đạn, bao nhiêu binh sĩ chết mà cuối cùng chỉ để chiếm mấy hầm hố bỏ không!

Sau trận này Bataille mới thừa nhận tài cầm quân của Hùm Thiêng Yên Thế. Nhưng hỡi ôi! Đó cũng là lúc tóc của viên đại tá này bắt đầu lốm đốm bạc. Rồi đến mười ngày sau, ngày 11-2, Pháp mới tìm được quân của Cả Huỳnh, Cả Rinh, Ba Biểu, Lý Thu đóng ở thung lũng từ Đồng Vương đến

Yên Thế. Họ đã chiếm một địa thế thuận lợi cho việc điều binh khiển tướng. Thiếu tá Mayer liền kéo quân lên đó. Hai bên đụng độ nhau vào lúc 10 giờ sáng. Trận đánh kéo dài đến trưa nhưng Pháp không đạt một kết quả nào. Thừa lúc chúng mệt mỏi, ngưng chiến đấu để ăn uống thì trong rừng rậm bất ngờ Cả Rinh, Cả Huỳnh thúc quân ra đánh. Nghĩa quân tiến nhanh như cơn gió lốc. Những gốc cây, ụ mối, mô đất đều biến thành những vật cản thuận lợi cho nghĩa quân. Bị tấn công bất ngờ, quân Pháp chạy tán loạn, một số trúng đạn. Pháp lập tức phản công. Trận đánh kéo dài đến 6 giờ chiều. Hoàng hôn đỏ ối như máu. Bóng tối nhọ mặt người. Bóng đêm dần che khuất núi rừng. Nghĩa quân nhanh chóng rút lui. Cả Rinh, Ba Biểu, Lý Thu chạy về hướng mỏm 208 phía Bắc Đồng Vương. Còn Cả Huỳnh thì tách ra nơi khác. Trong khi đó, Cai Sơn đã đánh chiếm được đồn Đức Thắng, rồi đặt bản doanh ở làng Sơn Quả. Giặc Pháp cho nã pháo 80 liên tục để chiếm lại đồn, nhưng khi tiến quân vào thì Cai Sơn đã rút lui mất dạng.

Sau những trận đánh này, giặc Pháp cho xây đồn chằng chịt khắp vùng Yên Thế và sục sạo chu đáo từ Nhã Nam đến Rừng Tre. Ngày 20-2 Pháp phát hiện quân của Cả Huỳnh đang dừng chân tại làng Chiềng và sông Soi. Le Canu đem quân đến làng Chiềng. Giám binh Poilevey án ngữ ở sông Soi. Nhờ dân chúng cấp báo, Cả Huỳnh đã dẫn quân chạy thoát. Còn thiếu tá Mayer thì phát hiện quân của Cả Rinh, Ba Biểu, Lý Thu tại mỏm 208, nhưng chúng không dám tấn công mà phải chờ viện binh đến. Đại tá Bataille đánh điện cho Mayer chỉ đạo phải chiếm cho bằng được mỏm 208. Một đội lính khố đỏ và ba tên lính Âu gan dạ nhất đã mạo hiểm tiến lên. Nhưng cây cối rậm rạp, dốc núi cheo leo, chúng không nhìn thấy được gì cả. Từ trên cao, nấp trong bụi rậm, nghĩa quân bắn tỉa chính xác. Chúng bỏ mạng khá nhiều. Đại úy Tessie, trung úy Benayton, tên đội Démont bị thương nặng. Cuối cùng, đến khi trời sụp tối thì Bataill ngưng tấn công. Rạng sáng hôm sau, Pháp bí mật xông lên thì không còn thấy bóng nghĩa quân. Lối đánh này đã khiến giặc Pháp mệt mỏi và thất vọng. Mỗi lần giao

chiến không đem lại kết quả gì đáng kể mà chỉ hao phí súng đạn. Còn nghĩa quân, họ như những bóng ma lẩn vào rừng sâu mất hút!

Từ đó cho đến cuối tháng 3-1909 nhiều trận đánh lẻ tẻ vẫn xảy ra. Ngày 1-3, quân của trung úy Courri chạm mặt với quân Cai Sơn, Ba Biểu, Cả Rinh. Chúng đã bị nghĩa quân đánh như két, thét như lôi phải chạy trốn về Nhã Nam. Ngày 15-3, chúng dàn binh bố trận tiến đánh căn cứ Hàm Lợn. Đây là một ngọn núi cao 462 thước thuộc sườn đông Nam Tam Đảo. Giặc Pháp đã mở nhiều cuộc tấn công táo bạo. Trọng pháo nổ liên tục tối tăm cả trời đất. Nghĩa quân phải rút lui. Mãi đến tối ngày 25, rạng ngày 26-3, cánh quân do Đề Thám chỉ huy bị lọt vào ổ phục kích của giặc tại đèo Ỉnh. Mọi người chạy tứ tán. Bỗng nghe tiếng Cả Trọng kêu lên:

- Bố ơi! Con bị thương vào đùi!

Lẽ ra, phải tìm cách chống trả lại như mọi lần thì Đề Thám hạ lệnh cho rút sâu vào cánh rừng khác. Bà Ba Cẩn tức tốc đi tìm lá thuốc rịt vào vết thương cho Cả Trọng. Trời tối quá, không tìm thấy lá gì cả. Mọi người đành lấy mảnh vải đen nhúng nước muối băng bó vết thương cho anh. Cả Trọng chỉ kịp nói:

- Con nguy mất rồi dì Ba ạ! Dì trông nom giùm bố và em của con!

Rồi ngất đi. Đến 6 giờ sáng thì Cả Trọng tắt thở. Đề Thám đau đớn vô cùng. Người con yêu quý của ông đã mất. Ông không nói gì cả. Nước mắt cứ trào ra. Cả Trọng được chôn cất cẩn thận. Con chó của anh cứ nằm phục bên mộ chủ. Mấy ngày liền nó chẳng ăn uống gì rồi chết. Mọi người chôn con chó trung thành bên mộ Cả Trọng. Sau đó, giặc Pháp đánh hơi đã đến quật mồ Cả Trọng, chúng kinh ngạc khi thấy bộ xương chó bên cạnh.

Tin Cả Trọng hy sinh như một tiếng sét đánh xuống đầu nghĩa quân. Một số người nao núng đã chạy ra hàng giặc. Lực lượng nghĩa quân hoang mang lắm. Lúc này, tìm cơ hòa hoãn, Đề Thám viết thư gửi cho Bataille. Em nuôi của bà Ba Cẩn là Càn lặn lội xuống đồn Nhã Nam trao lá thư này. Bataille bắt giam Càn. Ngay đêm đó, anh bị giặc tra tấn tàn nhẫn để điều tra thực lực của Đề Thám. Càn cắn lưỡi tự tử. Trên đà thắng thế này, Thống sứ Bắc Kỳ treo giải 2.000 và một phẩm hàm cho bất cứ ai chặt được đầu Đề

Thám. Thủ đoạn này hết sức có hiệu lực vì từ đây, Đề Thám phải giữ mình với chính những người thân thuộc nhất và không dám mộ thêm người mới.

CHƯƠNG MƯỜI BA

Bắt Voisin để tìm kế hoãn binh

Bước đường cùng bà Ba bị bắt

Cái chết của Càn tại đồn Nhã Nam đã báo hiệu cho Đề Thám biết, từ nay Pháp không còn khoan nhượng với ông một điều gì nữa. Đề Thám và những tướng lĩnh trung thành vẫn lẩn trốn trong rừng, khi xuất hiện ở Xuân Lai, Xuân Phát, Thủ Lâm và có khi chỉ cách Hà Nội chừng 15 cây số. Giặc Pháp đuổi theo ông sát rạt. Đồi bên giao chiến nhau nhiều trận. Giặc tổn thất nhiều nhưng nghĩa quân cũng hao mòn dần. Những tướng lĩnh như Đề Bao, Lý Thu, Hai Xuân... lần lượt kéo nhau ra đầu hàng giặc. Những người cũ như Thống Luận đã đầu hàng thì nay chỉ đường dẫn lối cho Pháp tiến đánh luôn... Đề Thám đang lâm vào tình trạng cô lập. Tiến thoái lưỡng nan. Tuy thế, Pháp vẫn không tìm được tông tích ẩn náu của ông. Những tán quân tuần tiểu báo về cho Toàn quyền Klobukowski: Đề Thám đã mất tích trong rừng. Toàn quyền vui mừng loan tin cho báo chí. Trên mặt báo ở Hà Nội liên tục có những bài tường thuật về sự thất bại của Đề Thám, thậm chí có báo còn đưa tin Đề Thám sắp ra đầu hàng, v.v...

Sự thật, lúc đó Đề Thám đang tập hợp lại lực lượng cách Phù Lỗ 4 cây số. Ông đang tìm mọi cách buộc Pháp phải nhượng bộ mình. Ngày 5-7-1909, báo chí ồn ào lên một tin động trời người thư ký của thầu khoán Leroy là Voisin đã bị bắt cóc! Nghĩa quân của Đề Thám đã tan rã, Đề Thám sắp đầu hàng vậy tại sao còn xảy ra vụ này? Báo chí quay lại công kích

chính phủ với câu hỏi nêu trên. Đúng vậy, Đề Thám đã ra lệnh cho Đội Huân bắt cóc Voisin trên đoạn đường Phù Lỗ – Thái Nguyên.

Việc làm táo bạo này dần dần khôi phục lại tên tuổi Đề Thám. Ông nghĩ rằng, bắt cóc được Voisin thì Pháp phải cầu hòa với ông như năm 1894. Ông buộc hẳn viết thư gửi cho chính phủ Pháp nêu rõ, nếu Pháp nổ súng tấn công Đề Thám thì hẳn sẽ bị giết ngay!

Nhưng Đề Thám đã lầm.

Voisin chỉ là một viên chức quèn, chứ không phải như Chesnay có thế lực và tài sản lớn ở Paris. Sau một cuộc họp quan trọng giữa Toàn quyền, Thống sứ Bắc Kỳ và Tổng tư lệnh quân đội Pháp ở Đông Dương – chúng quyết định phái một đạo binh đi tìm đánh Đề Thám.

Ngày 7-7, Thống tướng Geil cử thiếu tá Chofflet thi hành nhiệm vụ. Đề Thám cùng nghĩa quân rút lên Thái Nguyên và không quên đem theo Voisin. Ngày 10-7, Chofflet cho người đem thư gửi đến Đề Thám với nội dung xác láo: Nếu thả Voisin thì Đề Thám được sống, được cấp dưỡng chu đáo. Nếu Voisin bị giết chết thì gia đình họ hàng Đề Thám, bà Ba Cẩn sẽ bị bắt bớ tù đầy hết! Đọc xong lá thư này, Đề Thám giận lắm. Bà Ba Cẩn ném cái nhìn căm thù vào mặt Voisin và đưa khẩu mauser cho ông, nhưng ông gạt đi. Và ông cũng kịp thời đẩy nòng súng của Đội Huân khỏi đầu Voisin khi vừa chuẩn bị siết cò.

Liên tiếp những ngày sau đó, Chofflet tiếp tục gửi thư điều đình và từng bước siết chặt vòng vây. Đề Thám vẫn không trả lời. Đêm 14-3, trời mưa như trút. Bão lớn. Sấm sét ùng ùng xé toạc vòm trời Thái Nguyên. Chofflet không còn đủ kiên nhẫn để chờ đợi. Hẳn dự kiến cuộc tấn công vào nghĩa quân Đề Thám sẽ khởi sự vào sáng mai. Nhưng lợi dụng mưa gió, Đề Thám đã rút quân thoát khỏi vòng vây.

Ngày 19-7, Pháp phát hiện nghĩa quân đang ẩn náu ở Thanh Trì. Một cuộc giao chiến ác liệt xảy ra. Nghĩa quân hết đạn, nhưng Pháp vẫn không dám tiến. Chúng dùng kế hỏa công cho đốt rơm, củi khô rồi ném vào chiến hào. Nghĩa quân phải rút chạy. Lần này, Pháp bám theo rất ngặt. Ngày 22-7, Ba Biểu mở đường thoát bằng cách đem quân đánh chiếm làng Xuân Lai.

Voisin lại bị bắt buộc viết thư gửi cho Chofflet, yêu cầu dừng tấn công nghĩa quân, nếu không hẳn sẽ bị cắt cổ! Chofflet đồng ý, nhưng với điều kiện là Đề Thám phải dẫn quân ra đầu hàng! Chúng yêu cầu Đề Thám phải trả lời ngay trong vòng 20 phút. Hai mươi phút chậm chạp trôi qua. Đề Thám không trả lời. Chofflet hạ lệnh tấn công, nhưng cả hai lần đều bị nghĩa quân đánh bật ra. Trời sắp về chiều, Chofflet muốn kết thúc trận đánh trước khi trời tối nên đã tập trung hỏa lực tấn công dữ dội. Lúc này, Đề Thám đang đứng trong một đường hầm phía sau nhà thờ, Voisin bị trói một bên có hai nghĩa quân canh giữ. Giữa hai làn đại bác long trời lở đất, bỗng có tiếng kêu thất thanh của Voisin:

- Dừng bắn nữa! Đề Thám sẽ đầu hàng!

Quân Pháp ngừng bắn. Chofflet giao hẹn: Phải nhanh chóng nộp Voisin và toàn bộ vũ khí trong vòng mười phút. Mười phút đồng đánh lướt qua. Đề Thám không trả lời. Tiếng pháo lại gầm lên rung chuyển trời đất. Tiếng gào thét của Voisin hoảng loạn tột cùng:

- Dừng bắn nữa! Đề Thám sẽ ra hàng!

Chofflet cũng muốn vậy. Quân Pháp đã mệt mỏi lắm rồi. Đề Thám gửi thư điều đình và hai bên sẽ gặp nhau vào sáng mai. Chofflet đồng ý nhưng các đơn vị vẫn cố thủ ở vị trí chiến đấu. Trong lúc đó, bà Ba Cẩn đưa khẩu súng cho Đề Thám:

- Thằng Voisin này không được Pháp coi trọng nên chúng mới nổ súng âm ỉ như thế. Ông bắn phứt nó đi cho rồi!

Đề Thám gạt khẩu súng qua một bên và nói với hẳn:

- Nếu tao thả mày thì mày có đi được không?

Hẳn nhăn nhó lít nha lít nhít:

- Thưa ông, tôi sẽ nằm lại đây. Vì mấy hôm nay tôi đau chân.

Cả Rinh cho dẫn tre làm cáng để khiêng Voisin đi, nhưng Đề Thám lắc đầu. Ông nhận thấy, Pháp không hề nhượng bộ mình chúng cứ bám đánh riết, không khéo Voisin bị trúng đạn hoặc bệnh mà chết thì nguy mất. Gia đình họ hàng của ông và bà Ba sẽ không yên với chúng. Mà quả thật, lúc

đó, ông Cả Lộc - bố vợ của Đề Thám - đã bị chúng bỏ vào thúng khiêng đi giam! Suy nghĩ như thế nên ông nói với hãn:

- Đêm nay, tao sẽ thả mày. Mày nên nhớ rằng mày vẫn được đối xử tốt đấy nhé!

Thế là Đề Thám cùng nghĩa quân rút lui và bỏ hãn nằm lại đó. Tờ mờ sáng hôm sau, Chofflet tiến đánh vào làng. Chúng chững hững như mèo bị cắt tai, nghĩa quân đã mất bóng! Chofflet tức tối dờ khóc dờ cười. Ngày 25-6, lại có tin Đề Thám đang xuất hiện ở Hiền Lương. Chofflet tức tốc kéo quân lên. Ba giờ rưỡi chiều hôm đó hai bên nổ súng. 13 lính Pháp bị phục kích chết tại trận. Khi trời vừa sụp tối, nghĩa quân lại lẩn như trạch! Lối đánh xuất quỷ nhập thần của Đề Thám đã khiến cho Chofflet thấy rõ nhược điểm của mình: không rành địa hình địa thế thì không thể đối đầu với một ông tướng rất giỏi về thuật đánh du kích. Chofflet đã tham mưu cho Toàn quyền Klobukowski vạch ra một chỉ thị mới: “Nhằm mục đích trợ lực cho quân đội chính quy là chinh đốn tư tưởng của dân bản xứ đã thường đồng tình với kẻ cướp Đề Thám, Toàn quyền Đông Dương quyết định yêu cầu sự cộng tác của một số quan cao cấp Nam triều. Những người này được phép dùng phương pháp đàn áp của Luật lệ Nam triều, như thế mới có thể làm cho thái độ người bản xứ thay đổi được”. Từ chỉ thị này, Hội đồng cơ mật của triều đình đã cử “thăng bán tư” Lê Hoan tham gia chiến trận. Lê Hoan được trang bị 400 tên lính. Bọn chó săn này có nhiệm vụ lục soát bắt bớ những người tình nghi là ủng hộ hoặc đi theo Đề Thám. Với nhiệm vụ vẻ vang này, thăng bán tư Lê Hoan đã được phong chức Khâm sai đại thần!

Vốn lưu manh với nhiều mưu mô quỷ quyệt, Lê Hoan dùng chính sách mềm dẻo là mua chuộc tướng lĩnh của Đề Thám hoặc tìm cách ly gián để phá vỡ sự đoàn kết trong nghĩa quân. Ngược lại, Chofflet lại muốn dùng chiến thuật đánh nhanh, đánh mạnh nên không đồng ý với chính sách của Lê Hoan. Đôi bên cứ lục đục nhau như chó với mèo!

Ngày 13-8, cầu tầu Lê Hoan bắt đầu vào cuộc. Nghe tin nghĩa quân đang ở làng Bạch Đa – cách tỉnh Phúc Yên 2 cây số - Lê Hoan cùng giặc Pháp ào ào kéo tới. Hai bên giao chiến. Thiếu úy Braun bị đạn bắn vỡ sọ. Chúng

không sao vượt qua được cổng làng vì nghĩa quân phản công dữ dội. Chúng bèn phá lũy tre để lấy lối tiến vào. Nhưng khi vào trong thì chúng gặp trước mắt là con đường cụt, hai bên là ao hồ. Biết sa bẫy của nghĩa quân nên chúng rút lui ra ngoài. Nghĩa quân đã vòng ra sau đánh tiếp một trận trời bời. Thắng trận này, nghĩa quân cũng tìm đường chạy thoát! Chofflet hậm hực như chó chực gầm giương. Hắn chĩa ngón tay to bè vào giữa trán Lê Hoan:

- Con chó dù không được chủ cho ăn cứt thì nó cũng phục vụ tận tâm, tận lực cho chủ. Huống hồ gì ông đã ăn bao bổng lộc của mẫu quốc...

Không đợi hắn nói hết câu, thẳng bán tơ cúi đầu:

- Thưa ngài tôi hiểu!

Hắn cau có như chó cắn càn:

- Ông đã hiểu à? Sao ông không hành động theo lương tâm của ông?

Thế là vài giờ sau cả làng Bạch Đa chìm trong lửa. Lê Hoan đã ra lệnh cho phóng hỏa đốt cháy cả làng. Tiếng khóc than ngút trời! Đó là chiến công đầu tiên của quan Khâm sai đại thần tham gia tiêu diệt nghĩa quân của Đề Thám!

Sau trận đánh này, Chofflet báo cáo với quan Toàn quyền là không hợp tác với Lê Hoan nữa. Bởi lẽ Lê Hoan không phải là con nhà cầm binh. Ngày 30-8, Chofflet bị gọi về và Bonifacy lên thay thế. Lúc này Đề Thám cho nghĩa quân rút về tập trung ở núi Sáng – phía Bắc tỉnh Vĩnh Yên.

Vừa lên nhận nhiệm vụ, Bonifacy đã nhận được điện chỉ đạo của Tổng tư lệnh: “Tập trung quân chủ lực để san bằng núi Sáng”. Nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh của thượng cấp, hắn cho quân đột nhập vào các làng người Mán rải rác quanh núi Sáng, tạo thành một vòng đai thép siết chặt nghĩa quân. Để chống lại kế hoạch này, Đề Thám cho quân đào công sự, hầm hố vững chắc trên hai ngọn đồi 305 và 616!

Ngày 2-10, Bonifacy mở cuộc hành quân lớn. Với sự dẫn đường của những tên người Mán bị chúng mua chuộc, giặc Pháp từ phía Tây vượt qua suối sâu gặp ghềnh hiểm trở để chiếm lĩnh những mục tiêu đã định trước. Chúng bí mật ém quân.

Tối ngày 4 rạng 5-10, một cánh quân của trung úy Salet lên vào cách căn cứ của nghĩa quân chỉ mấy trăm thước. Chúng di chuyển kín đáo từng bước một. Kế hoạch của Bonifacy là một cánh đánh từ phía tây bắc, còn cánh khác thì đánh vòng từ phía đông và nam.

Rừng núi vẫn bình yên. Chim hót inh ỏi trên những triền dốc cao. Bỗng từ trong âm nhưng rừng rậm một loạt súng nổ vang trời. Tên điếm chỉ bị trúng đạn chết tươi. Đội hình của giặc rối loạn. Nghĩa quân nấp sâu trong những hầm dưới lùm cây gai góc kín đáo. Họ đã bắn chính xác không kém phần liều lĩnh. Pháp bị đánh phủ đầu nên chạy tán loạn. Những dây leo chằng chịt trong rừng, địa thế cheo leo, trắc trở là một bất lợi cho Pháp. Hai bên giao chiến suốt một ngày trời. Đại bác của giặc liên tục khạc đạn. Đến 5 giờ 30 chiều thì chúng chiếm được hai hầm đầu tiên. Mười lăm nghĩa quân đã bỏ hai hầm này để chạy qua những hầm khác. Đạn bắn vèo vèo trên đầu. Cai Thanh – một tướng giỏi của nghĩa quân đã trúng đạn.

Đề Thám kiên quyết kéo dài trận đánh cho tới tối mịt. Vì ông biết rằng, đó là thời điểm có lợi nhất cho những cuộc chiến tranh du kích. Trời tối mịt. Một trận mưa lớn như thác đổ. Giặc Pháp bị thương nằm trong rừng rậm không chịu nổi trận mưa này, chúng phát sốt rét, đau đớn và kêu la ầm ĩ. Nghĩa quân lợi dụng trời tối và mưa dầm dề để rút khỏi núi Sáng. Trong trận đánh oanh liệt này, nghĩa quân thiệt mạng 7 người, về phía giặc Pháp thì 17 tên chết không kịp ngáp, 35 tên bị thương nặng, trong đó có cả thiếu úy Gressin. Do đó, thời đó mới có câu: “Đất này là đất cụ Đề. Tây lên bỏ xác Tây về tan xương”.

Đề Thám dẫn quân về Tam Đảo. Những ngày sau, Bonifacy vội vã đi về phía Bắc, phía Đông vượt qua sông Đáy đến miền Tam Đảo để chặn đường rút lui của nghĩa quân.

Trong trận đánh núi Sáng vừa rồi, Cả Rinh bị thương nên không tháo chạy kịp theo đội ngũ. Anh đã bị toán quân của Lê Hoan bắt được. Thằng bán tơ Lê Hoan đã đãi ngộ anh ân cần, y bảo:

- Mạng sống của mày nằm trong tay tao. Tao cho mày sống hoặc bắt mày chết đều được cả. Nhưng tao thành thật khuyên mày nên suy nghĩ hợp thời.

Thử hỏi chúng mày có đủ sức chống lại mầu quốc không? Dĩ nhiên là không! Đánh mà không thắng thì đánh làm gì?

Cả Rinh khăng khái đáp:

- Thưa ông người xưa có câu:

Nhân sinh tự cổ thù vô tử

Lưu thủ đang tâm chiếu hản thanh

Lê Hoan cười hô hố:

- Khá khen cho mày. Tuổi còn trẻ mà có chí lớn. Chỉ tiếc mày không thức thời.

- Thưa ông, xin cảm ơn ông đã có lời dạy bảo. Nhưng thức thời là như thế nào ạ? Tôi chịu ơn quan Đề Thám đã nhiều nên không từ bỏ con đường đã chọn, dù phải nát thân trong lửa đạn.

Thằng bán tơ đưa tay vuốt cằm nhủ:

- Tao hiểu. Nay chọn con đường này mai chọn con đường khác thì đó không phải là thái độ của kẻ sĩ. Trước đây tao chỉ chọn con đường:

Sao được thái bình như thuở trước

Về nhà sách cũ đọc thông dong

Nhưng rồi thời thế đã thay đổi. Trăm năm thân thế dẽch ra gì! Vậy sao mình cứ phải bo bo giữ lấy con đường đã lỗi thời? Thời thế này, con đường theo người Pháp là con đường thăng quan tiến chức. Họ mạnh bằng trời. Chống lại họ à? Có mà châu chấu đá xe. Dù biết con đường binh đao là con đường góm ghiếc đáng khinh bỉ. Nhưng biết làm sao hơn?

Dừng lại để rít một hơi thuốc phiện, và hãm một chén trà nóng, y lão nháo lào nhào nói tiếp:

- Mà thôi. Tùy mày chọn lựa. Tao không chiêu dụ mày phải ra đầu hàng đâu! Tao chỉ cảm thương và tiếc cho những người còn trẻ tuổi như mày. Tiếc lắm vì chúng mày cứ tưởng rằng, hễ muốn lưu danh với sử xanh là được à? Sử xanh nào biết đến những thân ma rục xác trong rừng rậm âm u này? Tao tiếc quá! Ồ, Cả Rinh ơi mày đã bỏ lỡ một dịp may hiếm có. Tao chỉ muốn nói với mày rằng...

Y dừng lại. Mắt y như mắt rắn ráo. Y tăng hăng rồi gằn giọng:

- Lẽ ra tội của mày đáng bêu đầu. Nhưng mày đã muốn chết rục trong rừng thì tùy mày. Nếu lúc nào mày muốn ra hàng thì cứ nhắn cho tao biết. Thôi cút đi!

Cả Rinh không tin vào tai mình nữa. Thằng bán tơ thả mình à? Lê Hoan vốn thâm độc, y biết Cả Rinh là một tướng giỏi của Đền Thám, nếu cưỡng bức nó theo mình thì nó dám đập đầu vào đá để vẹn toàn khí tiết. Chi bằng cứ thả hẳn về là... thượng sách! Đúng vậy, Cả Rinh được thả về thì đã gây mối tị hiềm, nghi ngờ giữa các tướng lĩnh đối với anh. Liền lúc đó, tự tay Lê Hoan viết lá thư rồi chuyển hỏa tốc đến tay Đền Thám:

“Ta tự xét từ xưa đến nay, Nhà nước Đại Pháp đối với người vẫn lấy lòng nhân mà cảm hóa, chắc người cũng biết rõ như thế. Không ngờ, nhà người lại cho đồ đảng tiếp tục làm điều tàn ác mà đắc tội với Nhà nước. Vì vậy, Nhà nước buộc phải dùng binh.

Nhưng, sau cơn sấm sét, mưa móc tưới nhuần, ta nay phụng mệnh xuất sự, chỉ cốt phủ dụ chứ không ra tay đánh dẹp. Nay ta nhọc lòng viết thư này khuyên người nên thành thật quy hàng. Ta hứa sẽ hết sức chu toàn không để cho người thất vọng. Vậy sự thế như thế nào, người mau phúc bẩm.

Năm Duy Tân thứ 3

Khâm sai đại thần Lê Hoan”

Lá thư này càng gây bất lợi cho Cả Rinh. Lê Hoan đã dám hỡn xược viết thư chiêu hàng ông thì tại sao lại thả Cả Rinh? Đền Thám giận lắm:

- Ta từng nghe thiên hạ kể rằng, vua Duy Tân là một người yêu nước. Ngài ủng hộ cuộc trường kỳ kháng chiến của chúng ta. Có lần, ngài hỏi tên thị vệ: “Tay nhớp lấy gì mà rửa?”. Hẳn đáp: “Tâu bệ hạ, lấy nước mà rửa”. Ngài lại hỏi: “Nước nhớp lấy gì mà rửa”. Tên thị vệ không đáp được. Ngài bèn nói: “Nước nhớp thì lấy máu mà rửa”. Đúng thế! Chỉ có lấy máu mà rửa nhục cho non sông! Hỡi ôi, mặt trời còn mọc. Máu ta còn nóng. Khối căm hờn còn chất chứa trong lồng ngực này mà Lê Hoan dám chiêu dụ ta hàng à?

Ông trầm ngâm nói tiếp với nghĩa quân:

- Lê Hoan đã lão xược, đã dám vượt râu hùm thì ắt có chuyện chẳng lành. Các chú liệu mà canh phòng cẩn mật. Không khéo nó lại dẫn đường cho giặc tấn công ta nay mai thôi.

Vài ngày sau, Lê Hoan lại gửi cho ông một lá thư khác. Nguyên do như sau: Ngày hôm qua, bọn tay chân của y đã lũng bắt được hai người đàn bà đi lạc trong rừng. Thấy khả nghi, y cho tra tấn khốc liệt. Không chịu được đòn thù hai người này bèn khai rằng, vì sức yếu nên họ không chạy kịp theo chồng khi bị quân Pháp truy kích. Chồng họ là ai? Họ khai là vợ hai của Cả Rinh và vợ của Chu Văn Cát. Lê Hoan rú lên sung sướng. Y đã tự thưởng công cho mình bằng vài chục liều thuốc phiện, để nghĩ ra một mưu mô thâm độc. Y biết rằng, từ khi Thống sứ Bắc Kỳ treo cái đầu Đê Thám với giá 2.000 đồng và một phẩm hàm, thì Đê Thám phải giữ mình với chính đồ đảng thân tín và không dám mộ thêm người mới. Vậy y phải khoét sâu vào mối nghi ngờ của Đê Thám. Nửa khuya, y bắt người dậy lật đặt như ma vật ông vải. Y cho gọi viên Bang biện Trịnh Quang Dụ đến hầu y. Sau vài phút thì thăm, thậm thụt như chuột leo xó bếp. Dụ đã viết lá thư:

"Bang biện Trịnh Quang Dụ gửi thư này cho Cả Rinh thu nhận;

Gần đây, quý đại thần Lê Hoan đã bắt được vợ hai của thầy và vợ tên Chu Văn Cát. Hai người này đã đệ trình lên quý đại thần một lát thư, trong thư đó có viết rằng, hễ thầy thấy việc khó thành thì cứ tùy cơ ứng biến và xin quý đại thần tha tội chết cho thầy. Tôi cũng đã bãm với quý đại thần cho hai người này ở lại nơi đây để đợi tin của thầy.

Mới đây, thám tử của chúng tôi bãm báo thì ông Đê Thám cũng biết tin này. Vậy để ông Đê Thám không nghi ngờ, chúng tôi phải tra tấn hai người đàn bà vô tội này và cho tổng giam họ. Vậy thầy với tên Cát nên hiểu giùm mục đích của chúng tôi. Có làm như thế thì ông Đê Thám mới không nghi ngờ gì đến lòng trung thành của thầy.

Nay mật thư,

Bang biện dụ".

Đều căng hơn, dưới lá thư này, Lê Hoan còn bắt hai người đàn bà tội nghiệp ấn dấu tay làm chứng. Thư tuy gửi cho Cả Rinh nhưng thuộc hạ y được lệnh phải khéo léo trao cho ĐỀ THÁM. Đọc xong lá thư, ĐỀ THÁM không nói không rằng. Ông tốt thanh gươm của mình trao cho Cả Rinh. Đây là gươm quý của dòng họ Trịnh đã có bảy đời chuyên nghề đúc gươm. Họ Trịnh đã đúc cho Tổng đốc lưỡng Quảng Hà Châu Phiêu, trên cán gươm có ghi bốn chữ: “Hà Thị Thiệu Sử”.

Về sau, họ Hà tham dự vào đạo binh của Tôn Sĩ Nghị xâm lược Việt Nam, bị Nguyễn Huệ đánh bại. Lúc chạy trốn về Tàu với Sầm Nghi Đống thì bị quân thổ phỉ đang hoạt động dọc biên giới đoạt được. Đến lúc ĐỀ THÁM giương cờ Cần Vương thì dư đảng của bọn này đã đem dâng cho ông để nấu dưới cờ. Khi dâng lên cho ông thì chúng đã khắc chữ “Hoàng” đè lên chữ “Hà” nên gươm này mới mang tên “Hoàng Thị Thiệu Sử”. Nó đã được đúc bằng một thứ thép không kém gì thép blue of Lancashire dùng đúc gươm cho hoàng tộc Anh quốc. Cả Rinh đã run lấy bấy khi cầm thanh gươm này. Anh biết rằng, với thanh gươm này, ĐỀ THÁM chỉ dùng chém đầu bọn nghịch tặc mà ông căm thù tận xương tủy. Ông quát mắt:

- Tội ác của Lê Hoan đáng cho voi dầy ngựa xé. Ta chưa làm được thì lấy làm bức bối. Nay có kẻ tay chân của y lại mò vào đây dâng thư cho ta. Chú đọc lá thư này đi!

Cả Rinh cầm thư. Càng đọc anh càng run sợ. Mặt anh xám ngoắt. Lê Hoan tráo trở đã giết anh rồi. Anh đập đầu dưới chân thủ lĩnh:

- Thừa quan lớn! Oan cho tôi!

ĐỀ THÁM nói như ném đá xuống vực:

- Vậy theo chú, ta phải xử sự như thế nào?

Cả Rinh vẫn chưa hiểu gì cả. Tên thân tín của thằng bán tơ bị trói quặt tay ra sau. Lơ lảo như bù nhìn. Mặt không còn một chút máu. Tiếng ĐỀ THÁM vang lên:

- Ta lệnh cho chú dùng lưỡi gươm này trừng phạt kẻ đã chống lại mệnh trời. Trời giao cho ta khôi phục lại giang sơn này. Chú theo phò ta đã nhiều năm. Vậy chú nghĩ sao?

Cả Rinh đã hiểu ý thủ lĩnh. Anh vung gươm. Từ trời cao đường gươm lóe sáng. Đột ngột anh hạ tay thật gọn. Kẻ thân tín của Lê Hoan không kịp rú. Một dòng máu đen vọt thẳng lên trời. Đầu hẳn lìa khỏi cổ.

Sau lần đó, Đề Thám đều lánh mặt Cả Rinh. Anh không còn được gọi vào để nhận mệnh lệnh từ chủ tướng. Cả Rinh hiểu rằng, Đề Thám đã nghi ngờ mình ăn ở hai lòng nên không còn đối xử như trước. Là một người từng bôn ba cầm quân đi theo Đề Thám, nên anh rất hiểu chủ tướng của mình. Một khi ông đã ngờ vực ai thì không bao giờ ông tha thứ. Vụ chém đầu Đề sặt còn sờ sờ ra đó. Hoảng sợ tột cùng, Cả Rinh bèn tìm kế thoát thân. Ngày 24-10-1909, Cả Rinh cùng 6 người tâm phúc đem 6 khẩu súng trường, một khẩu súng lục mauser và 280 viên đạn ra nộp Lê Hoan để an toàn tính mệnh. Không dưng, Đề Thám mất một tướng giỏi, một lòng một dạ với ông từ những ngày gian khổ nhất!

Cả Rinh ra đầu hàng. Tin đó gây chấn động trong hàng ngũ nghĩa quân. Đề Thám dẫn quân chạy về náu ở phía đông bắc Tam Đảo. Quân Pháp phối hợp với Lê Hoan nhiều lần mở cuộc càn quét, nhưng không tìm ra dấu vết của ông. Một hôm do sự ngẫu nhiên, chúng đã bắt được một người thổ dân ở vùng đó, chính là viên Quản Mán có tiếng tăm và thế lực nhất trong vùng. Vì khả nghi, chúng lập tức khám nhà thì phát hiện ra ấn tín, giấy tờ của Đề Thám. Ông ta bị tra tấn thừa sống thiếu chết, nhưng vẫn không khai nơi đang đóng quân của Đề Thám. Cuối cùng, Lê Hoan khéo léo đem bả danh lợi ra dụ khi, ông ta đã khai tuốt tuột!

Ngày 22-10-1909, tiểu đoàn trưởng Bonifacy liền phái Abblard đem một cánh quân vượt tắt núi Tam Đảo, còn hẳn thì đóng ở mé nam của núi này nhằm tạo thành một gọng kìm vây hãm nghĩa quân. Ngày 24-10, khi quân của Abblard đến nơi thì Đề Thám đã có mặt ở Thác Vàng. Ngày 27-10, lại có tin Đề Thám kéo quân về Đồng Bồng – một địa danh trên sông Công, cách Thác Vàng 4 cây số – Pháp liền truy kích ngay. Sáng ngày 29-10, chúng lội qua sông, xuyên rừng trèo non nhưng vẫn không tìm ra dấu vết. Từ đó, giặc Pháp chốt ở các ngã đường trọng yếu, nhưng đến ngày 10-11 nghe tin Đề Thám đã chạy trốn lọt lên sào huyệt cũ: Yên Thế! Lúc này,

nghĩa quân rất bí thế, lương thực thiếu thốn và bị truy nã rất gắt. Dân chúng trong các làng lân cận đều bị khủng bố, đàn áp nên không ai dám tiếp tế gì cả. Chính vì không chịu đựng được gian khổ nên nhiều người đã ra đầu hàng, trong số đó có Cai Sơn, một tướng giỏi của nghĩa quân. Đêm ngày 21 rạng ngày 22-11, giặc Pháp gặp nghĩa quân tại Phồn Xương. Hai bên giao chiến nhau nhưng Đề Thám khôn khéo dẫn quân chạy thoát. Ngày 30-11, Bonifacy mở một chiến dịch truy lùng nữa, còn Lê Hoan thì chia lính làm nhiều toán nhỏ, hình thành những ổ phục kích phối hợp với lính Pháp lưu động trên các đường ngang ngõ tắt trong rừng. Cuộc truy kích như thế này đã làm cho chúng hết sức mệt mỏi, nhưng cũng gây được kết quả tai hại cho nghĩa quân.

Đề Thám đang ngồi buồn bã trong cánh rừng già. Con mắt ông mở lớn đầy uất ức và căm hờn. Ông đã bị đẩy vào con đường cùng. Quanh đi quẩn lại chỉ còn khoảng trăm người thân tín. Một số khác đã ra đầu hàng nhục nhã. Hơn nữa, bà vợ cả của ông - mẹ Cả Trọng - đã lạc ông trên bước đường chạy khỏi vòng vây rất gắt của giặc. Ông đang ngồi tư lự như thế thì có tiếng cấp báo:

- Thừa quan lớn, có tin của trinh sát báo về là khoảng hai tiếng đồng hồ nữa giặc sẽ ập đến đánh chúng ta.

Đề Thám ngừng mặt lên:

- Vậy à? Bảo bà Ba Cẩn, Cả Huỳnh, Cai Mễ vào đây nhận mệnh lệnh của ta.

- Rồi!

Người lính hầu lui chân. Những tướng giỏi đã đến nhận lệnh. Ông vẫn trầm ngâm:

- Ta có linh tính đây là trận đánh cuối cùng trong đời cầm quân của ta. Vậy, bà Ba và các chú hãy động viên nghĩa quân đánh một trận cho giòn giã. Nậy nhé! Bà Ba nhanh chóng khâu bảy lá cờ hiệu. Cai Mễ bắt ngay bảy con chó gan dạ. Còn Cả Huỳnh thì chuẩn bị chông có tẩm thuốc độc.

Mọi người vẫn chưa hiểu hết ý đồ của ông, nhưng không ai dám hỏi lại. Ông nói tiếp:

- Mỗi con chó sẽ buộc vào cây gậy có treo lá cờ hiệu. Cứ cách 10 mét thì cắm một cây gậy trong hào. Bà Ba ở bên trái với 20 nghĩa quân, khi nào giặc chạy qua bên trái thì mới nổ súng. Còn Cả Huỳnh thì chú cắm chông trước chiến hào, chủ yếu ở phía trái, sau đó đến với ta. Khi giao chiến, đến lúc nào được lệnh của ta thì tất cả cùng vòng ra phía sau đánh tập hậu. Mọi người đừng lo là không ai ở trong hào. Có chú! Những con chó sẽ làm cho cờ hiệu chuyển động, giặc sẽ tưởng ta trong đó nên chúng chỉ phí đạn thôi!

Mọi người khẩn trương triển khai nhiệm vụ. Đúng như báo cáo của trinh sát. Quân Pháp đã kéo binh vào sào huyết Yên Thế. Chúng huênh hoang như bước vào chốn không người vì những tướng giỏi như Cả Trọng, Hai Nom... đã chết, còn Lý Thu, Cả Rinh, Cai Sơn... thì đã ra đầu hàng. Do có chuẩn bị chu đáo trước nên khi giặc Pháp vừa lộ mặt thì chúng đã biến thành những tấm bia di động hứng đạn. Nghĩa quân bắn xối xả. Những thân thịt ngã như thân cây đổ. Hai bên giao chiến suốt mấy tiếng đồng hồ. Đúng như dự kiến của Đề Thám, giặc đã phí rất nhiều đạn để bắn vào chiến hào mà giết... bảy con chó bị buộc vào những lá cờ hiệu. Trong khi đó từ các hầm hố khác, nghĩa quân bắn không sót một tên. Chúng xông lên phía trước chiến hào thì sa vào bãi chông, và nghĩa quân thì vòng sau đánh tới. Giặc chết vô số kể. Nhưng càng đánh, Đề Thám càng thất thế vì Pháp đã huy động những trọng pháo lớn tiếp viện. Lợi dụng lúc trời chập choạng tối, nghĩa quân phải tìm đường rút lui.

Những người chiến sĩ yêu nước chạy tán loạn trong rừng sâu. Súng ống đạn dược chẳng còn bao nhiêu. Ngặt hơn cả là không còn lương thực để cầm cự. Trong những ngày đen tối này, Đề Thám nói với bà Ba Cấn:

- Tình thế này thì lực lượng của chúng ta nguy mất thôi. Bà có kế gì hay?

Bà trầm ngâm một lúc rồi đáp:

- Lúc này không thể mộ thêm binh. Bọn chó săn của giặc sẽ thừa dịp này trà trộn vào nghĩa quân mà cắt đầu ông để lãnh tiền thưởng và phẩm hàm. Vậy tìm kế hòa hoãn à? Không thể được. Kẻ đứng bên bờ vực thì không thể điều đình với đối phương đang vừng như bàn thạch.

- Vậy chúng ta đành bó tay chịu chết?

Bà Ba Cẩn dịu dàng:

- Chỉ còn một cách là chúng ta tìm viện binh mà thôi. Tìm ai có thể giúp cho chúng ta thì ông suy nghĩ xem! Có thể là Lương Tam Kỳ ở chợ Chu?

Đề Thám ngồi yên lặng. Một lát sau ông đáp:

- Tìm đến Lương Tam Kỳ thì chi bằng chúng ta tự trói tay mà nộp mạng cho giặc. Tôi nghĩ thế này bà ạ! Chỉ còn cách là vượt biên giới tìm đến Lương Tú Xuân.

Xuân là lãnh tụ của cải lương Trung Quốc và là bạn thân của ông. Bà Ba Cẩn reo lên:

- Ông nói đúng ý tôi. Vậy ngay bây giờ tôi lên đường nhé!

- Bà không phải đi một mình. Ca Mễ và một toán nghĩa quân sẽ đi theo bà.

Bà đáp như van lơn:

- Không ông ạ! Lúc này ông cần phải có người bên cạnh để bảo vệ tính mạng. Một mình tôi cũng đủ sức thực hiện nhiệm vụ này. Tôi chỉ đi khoảng bảy tám ngày sẽ quay về. Mong ông yên tâm.

Không còn cách nào khác, Đề Thám đành đồng ý. Bà Ba Cẩn liền chuẩn bị lên đường. Trước khi đi bà ôm bé Thế vào lòng mà cất lên tiếng ru buồn buồn:

Ru con con ngủ cho lành

Để mẹ gánh nước rửa bành cho voi

Muốn coi lên núi mà coi

Coi bà Triệu tướng cỡi voi đánh cồng.

Bà ứa nước mắt. Bé Thế mấy ngày nay đói lã, nó đang ngậm vú mẹ mà ngủ ngon lành. Bà lặng lẽ trao con cho Đề Thám.

Trên đường đi tìm sự sống cho nghĩa quân, bà Ba Cẩn cắt rừng mà đi. Rừng chẳng chặt. Tiếng cộp găm đầu đó. Bà không sợ, chỉ sợ bóng giặc còn hung tợn hơn cả hùm sói. Khi đến Chợ Gồ, bà giật thót người khi nghe tiếng nói xì xồ xì xì như chì đổ lỗ. Một toán quân Pháp đang đi tuần tra. Những thẳng lính mũi lõ dưới quyền chỉ huy của trung úy Coureron đang

nai nịt gọn gàng. Súng ống lăm lăm trên tay. Dẫn đầu đoàn quân này là con chó săn chạy lảng xảng. Bà Ba Cẩn liền nhanh chân chui vào trong bụi rậm lẫn trốn. Khẩu súng bắn nhanh được lên cò. Sẵn sàng ứng chiến với tình huống xấu nhất. Mồ hôi ướt đầm áo. Mắt bà căng ra quan sát từng động tĩnh của toán quân tuần tra.

Con chó sục mũi đánh hơi. Bỗng nó sủa lên ầm ỹ. Lộ rồi! Bọn giặc hoảng hốt triển khai đội hình tác chiến. Trung úy Coureron liền ngồi thụp xuống gốc cây. Hắn vừa dáo dác quan sát thì một tiếng súng nổ. Viên đạn xuyên qua ngực. Hắn ngã gục với dòng máu chảy xối xả. Lập tức hàng loạt tiếng súng bắn về phía bà Ba Cẩn đang ẩn nấp. Ụ mỗi trước mặt bà là công sự vững chắc, bà Ba Cẩn bắn quyết liệt. Súng hết đạn. Bà chui ra khỏi bụi rậm tìm đường thoát thân. Con chó săn điên cuồng rượt theo. Khi bà vấp té thì nó say máu nhảy chồm vào người bà. Hàm răng nhọn hoắc của nó đã cắn nát cánh tay của bà. Bọn giặc đuổi theo đến vây bắt được bà. Đó là buổi chiều ngày 1-12-1909.

Ngày tháng trôi qua chậm chạp. Vẫn chưa thấy người vợ yêu quý trở về, Đề Thám không thể cầm được nước mắt khi bé Thế nhớ mẹ và đói đã khóc thảm thiết. Ông phải liệu lĩnh cho vợ Cả Huỳnh công bé Thế chạy vào trong làng tìm thức ăn. Khi đang đi giữa đường thì một toán quân tuần tiễu của Pháp đã phát hiện. Chị toan tìm cách chạy trốn thì một loạt súng vang lên. Chị đành phải đứng lại. Chúng nhìn sòng sọc vào người phụ nữ đơn độc trong rừng. Nhìn hau háu như muốn xé toạc cả quần áo. Chị cất tiếng nói nghiêm nghị:

- Tôi là con dâu ông Đề Thám và đây là con gái của ông.

Bọn giặc khựng lại. Chúng reo lên như thú dữ thấy mồi ngon:

- Thật không? Đúng là trời cho lộc. Con bé này giống ảnh truy nã ông Đề Thám quá!

Họ liền bị đưa về đồn Nhã Nam.

Mấy ngày hôm nay, Bouchet cũng đang điên đầu. Hắn đang giam giữ bà Ba Cẩn, nhưng bà cương quyết không nhận là vợ Đề Thám. Không làm cách gì để lấy khẩu cung được. Mọi thủ đoạn tra tấn nhà nghề của Bouchet

đều bất lực trước thái độ im lặng của bà. Để nhanh chóng kết thúc hồ sơ theo lời giục của G.Michel – chủ tọa của Tòa án Thượng thẩm Đông Dương – Bouchet đã viết sẵn lời khai và buộc bà phải ấn dấu tay làm chứng. Sau khi nghe hẳn đọc biên bản, bà Ba Cẩn vẫn im lặng. Hai thằng lính Pháp to như con gấu xông vào cầm ngón tay trỏ của bà ấn xuống tờ giấy đang bày trước mặt. Bà quắt mắt im lặng. Bouchet dí mũi dao nhọn vào cổ họng của bà:

- Mà mày ngoan cố à?

Mũi dao xoáy dần vào họng. Máu ứa ra đỏ lôm. Một tay đang bị ấn xuống trang giấy, bất ngờ một tay còn lại, bà vụt tước dao của Bouchet đang cầm. Bà chém mạnh xuống bàn. Ngón tay trỏ của bà lìa ra. Máu chảy ròng ròng. Tờ giấy nhòe những máu đỏ tươi. Bouchet rú lên như một kẻ động kinh khi chứng kiến thái độ bình tĩnh lạ lùng của vợ ba Đề Thám. Khi bắt thêm được vợ Cả Huỳnh và bé Thế, thì hẳn nghĩ ra mẹo khác. Đêm đó, Bouchet ra lệnh mổ heo, bò để liên hoan chiến công này! Trong cơn say ngất ngưỡng, hẳn cho gọi bà Ba Cẩn ra. Đó là mẹo đã sắp đặt trước. Vừa thoáng thấy mẹ, bé Thế đã reo lên và ôm chầm lấy bà. Vậy là bà không còn chối cãi được nữa. Hình ảnh đó ghi đậm trong trí nhớ của Bouchet. Sau này về cuối đời khi viết quyển *Au Tonkin - La vie aventureuse de Hoàng Hoa Thám, chef pirate*, in tại Paris 1939, hẳn còn rùng mình nhớ lại: “Lúc đó bà Ba Cẩn đứng trước mặt tôi hiên ngang quá, bà đã ném vào mặt tôi một cái nhìn rất kiêu ngạo”.

Tin dữ này đã đến với Đề Thám, ông giận run người. Thế là, ông đã mất đi người cộng sự cuối cùng can đảm nhất, kiên quyết nhất và cũng trung thành nhất. Đề Thám quyết định đem quân đi đánh đồn Nhã Nam để giải vây những người vừa bị bắt. Vào lúc 1 giờ 30 phút sáng, đang trên đường đi thì đội quân của ông lọt vào ổ phục kích. Tiếng súng nổ ran. Một số nghĩa quân bị bắn chết. Nhờ trời tối nên Đề Thám chạy thoát. Sau trận này, nghĩa quân đã xuống tinh thần. Có người ra đầu hàng, có người bị Lê Hoan dẫn quân đi càn quét được.

Ngày 6-12, Lê Hoan đã bắt được tất cả 78 nghĩa quân, trong số đó có cả em nuôi của Đề Thám – Đề Cồn. Quan Khâm sai đại thần thân độc, y không tra tấn Đề Cồn, mà cho ông ngồi xem thuộc hạ của y khảo cung. Ngón nghề độc chiêu của y là dùng chày đánh thẳng vào mắt cá và đầu gối tù binh. Y hí hửng nói như tép nhảy:

- Đề Cồn! Ông là người giỏi chữ nhất trong đám giặc Đề Thám. Tôi là người trọng chữ nghĩa của thánh hiền, nên tôi không chạm đến lông chân của ông. Tôi nhân đạo đấy chứ! Hề hề...

Cất tiếng cười như sắt nguội. Tiếng chày vang lên thành thịch, những tiếng kêu xé trời! Đề Cồn mím chặt môi. Lê Hoan huỳnh hoang nói tiếp:

- Ông theo Đề Thám bao nhiêu năm, đã viết cho ông ta bao nhiêu lá thư. Nay được tôi đối xử nhân đạo lẽ nào ông không tặng tôi một bài thơ nào sao?

Đề Cồn đáp:

- Thưa ông, tôi không biết làm thơ.

- Không biết làm thơ à? Vậy thì ông đáng được bêu đầu lắm! Tùy ông chọn.

- Vậy ông muốn tôi làm thơ về cái gì? Nơi đây đầy tiếng kêu thảm khốc. Gió tanh mưa máu ngợp trời. Lẽ nào thơ tôi ca ngợi trăng gió tuyết mây à?

Lê Hoan cười trơ tráo như gáo múc dầu:

- Ha ha! Vịn cái chày!

Những cái chày đang tra tấn những đồng đội của ông vọt máu. Lẽ nào ông lại ca ngợi? Ông ngồi ngẫm nghĩ. Lê Hoan thúc:

- Đọc đi!

không còn cách nào khác, Đề Cồn đành chịu theo ý của y, ông đọc khoan thai, chậm rãi:

Ở mạn rừng thiêng vốn tính chày

Nhờ ai đẽo gọt mới nên chày

Xem ra tròn trặn trơ lì gỗ

Dùng đến hung hăng giã nặng chày

*Muốn giã muốn đâm thì phải cỡi
Nào lèn nào nện cũng bằng chày
Chạch, cua ngán nổi chui vào rọ
Xế, mít ghê thay khéo đẽo chày!*

Bài thơ này độc đáo vì chỉ chơi mỗi một vận “chày”. Nghe như Đờ Cồn đang cầm chày mà đập vào mặt Lê Hoan. Y trơ mặt thớt. Y không ngờ Đờ Cồn đã mượn cái chày mà mắng vào mặt mẹt của y. Không nói không rằng, y ra lệnh cho thuộc hạ ngưng tra tấn bằng chày. Y tự tay đẽo những miếng tre nhọn cắm sâu xuống đất cứng, chỉ chừa trên mặt đất khoảng 3 tấc. Đờ Cồn bị bắt phải ngồi bẹp trên cây tre nhọn đó. Hai thằng lính đồng đứng hai bên, ấn mạnh vai Đờ Cồn. Phập! Cây tre dính vào hậu môn. Khi rút ra thì máu trào ra như thọc huyết heo. Đòn tra tấn khủng khiếp này đã khiến nhiều nghĩa quân phải khai ra nơi đang ẩn náu của Đờ Thám! Sau đó, những nghĩa quân này bị xiềng tay giải về Hà Nội, giặc Pháp tống xuống tàu đưa đi đày ở Đảo Guyane - ở Đại Tây Dương gần bờ Nam Mỹ.

Từ thông tin đã khai thác được, thằng bán tơ Lê Hoan đã phúc trình cho Bonifacy: Hiện nay Đờ Thám chỉ còn hai thủ hạ trung thành đang lẩn trốn trong vùng Yên Thế. Thế là quân kháng chiến Đờ Thám xem như đã bị tiêu diệt. Ngày 9-12-1909, Bonifacy cho giải tán quân chủ lực. Hãn chỉ giữ lại một vài tên lính thiện chiến phối hợp với Lê Hoan đi truy lùng Hùm Thiêng Yên Thế.

CHƯƠNG MƯỜI BỐN

Sống chết cốt sao toàn tiết nghĩa

Hơn thua chi sá luận anh hùng

Lệnh truy nã Đề Thám đã tung ra khắp nơi. Đúng như Paul Chack đã nhận định trong quyển Hoàng Hoa Thám, Pirate: “Cái tên ấy sẽ còn làm rung chuyển vùng Yên Thế và làm bạc tóc các công sứ Bắc Giang, Bắc Ninh, Vĩnh Yên và một số tỉnh khác”. Hiện nay, Đề Thám đang lẩn trốn ở đâu? Câu hỏi đó còn làm điên đầu nhà cầm quyền Pháp.

1910. Binh lính ở đồn Chợ Gồ ngày 26-1 đi tuần đã gặp một toán nghĩa quân của Đề Thám. Lúc 9 giờ tối ngày 28-1, lính lê dương chạm trán với nghĩa quân. Những trận đánh đã xảy ra. Quân đội Pháp đã quá mệt mỏi với lối đánh du kích tài tình của Hùm Thiêng Yên Thế. Ngày 28-2, toàn bộ quân của Bonifacy và Lê Hoan rút về Hà Nội. Theo báo cáo của Bouchet thì Đề Thám chỉ còn hai thủ hạ thân tín là Lai Ngọt và Cai Nhi. Vào thời điểm này để trấn an dư luận giới tài phiệt Pháp đang bỏ tiền khai thác Đông Dương, chính phủ Pháp tuyên bố chấm dứt cuộc binh định “loạn quân” ở Yên Thế. Đề Thám vẫn sống ngoài vòng pháp luật.

1911. Bọn lính đồng phao tin đã thấy Đề Thám ở Yên Lệt. Ngày 11-7, hai đội quân khố xanh, khố vàng kéo quân đến bao vây. Chúng phải trả bằng giá 5 tên bị bắn chết, 7 tên bị thương. Đề Thám vẫn thoát. Ngày 15-7, Albert Sarraut lĩnh chức Toàn quyền thay cho Klobukowski. Nhân dịp này, Đề Thám đã gửi thư lên chính phủ xin hòa hoãn, nhưng Sarraut cự tuyệt.

Ông ta nghĩ rằng Đề Thám đã trở thành một nhân vật huyền thoại trong tâm trí dân bản xứ, nếu nhượng bộ lần nữa thì biết đâu Đề Thám lại gầy dựng cơ đồ?

Ngày 2-11, Bouchet đang đi săn ở Yên Lệ thì được báo tin Đề Thám đang lẩn trốn ở mỏm 28 trong rừng. Một đại binh được điều đến bao vây cả khu rừng dưới sự chỉ huy của giám binh Guillaume. Từ Mỏ Trạng, Richy cũng kéo quân đến tiếp viện. Chúng quyết tâm giết cho bằng được kẻ đang uy hiếp đến nền thống trị của Pháp tại Đông Dương. Đạn đã lên nòng. Vòng vây đang siết chặt. Trời âm u. Những bước chân di động với trái tim phập phồng âu lo trong lồng ngực. Bỗng chúng nghe ba tiếng súng nổ đánh và gọn. Ba tên lính tiên phong đi đầu ngã gục. Cả khu rừng lại âm u yên tĩnh. Không một ai dám tiến công nữa. Cả khu rừng bị tưới ét-xăng để đốt cháy. Lửa cháy ngút ngàn. Thêm một phát súng nữa, một tên ngã chết và tất cả bỏ chạy tán loạn. Bọn chúng thoáng thấy Đề Thám mặc áo ka-ki như lính khố xanh đang vụt khỏi vòng vây. Chúng nã đạn đuổi theo. Nhưng bất lực!

Đề Thám lại trốn thoát!

Có tin ông đã chạy tới Bằng Cục.

Những vụ đánh nhau như thế này đã gây xôn xao trong dư luận. Tờ báo Journal des Officiers loan tin là Đề Thám còn có 20 tay súng thiện chiến. Tình hình quả là gay go. Bouchet được gọi về Hà Nội. Toàn quyền Sarraut đã gặp hẳn. Ông ta nói dứt khoát:

- Từ những cuộc phiến loạn của Đề Thám đã cho chúng ta một kinh nghiệm xương máu. Đó là không nên huy động một lực lượng quân sự ồ ạt tấn công một nhóm nghĩa quân lẻ tẻ trong rừng. Trong trường hợp này chỉ cần canh chừng Đề Thám là đủ.

Nói xong quan điểm của mình, Sarraut hỏi lại Bouchet:

- Theo ý của ông thì Đề Thám dựa vào bọn thổ phỉ nào ở Yên Thế? Tôi tin chắc là thế. Nếu không dựa vào bọn này thì làm sao Đề Thám đủ sức tiếp tục gây rối chúng ta?

Bouchet cúi đầu:

- Thưa Ngài, tôi cũng có suy nghĩ như thế. Có thể Đề Thám nương nhờ vào tên tướng cướp Lương Tam Kỳ. Kỳ trước đây đã từng hợp tác với Đề Thám.

- Kỳ là người như thế nào?

Bouchet đáp:

- Thưa Ngài, đây là tên cướp sớm đầu tối đánh. Hắn đã từng cầm quân đánh phá dọc biên giới, là đảng viên của Thái Bình Thiên Quốc. Năm 1890, do chúng ta chiêu dụ nên hắn đã đầu hàng. Ta cho hắn xây dựng đồn điền ở Linh Đàm, gần Chợ Chu để làm ăn lương thiện. Năm nay, hắn đã ngoài 70 tuổi.

- Hắn đam mê những món gì trong cuộc đời?

- Hắn nghiện thuốc phiện nặng. Ham tiền. Và mê gái.

Sarraut khẽ nhú mào:

- Được! Thôi ông lui.

Thế là Sarraut đã nghĩ ra một mưu kế độc địa. Thống sứ Bắc Kỳ là Desteny và giám đốc chính trị vụ của phủ toàn quyền là Bosc liền được mời đến để bàn bạc một kế hoạch mới. Theo kế hoạch này thì Bosc sẽ đích thân lên Chợ Chu để tìm gặp Lương Tam Kỳ.

Gặp Kỳ, Bosc hất hàm hỏi:

- Ông có biết Đề Thám hiện nay đang lẩn trốn ở đâu không?

Kỳ nắm gối đầu trên đùi một đào non. Rút xong một hơi thuốc phiện, hắn khẽ đáp:

- Đã lâu nay nương nhờ dưới mưa móc của chính phủ, tôi không còn quan hệ với Đề Thám nữa.

Bosc cười ruồi khinh bỉ:

- Vậy có người báo là ông đang dung dưỡng Đề Thám. Chính phủ Pháp không tha cho bất cứ ai che giấu Đề Thám. Ông hiểu chứ?

Kỳ giật nảy người như đĩa phải vôi:

- Ông Bosc ạ! Tôi xin thề là tôi không biết Đề Thám đang ở đâu cả!

Bosc ném xuống trước mặt Kỳ một xấp giấy bạc:

- Chúng tôi hiểu thiện ý của ông. Ông sẽ được thưởng 25.000 đồng, nếu ông cắt được đầu Đề Thám. Ông nghĩ sao?

Tiền lóa mắt Kỳ. Hắn đưa tay run rẩy vuốt ve những tờ giấy bạc rồi nâng lên mũi ngửi. Hắn lại rít thêm một hơi thuốc phiện. Khói nha phiến quyện vào những tờ giấy bạc một mùi thơm quyến rũ. Bosc ngồi yên quan sát với bộ mặt lạnh như đồng. Kỳ sẽ đồng ý ngay thôi! Nhưng một lát sau, bỗng Kỳ giật mình như cá mắc cạn:

- Việc này khó lắm. Bao nhiêu người đã làm rồi nhưng có được đâu.

Bosc vỗ về khéo léo:

- Ông Kỳ ạ! Quan Sarraut chỉ muốn ông bắt sống Đề Thám. Chứ không cần phải cắt đầu!

Kỳ dăm chiêu. Con mắt trắng dã liếc nhìn trên vách, ở đó Kỳ cho treo khẩu súng bên cạnh cái đầu con trâu rừng. Hắn chợt nhớ lại những ngày tung hoành ngang dọc. Vó ngựa sa trường. Tiếng súng âm âm bên tai. Bất giác Kỳ thờ dài. Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu.

Bosc nói tiếp:

- Ông chớ phụ lòng của chính phủ. Chúng tôi không phải là kẻ vớt tiền xuống giếng xem tắm. Phải tin tưởng ông như thế nào nên quan Sarraut mới cậy đến ông. Mong ông không từ chối.

Mùi tiền vẫn thơm. Chỉ cần gặt đầu là mọi việc sẽ đâu vào đấy. Tiền quyến rũ như con gái dậy thì đang nằm tênh hênh trên chiếu. Trầm ngâm một lát, Kỳ thờ hắt ra:

- Thôi được. Ông đã tin rồi thì tôi không nỡ phụ ông. Vài ngày sau con trai tôi sẽ lên Hà Nội hầu chuyện với ông.

Bosc mỉm cười hài lòng. Hai ngày sau, Phúc - con nuôi của Kỳ đã gặp Bosc để nhận lệnh. Bosc dặn dò chỉ cần tìm cách bắt sống Đề Thám, chứ không giết chết. Phúc nhận lời.

Vào đầu tháng 1-1913, ba thủ hạ thân tín của cha con Lương Tam Kỳ đến Yên Thế. Một người tên là Tsan-Tac-Ky, 51 tuổi, sút môi lòi ra hai cái răng bịt vàng. Người thứ hai, 37 tuổi tên là Ly-Song-Wa và người thứ ba

tên Tsan-Fong-San, 28 tuổi. Cả ba tên cầu tẩu này đều khỏe mạnh. Chúng trang bị vũ khí đầy đủ. Lặn lội trong rừng suốt gần nửa tháng trời, chúng không tìm được bóng dáng Hùm Thiêng Yên Thế đâu cả. Đường rừng cheo leo. Địa thế hiểm trở đã khiến chúng muốn bỏ cuộc. Lúc nản lòng, muốn quay về thì chúng đã gặp một nhóm người đang đi trong rừng. Chúng tổ chức tấn công. Một người trong số đó có gương mặt hao hao giống Đề Thám liền bị cắt cổ. Đó là buổi chiều ngày 9-2-1913.

Chiếc đầu được đem về cho Lương Tam Kỳ. Hăn sừng sốt. Không phải đầu của Đề Thám! Ba tên thủ hạ tường trình lại sự việc. Kỳ ngồi nghe một cách lơ đãng. Tên bịt răng vàng kể rằng:

Ngày 10-1 chúng đã tìm gặp được Đề Thám. Và tự xưng là đồ đảng trung thành của Lương Tú Xuân từ Quảng Tây đến. Chúng xin theo hầu Đề Thám, ông đồng ý vì Tú là bạn thân của ông. Hơn nữa chúng bịa ra là biết cách chế tạo bom có sức công phá lớn nên Đề Thám tin dùng ngay. Ba tuần đi theo hầu Đề Thám thì lúc nào chúng cũng tìm mọi cách hạ sát ông. Nhưng Đề Thám là một người luôn luôn nghi ngờ, cảnh giác. Ban đêm Đề Thám luôn thay đổi chỗ ngủ. Ông thường nằm trong túp lều tranh. Giường là những thanh tre xếp lại. Phía tay phải, vừa tầm tay với là ba khẩu súng Lebel và hai cái cuốc. Còn hai người nghĩa quân thân tín thì nằm ngoài lều canh phòng mọi sự bất trắc. Bám theo Đề Thám nhiều ngày nhưng chúng vẫn chưa có dịp ra tay. Ngày 9-2, Đề Thám nói với hai nghĩa quân:

- Ở đây có ba cây to làm trở ngại đường đi, hai chú hãy chặt đi. Cây lớn chặt trước rồi đến cây nhỏ để đường đi được thông suốt.

Nghe vậy, chúng chột dạ và quyết ra tay trước. Đêm khuya đó ngoài trời mưa như trút. Những cơn gió mạnh mẽ thổi cánh rừng lay động dữ dội. Đề Thám nằm trần trọc mãi. không ngủ được, ông bèn đem bàn đèn thuốc phiện ra hút (?) rồi thiu thiu mắt ngủ. Rạng sáng, sau khi quan sát thấy hai nghĩa quân cũng ngủ say, chúng bèn lén vào trong lều. Trên tay chúng lăm lăm chiếc cuốc chờ bằm xuống đầu Đề Thám. Tên sứt môi vừa bước đến gần đột nhiên ông mở mắt. Hoảng sợ đến vãi đái trong quần, sợ như bò đến nhà táng, không còn cách nào khác, hăn vung cuốc bổ mạnh xuống đầu Đề

Thám. Hai nghĩa quân nghe tiếng động. Họ vùng dậy. Nhưng không kịp nữa rồi. Ly-Song-Wa và Tsan-Fong-San đã dùng súng bắn chết. Thế là chúng cắt đầu Đề Thám đem về Chợ Chu.

Lương Tam Kỳ liên tục hút thuốc phiện khi nghe thủ hạ kể lại câu chuyện sát hại Đề Thám. Hắn không tin. Bởi lẽ, Đề Thám không hề hút thuốc phiện bao giờ. Và ông là một người rất đa nghi. Những kẻ đi theo hầu mà ông không rõ lai lịch, ông chỉ cho dùng cốc để đào chiến hào phòng thân, chứ không được dùng súng. Vậy súng đâu ra mà chúng bắn chết hai nghĩa quân? Suy nghĩ như thế nhưng Kỳ không nói ra. 25.000 đồng đang hiện về trong tâm trí. Số tiền này không phải là nhỏ. Vào thời điểm này mỗi tạ gạo trị giá chỉ có 3 đồng. Lương của viên tri huyện mỗi tháng chỉ 40 đồng. Con cáo già lười đời bất giác vỗ đùi:

- Ha ha! Khá khen cho chúng mày. Để lại cái đầu Hùm Thiêng đấy cho tao. Chúng mày sẽ được trọng thưởng xứng đáng.

Ba tên cùng cúi đầu:

- Xin đội ơn minh chủ!

Kỳ lờ đờ như con đom đóm đực:

- Bây giờ, cả ba đưa mày xuống đồn Nhã Nam báo cho ông Bouchet biết tin trọng đại này. Nói rằng, tao sẽ đem đầu Đề Thám xuống nộp ngay thôi.

Chúng lui chân thực hiện mệnh lệnh của Kỳ. Cả ba phóng ngựa như bay. Trong khi đó, Kỳ cho gọi Phúc con nuôi vào. Hắn đập ty xuống chiếu một cách giận dữ:

- Mày dạy dỗ thuộc hạ như thế nào mà chúng láo thế. Đây mà là đầu ông Đề Thám à?

Con nuôi Kỳ hoảng hốt:

- Thưa bố, thật thế à?

- Sao không thật! Chúng nó làm như mèo mưa mà lại nói phét như rồng leo. Mày xử sự thế nào cho đúng thì cứ theo đó mà làm.

Phúc kề tai vào Kỳ nói nhỏ. Kỳ gật gù đồng ý.

Đường dẫn về Nhã Nam chập chùng đồi núi. Cả ba tên thủ hạ của Kỳ đang cười nói vui vẻ. Chúng không ngờ câu chuyện bịa ra đã được Kỳ tin ngay. Có lẽ Kỳ đã già nên mắt nhập nhèm chẳng? Ngựa phi đường xa. Chúng đang mơ đến món tiền lớn. Bỗng từ trong rừng rậm, một loạt súng vang lên. Tên lòi răng vàng trúng đạn trước tiên. Hấn ngã ngựa. Những viên đạn tiếp theo kết liễu hai tên còn lại. Ngựa hí vang. Những tên thổ phi trong rừng xuất hiện. Chúng vứt xác ba tên cầu tẩu xuống khe núi hiểm hóc. Thực hiện xong, chúng cho quay ngựa về đồn điền Chợ Chu để gặp Lương Tam Kỳ. Lập tức cha con Kỳ bỏ chiếc đầu lâu trong túi nải lên đường gặp Bouchet.

Tại đồn Nhã Nam. Bouchet ngỡ ngợ khi nhìn chiếc đầu Đê Thám. Hấn không tin vào mắt của mình nữa. Hấn nhìn soi mói chiến lợi. Trước mắt của hấn là một khẩu súng Lebel, hai khẩu mousqueton, 183 viên đạn và cái đầu của Đê Thám. Hấn cho viên quan một Richy dẫn một toán lính đi kiểm tra lại địa điểm đã giết Đê Thám. Đó là Hồ Lầy trong rừng Tổ Cú, cách Chợ Gò 2 cây số. Đến nơi, Richy nhìn thấy có ba cái xác được đặt bên cạnh cái hầm dài độ 2 thước, sâu 0 thước 6, hình bán nguyệt. Nghe Richy báo cáo lại tình hình, Bouchet cấp tốc đánh điện về cho Công sứ Bắc Giang và Thống sứ Bắc Kỳ.

Cái đầu được bêu trước đồn Nhã Nam để thông báo cho dân bản xứ là Đê Thám đã chết.

Ngày 11-2-1913 lập tức báo Tương lai xứ Bắc Kỳ đã có bài “Đê Thám chết rồi chẳng?” của phóng viên Bonnafont ký bút danh “Le nhà quê” với những dòng đưa tin dè dặt: “Trong lúc đang in báo, chúng tôi được tin trong một trận đánh nhau, Đê Thám có lẽ bị bọn cải lương Trung Hoa (Rè formistes Chinois) giết sáng nay trong vùng Nhã Nam. Mong rằng tin này sẽ được chứng thực ngày mai”. Và ngày mai, ngày 12-2 bài báo viết tiếp: “Thế là cái tin báo Tương lai xứ Bắc Kỳ đăng hôm qua đã được chứng thực! Tên cướp già đã chết. Tên của nó sau này chỉ xuất hiện ra dưới ngòi bút như một kỷ niệm nữa thôi. Than ôi là một kỷ niệm đẫm máu! Nhưng dần dần rồi sẽ phai nhạt”.

“Tất cả xứ Bắc Kỳ sẽ hân hoan khi nghe tin này và sẽ đòi cho các người chỉ điểm một phần thưởng xứng đáng với công lao của họ. Chắc rằng chính phủ sẽ không bỏ sót nhiệm vụ ấy.

“Điều quan trọng là, như dưới đây bức điện người phóng viên của chúng tôi ở Bắc Giang chỉ rõ, phải dành cho sự việc này một tiếng vang càng lớn càng tốt để trong đầu óc nhân dân bản xứ không thể ai nghi ngờ về cái chết của Đề Thám mà họ quen thói cho là không ai làm gì được. Chính phủ có nhiệm vụ làm sự quảng cáo cần thiết!

“In kèm theo bài báo này là cái ảnh của Đề Thám chụp năm 1897, chứ không phải cái đầu được bêu ở đồn Nhã Nam (?). Những số tiếp theo ra ngày 13-2 và 16-2, tờ báo này loan tin sẽ cho in tấm ảnh chụp đầu Đề Thám do Labalette, Brault ở Sở Căn nước chụp nhưng rồi không hiểu sao lại không được in (?)

Và chính phủ Pháp ra sức tuyên truyền là Đề Thám đã chết. Điều này hoàn toàn có lợi cho họ. Tạp chí Hội địa dư thương mại ở Paris, Châu Á thuộc Pháp, quyển Lịch sử quân sự Đông Dương, v.v...

Cũng đều đề cập đến cái chết này, trong khi đó, những nhân vật tai mắt thời đó lại không tin là Đề Thám đã chết. Tham tá tỉnh Lạng Sơn là Vi Văn Định cũng đến xem, hẳn cho rằng cái đầu đó không phải của Đề Thám, chỉ là đầu của người giống Đề Thám đã được Lương Tam Kỳ đem đến để lãnh thưởng mà thôi. Vậy sự thật cái chết của Đề Thám như thế nào?

Theo hạn định là cái đầu ấy được bêu trong vòng ba ngày, nhưng đến ngày thứ hai thì chúng đã bị hạ xuống. Và những tấm ảnh đã chụp đều bị tịch thu (?). Thời gian sau, có người chạy vào đồn Nhã Nam báo cáo với Bouchet là chính mắt hẳn trông thấy Đề Thám còn sống sờ sờ ra đó. Bouchet dùng dùng nổi giận hạ lệnh tổng kẻ xấu số vào ngục. Mặc dù Toàn quyền Sarraut đã đánh điện loan tin cho Tổng trưởng bộ thuộc địa biết là đã giết được Hùm Thiêng, nhưng sự việc không dừng lại ở đó. Bouchet điên đầu. Một người đàn bà tự xưng là Thị Tảo – vợ Cả của Đề Thám đã đến đồn khóc lóc với hẳn:

- Chồng tôi không phải là người phạm tội nặng nhất. Nếu không có cô Ba Cẩn tham lam (?) thì chồng tôi còn sống, con trai Cả Trọng của tôi cũng thế. Chúng tôi sẽ sung sướng.

Hắn an ủi người đàn bà này với tâm trạng ngao ngán. Vài ngày sau, lại có người đàn bà Tàu ở miền thượng du đến vật vã với hắn là làm đơn khiếu Phủ toàn quyền là tại sao lại giết chồng mình (?) – một người đàn ông Quảng Đông sang Bắc Kỳ làm ăn lương thiện đã lâu năm! Trong khi đó trong nhân dân thù ghét cái chết Đền Thám bằng nhiều cách khác nhau. Sau này, Hoàng Thị Thế được nghe kể rằng, cái đầu bêu ở Nhã Nam không phải là đầu Đền Thám mà là đầu của sư ông Chùa Lèo. Lương Tam Kỳ có cho ba hạ thủ đi theo Đền Thám thật. Nhưng Kỳ lại liên lạc với Lý Bắc – một thủ hạ cũ của Đền Thám – thực hiện âm mưu: Lý Bắc cho thuốc mê vào canh, Đền Thám ăn phải và bị say bất tỉnh nhân sự. Nhân đó, Kỳ và Lý Bắc giết ông sư Chùa Lèo để lấy đầu nộp cho Pháp. Đồng thời chúng cũng làm cho nhân dân biết rõ như thế vì để tránh dư đảng Đền Thám trả thù về sau. Lại có người kể rằng, cũng trong lúc Pháp loan tin thì tại nhà Thống Luận – một tướng giỏi của Đền Thám đã ra đầu hàng năm 1895 – luôn trong mấy ngày tổ chức cúng lễ ma chay để che mắt thiên hạ. Vì thật ra Thống Luận đã nuôi Đền Thám khi ông bị bệnh và đã chôn cất ông cẩn thận (?). Không rõ sự thật ra sao, chứ sau này chính Thống Luận đã đồng ý gả con gái mình là Thân Thị Huệ cho con trai Đền Thám là Hoàng Văn Vi (tức Phồn).

Để đổi phỏ lại những thông tin bất lợi như thế, chính phủ Pháp làm rùm beng về việc trả công 25.000 đồng cho cha con Lương Tam Kỳ và con nuôi Kỳ từ hậu bố được thăng lên tri phủ phủ Quảng Oai. Đền Thám đã chết rồi chẳng?

CHƯƠNG KẾT THÚC

Cọp chết để da người ta chết để danh

Yên Thế ngàn năm rạng danh Đê Thám

Khi bà Ba Cẩn bị trung đội Coureron bắt ở Chợ Gồ và đưa về giam ở đồn Nhã Nam thì thằng bán tơ có mò đến. Nhan sắc của bà vẫn còn làm y xốn xang. Y nham nhở nói câu bí ối:

- Nếu trước đây bà đồng ý làm vợ lẽ của tôi thì đâu phải khốn nạn như thế này.

Bà Ba quay lưng nhổ toẹt bãi nước bọt xuống đất một cách khinh bỉ. Lê Hoan hậm hực bỏ về.

Sau đó, tất cả những nghĩa quân của Đê Thám đều bị chính phủ Pháp đày sang đảo Guyane. Tàu vừa cập bến Alger, bà Ba Cẩn đã lao xuống biển tự tử. Sóng biển gầm lên dữ dội. Bóng mặt trời nhập nhòa trên biển lúc hoàng hôn tím bầm như cục máu. Đó là buổi chiều ngày 25-11-1910. Riêng Lê Hoan, sau cái chết oanh liệt của bà thì y đâm ra ốm nặng. Ngay cả những bác sĩ Pháp cũng không tài nào đoán nổi được bệnh của y. Con mắt của y cứ mở thao láo suốt ngày đêm. Trừng trừng nhìn lên trần nhà. Y nằm bệt một chỗ, không ăn uống được gì cả. Vài tháng sau thì y tắt thở. Ác giả ác báo chăng?

Lúc này, bé Hoàng Thị Thế tròn 13 tuổi. Thế được đưa sang Pháp với tư cách là con nuôi của Toàn quyền Đông Dương Albert Sarraut. Thủ đoạn tinh vi của Pháp là nhằm tách rời Thế khỏi ảnh hưởng vang dội của Đê

Thám. Điều này cũng giống như trước đây, Pháp từng đưa Kỳ Đồng hoặc con cái của các nhà cách mạng lừng lẫy Việt Nam đi “du học” vậy. Tất cả chỉ nhằm mục đích đào tạo họ trở thành những người sau này phục vụ đắc lực cho mẫu quốc Đại Pháp.

Còn em của Thế là Hoàng Văn Vi (tức Phồn) khi vừa lọt lòng mẹ thì bà Ba Cẩn đã nhờ bà Lý Chuột nuôi giùm - để rảnh tay xông pha trận mạc. Năm 1935, nhà văn Thạch Lam đã lên Bắc Giang tìm gặp ông. Trong bài phóng sự *Bóng Người Yên Thế* (số 8 báo *Ngày Nay*) Thạch Lam nhận xét: “Khi gặp ông, tôi thật lấy làm lạ lòng. Một người đàn ông chậm chạp, nói năng nhỏ nhẹ như sợ hãi cái gì. Khi ông cất mũ chào, tôi thấy cánh tay lên xuống một cách rụt rè, e ngại – một vẻ lễ phép quá độ và không được tự nhiên như người thường. Nhưng không phải cái bề ngoài đó là hình ảnh của bề trong. Người tinh ý tất nhận thấy trên nét mặt, trên cái trán rộng rãi và sáng sủa, cái nghị lực và cái can đảm khác thường. Thỉnh thoảng, đôi mắt tia sáng, một cái cử chỉ bỗng tự nhiên nhanh nhẹn, đủ tỏ cho ta biết cái giông giống mạnh mẽ xưa không mất”. Người con trai nổi dõng độc nhất của Đề Thám đã kể về đời mình như thế nào? Trò chuyện với Thạch Lam, ông Phồn kể:

- U nuôi tôi (bà Lý Chuột) đã thương tôi hơn con đẻ. Vì tôi mà phải chịu bao nhiêu nỗi long đong khổ sở. Năm tôi lên một, có người con rể làm lý trưởng lên ra tỉnh báo, nhà nước sai lính về bắt tôi, u nuôi tôi cùng mấy người con. Nhưng hỏi thế nào, u nuôi tôi vẫn cứ nhất định một mực nhận tôi làm con đẻ. Người ta đã bắt người con trai u nuôi tôi, năm ấy 17 tuổi bỏ vào rọ lặn qua đám chông gai, u nuôi tôi chỉ ứa nước mắt mà lắc đầu. Sau cùng, không biết làm thế nào, họ đưa tôi và u nuôi tôi đi khắp đó đây, tỉnh này sang tỉnh khác, đến những người quen biết thầy tôi trước để xem tôi có giống thầy tôi không.

“Nhưng may lúc bấy giờ tôi lại giống u nuôi tôi lạ. Vì thế, nên sau khi đi chán khắp nơi, họ cũng đành lại để u nuôi tôi ẵm tôi về làng.

“Suốt mấy năm được yên ổn. Người con rể đi báo trước, thầy tôi bắt trói ngược lên cây gạo toan chém. Nhưng sau vì u nuôi tôi xin mãi, nên thầy tôi

cũng tha. Thịnh thoảng có một vài người Tây đến thăm tôi và cho tiền, còn không có gì khác.

“Đến mãi khi tỉnh Thái Nguyên vỡ, tôi lên 7 tuổi, người ta mới lại bắt lên tỉnh, giao cho ông Ân Giáp Bắc Giang nuôi và cho tôi đi học ở trường tỉnh. Mỗi bước đi là có hai người lính đi kèm, họ sợ tôi trốn, mà lúc ấy còn bé, tôi đã biết gì. Như thế, ở nhà ông Ân được năm, sáu năm...”

“Đến năm 12 tuổi, người ta cho tôi ra học trường Bách Nghệ Hà Nội. Vào đến trường, trông thấy cái máy chạy, tôi thích quá, nhất định xin theo học ban máy móc. Nhưng không hiểu tại sao, người ta lại không nhận lời xin ấy, cứ ép tôi học về đẳng thợ mộc. Tôi không nghe, người ta hết sức dỗ dành, cả một ông giáo trong trường cũng dỗ dành tôi nữa.

“Tôi phải học vậy. Ở trường được ba năm, chịu nhiều nỗi cực khổ lắm. Năm tôi 16 tuổi, vì một sự phạt cỏ-vê (corvee) tôi bèn nói với chị tôi xin quan Thống sứ cho về quê làm ruộng...”

Sau này, ông Phồn đã cưới con gái của Thống Luận, sinh được 3 con. Cũng trong chuyến đi này nhà văn Thạch Lam có gặp được ông Cai Phúc. Khi bà Ba Cẩn đi đày sang đảo Guyane thì ông cũng đi trong chuyến đó. Mãn hạn tù, ông trở về quê nhà ở làng Lăng Cao. Lúc bấy giờ, ông đã 76 tuổi, tai điếc, một mắt bị chột. Râu tóc bạc phơ. Mặc quần áo nâu cũ kỹ. Đầu đội cái mũ ni. Nhưng gương mặt răn rỏi, nghị lực. Khi thấy mấy ảnh của Thạch Lam đặt trên giường, ông cầm lấy ngắm nghía kỹ lưỡng rồi quay sang hỏi Phồn:

- Cái này có phải là ống nhòm không?

Rồi ông ngậm ngùi nói:

- Ấy, tối hôm qua, tôi vừa nằm mộng thấy quan thầy tôi là ngài Đề Thám ấy mà. Ở đây, năm nào chúng tôi cũng nhớ ngày cúng giỗ, ngày mồng 8 tháng giêng. Lắm lúc ngồi, tôi cứ phảng phất như thấy hình bóng Ngài ở bên mình, lại nhớ đến hồi trai trẻ sức lực còn nhiều...

Còn vợ ông Cai Phúc thì kể lại những ngày đi theo Đề Thám. Thạch Lam hỏi:

- Đánh nhau đã nguy hiểm như thế thì ông bà theo quan Thám làm gì?

Bà Cai đáp:

- Người làng chúng tôi trước đây nhiều kẻ cường hào lăm. Chúng tôi bị người ta ức hiếp không trông vào ai được, nên phải cầu cứu với quan lớn. Nhờ vậy, chúng tôi mới được yên đây.

Khi Thạch Lam ngó ý muốn chụp ảnh ông bà Cai Phúc để làm kỷ niệm, bà đáp bằng giọng van lơn:

- Thôi em xin ông đừng chụp. Có chụp, xin chụp ông em một cái thôi. Còn em là đàn bà đã già rồi, xin ông miễn cho, đừng để ý đến làm gì.

Sau khi thực hiện bài phóng sự này, báo chí Hà Nội lại rộ lên việc khai thác về cuộc đời oanh liệt của Đề Thám. Đáng tiếc thời đó và ngay cả bây giờ, khi đề cập đến Hùm Thiêng Yên Thế, người ta lại gán cho ông nghiện thuốc phiện nặng (?). Phồn đã viết lá thư gửi về tòa soạn báo Ngày Nay – 55 đường Des Vermicels^[5] để nhờ Nhất Linh Nguyễn Tường Tam cho đăng đính chính lại. Nguyên văn lá thư như sau:

Kính gửi ông Giám đốc báo Ngày Nay

Thưa ngài,

Nhân ông Văn Tước có ngó ý muốn viết một cuốn truyện dài nói về đời của thầy tôi, ông Hoàng Hoa Thám, lại được ngài phái lên hỏi tôi, tôi lấy làm cảm tạ tấm lòng tốt của ngài và của ông Văn Tước.

Đã có nhiều sách do mấy người Pháp viết về chuyện của nhà tôi rồi. Song phần nhiều đều không nhằm hẳn sự thật và có ý coi thầy tôi chỉ như một quân cường bạo. Thực ra, ngay chính cả Chính phủ Bảo hộ cũng không nỡ coi thầy tôi như tác giả những cuốn sách kia. Tôi nói thế là dựa theo bằng cứ hẳn hoi. Sự hiểu nhầm đó, đối với những người ngoại quốc, là lẽ cố nhiên, tôi không lấy làm lạ. Sự lạ là nay lại có người An Nam cứ theo như những cuốn sách của mấy người ngoại quốc đó mà dịch ra, rồi có ý cho là tác phẩm của mình. Người ấy đã không biết trọng sự thực, cứ thấy chuyện là viết, là dịch, là đăng báo. Đó, một chuyện xảy ra mới được hơn vài chục năm nay, mà họ còn hồ đồ như thế. Tôi tuy sinh sau, không được chứng kiến những chuyện của nhà tôi, song tôi đã từng sống chung với

những người ở luôn bên cạnh thầy tôi, chuyện nhà tôi ra sao, những người ấy đã kể cho tôi nghe một cách rành mạch.

Vậy xin có lời nhờ ngài cải chính trên báo những chỗ sai lầm của ông Quan Viên hiện cũng đương dịch đăng chuyện nhà tôi trên tờ Ngọ Báo.

Ngài làm ơn công bố trên báo để mọi người biết cho rằng thầy tôi không nghiện thuốc phiện theo như các sách Tây và bài “Cầu Vòng Yên Thế” của Quan Viên trong Ngọ Báo. Thầy tôi, vì sự thù tiếp, nhà phải có bàn đèn. Người Pháp nhằm nên cho thầy tôi là nghiện đấy thôi. Còn ông Quan Viên chỉ biết phỏng theo sách tây nhưng không chịu khảo xét, nên cũng nhằm là phải lắm.

Kính thư

Hoàng Văn Vi tức Phồn – Bắc Giang

Còn Hoàng Thị Thế thì khi sang Pháp được mọi người gọi là Marie Béatrice Destham. Bà cũng từng tham gia đóng phim, vai Ly Ty trong phim Một bức thư do Hãng Paramount sản xuất tại Paris! Năm 1925, sau khi học xong tú tài phần một, Thế được đưa về làm việc ở Thống sứ Bắc Kỳ. Thời gian này, bà ở nhà tại phố Hàm Long vài tuần cho đón em trai mình – Phồn – cùng về ở. Năm 1927, bà lại bị đưa sang Pháp vì đã phát chẩn quá hào phóng cho dân nghèo huyện Gia Lâm (Hà Nội) và may quần áo cho nhiều học sinh trường Bưởi mà trong số đó có người làm Cách mạng.

Bà Thế đã làm lễ đính hôn với ông Robert Bourges – một nhà tư bản kinh doanh rượu vang ở Bordeaux. Báo Pháp đã đăng lời chúc mừng như sau: “Tại nhà thờ Saint Amand ở Canderan vào khoảng nửa đêm sẽ cử hành hôn lễ giữa quận chúa Hoàng Thị Thế – cháu của cựu hoàng đế Trung Hoa (?) với ông Robert Bourges. Toàn thể nước Pháp chấp nhận quận chúa và chủ định chỗ ở của quận chúa ở Bordeaux, trong một khách sạn cực kỳ sang trọng ở đại lộ Camot”. Năm 1929, bà đã sinh một con trai là Jean Marie Bourges. Ít lâu sau bà ly dị với chồng. Năm 1959, chính quyền Ngô Đình Diệm vận động ráo riết để đưa bà về Sài Gòn. Trong một chuyến công cán ở Paris, vợ Ngô Đình Nhu là Trần Lệ Xuân đã gặp bà Thế với mục đích trên. Bà trả lời thẳng thừng với Xuân:

- Bố ta là anh hùng cứu quốc. Ta không thể đi với quân bán nước.

Sau đó, bà xin về Hà Nội. Người đứng ra tổ chức việc đón bà về nước là ông Phan Kế Toại. Thời gian này, những tầng lớp quan lại cũ, viên chức cũ thân Pháp và cả phần tử phản động trong lực lượng tôn giáo tìm mọi cách lợi dụng tên tuổi Đề Thám qua bà Thế. Năm 1960 bà lại được chính phủ ta vận động đưa lên Bắc Giang làm thư viện ở tỉnh Hà Bắc – phụ trách phần sách báo tiếng Pháp và sách thiếu nhi. Năm 1974, bà lại về sống ở Hà Nội tại căn phòng số 31, nhà EI, khu tập thể Văn Chương. Bà mất vào ngày 9-12-1988 và được chôn trên vùng đất một thời lừng lẫy bóng cờ Đề Thám: Yên Thế.

Khi trở về Việt Nam, thì bà Thế mất liên lạc với con trai Jean Marie Bourges của mình. Mãi đến năm 1993 con gái ông Phồn là bà Hoàng Thị Hải mới nối được liên lạc. Người hồi âm là con dâu của bà Thế, trong thư có viết: “Tìm được họ hàng nhà mẹ chồng, gia đình chúng tôi như hồi sinh”. Vậy là Đề Thám đã có 3 cháu mang quốc tịch Pháp: cháu trai Gerald (học luật), Hubart (học điêu khắc) và cháu gái Florence (học nghệ thuật sân khấu ở Paris).

Và bây giờ, 1995, bóng dáng Đề Thám vẫn còn sừng sững trong lịch sử đấu tranh chống áp bức của dân tộc ta.

Bắt đầu từ ngày 9-2-1913, không một ai còn nhìn thấy Đề Thám. Bốn năm sau, năm 1917, khi bốn ba ở hải ngoại tìm đường cứu nước, bậc ái quốc Phan Bội Châu đã viết bài đầu tiên đề cập đến Hoàng Hoa Thám đăng tên tờ Binh Sự Tạp Chí ở Hàng Châu, Chiết Giang (Trung Quốc) ngâm ngùi hạ bút: “Than ôi! Tội ác của kẻ thù ngút trời, thế lực của kẻ thù thì gấp hàng trăm lần, thế mà ông Hoàng một mình đã chống chọi được với chúng gần ba chục năm trời. Ông đã tập hợp và rèn luyện những con người tầm thường thành một đội ngũ mạnh mẽ và ông đã đường đường là một vị tướng quân tiếng tăm lừng lẫy. Ông thực xứng đáng là một Chân Tướng Quân, xứng đáng là Chân Tướng Quân”.

Bảy năm sau, năm 1920, khi bắt đầu khởi thảo tác phẩm nổi tiếng *Le Procès de la Colonisation Francais*, nhà cách mạng thiên tài Nguyễn Ái

Quốc đã trân trọng viết về Đề Thám: “Bất lực trong mọi việc trừ khử ông Đề Thám trứ danh, vì mọi âm mưu bắn giết ông, thủ tiêu ông bằng thuốc độc hoặc bằng mìn đều thất bại, thực dân Pháp bèn đào mả cha mẹ ông lên, đem hài cốt đổ xuống sông”. Mười sáu năm sau, khi đang hoạt động tại Thái Lan với bí danh Thầu Chín, Nguyễn Ái Quốc đã viết vở kịch Đề Thám (6/1929). Một điều lý thú là chính Nguyễn Ái Quốc đã thủ vai Đề Thám trong vở kịch này. Một nhân vật lịch sử đóng vai một nhân vật lịch sử.

Và chắc chắn một điều nhân vật lịch sử ấy đã trở nên bất tử.

Ba mươi năm khắp núi rừng

Danh ông Đề Thám vang lừng núi sông.

Lê Minh Quốc

(Phú Nhuận ngày 2-9-1995)

[5] Nay là phố Hàng Bún.

Table of Contents

LỜI NÓI ĐẦU

CHƯƠNG MỘT

CHƯƠNG HAI

CHƯƠNG BA

CHƯƠNG BỐN

CHƯƠNG NĂM

CHƯƠNG SÁU

CHƯƠNG BẢY

CHƯƠNG TÁM

CHƯƠNG CHÍN

CHƯƠNG MƯỜI

CHƯƠNG MƯỜI MỘT

CHƯƠNG MƯỜI HAI

CHƯƠNG MƯỜI BA

CHƯƠNG MƯỜI BỐN

CHƯƠNG KẾT THÚC